



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 423 + 424

Ngày 15 tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

21-10-2024- Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung
Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01
năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về
Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đăng từ Công báo số 411 + 412 đến số 423 + 424)

(Tiếp theo Công báo số 421 + 422)

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
436	ĐƯỜNG 59, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	25.600
437	ĐƯỜNG 64, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 65, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	30.100
438	ĐƯỜNG 65, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		30.100
439	ĐƯỜNG 46-BTT	TRỌN ĐƯỜNG		23.100
440	VÕ CHÍ CÔNG	CẦU BÀ CUA	CẦU PHÚ MỸ	33.100
441	ĐƯỜNG 53-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HÀ ĐÔ)	BÁT NÀN	TẠ HIỆN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	34.000
442	ĐƯỜNG 63-TML (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÔNG TY HUY HOÀNG - 174HA)	NGUYỄN AN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	34.000
443	ĐƯỜNG 65-TML (DỰ ÁN CÔNG TY TNHH TRUNG TIẾN)	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN ĐỊA LỘ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	34.000
444	ĐƯỜNG 66-TML (DỰ ÁN CÔNG TY TNHH TRUNG TIẾN)	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 65-TML (DỰ ÁN CÔNG TY TNHH TRUNG TIẾN)	34.000
445	ĐƯỜNG 70-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	ĐƯỜNG 74-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	ĐƯỜNG 69-TML	34.000
446	ĐƯỜNG 71-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIỆM)	34.000
447	ĐƯỜNG 72-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	ĐƯỜNG 74-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	ĐƯỜNG 69-TML	34.000
448	ĐƯỜNG 73-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	CUỐI ĐƯỜNG	34.000
449	ĐƯỜNG 74-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	CUỐI ĐƯỜNG	34.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
450	ĐƯỜNG 75-TML (DỰ ÁN CÔNG TY TNHH ĐÁ BÌNH DƯƠNG)	NGUYỄN ĐỊA LÔ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN MỘNG TUÂN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	34.000
451	ĐƯỜNG 76-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 79-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 80-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	34.000
452	ĐƯỜNG 77-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 79-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 80-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	34.000
453	ĐƯỜNG 78-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 77-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐỒNG VĂN CỎNG	34.000
454	ĐƯỜNG 79-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	LÂM QUANG KY, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU I)	34.000
455	ĐƯỜNG 80-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 79-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	CUỐI ĐƯỜNG	34.000
456	ĐƯỜNG 81-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	LÂM QUANG KY, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU I)	34.000
457	ĐƯỜNG 82-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN ĐỊA LÔ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	LÂM QUANG KY, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	34.000
458	ĐƯỜNG 83-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN ĐỊA LÔ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	LÂM QUANG KY, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	34.000
459	ĐƯỜNG 84-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	34.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
460	ĐƯỜNG 85-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	34.000
461	ĐƯỜNG 86-TML (DỰ ÁN CÔNG TY QUANG TRUNG)	LÂM QUANG KÝ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	34.000
462	ĐƯỜNG 87-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	QUÁCH GIAI	34.000
463	ĐƯỜNG 88-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 96-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	34.000
464	ĐƯỜNG 89-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	TRỌN ĐƯỜNG		34.000
465	ĐƯỜNG 90-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	QUÁCH GIAI	34.000
466	ĐƯỜNG 91-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	VŨ PHƯƠNG ĐÊ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	34.000
467	ĐƯỜNG 92-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	VŨ PHƯƠNG ĐÊ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐƯỜNG 96-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	34.000
468	ĐƯỜNG 93-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 92-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 96-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	34.000
469	ĐƯỜNG 94-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	VŨ PHƯƠNG ĐÊ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	34.000

30

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
470	ĐƯỜNG 95-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 88-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	34.000
471	ĐƯỜNG 96-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 88-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	34.000
472	ĐƯỜNG 97-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐÀM VĂN LỄ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	34.000
473	ĐƯỜNG 98-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐƯỜNG 99-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	34.000
474	ĐƯỜNG 99-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	CUỐI ĐƯỜNG	34.000
475	ĐƯỜNG 100-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	NGUYỄN TRỌNG QUÂN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	34.000
476	ĐƯỜNG 101-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐÀM VĂN LỄ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	34.000
477	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRƯƠNG GIA MÔ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	34.000
478	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	BÁT NÀN	ĐƯỜNG 90-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	38.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
479	ĐƯỜNG 104-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HUY HOÀNG + CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
480	ĐƯỜNG 31-CL (ĐƯỜNG N1- KHU ĐÔ THỊ CÁT LÁI 44HA)	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 69-CL	18.700
481	ĐƯỜNG 33-CL	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 69-CL	18.700
482	ĐƯỜNG 34-CL	TRỌN ĐƯỜNG		21.500
483	ĐƯỜNG 35-CL	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 66-CL	22.700
484	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M ĐẾN 12M - KHU ĐÔ THỊ CÁT LÁI 44HA	TRỌN ĐƯỜNG		19.900
485	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 14M ĐẾN 18M - KHU ĐÔ THỊ CÁT LÁI 44HA	TRỌN ĐƯỜNG		18.700
486	ĐƯỜNG N4, D4, D5 - KHU ĐÔ THỊ CÁT LÁI 44HA	TRỌN ĐƯỜNG		18.700
487	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 8M ĐẾN 12M - (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở VĂN MÍNH + DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN - CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 2), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		34.000
488	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M - (KHU NHÀ Ở 280 LƯƠNG ĐỊNH CỬA), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
489	ĐƯỜNG A (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
490	ĐƯỜNG C (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 7 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	36.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
491	ĐƯỜNG D (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 2 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 7 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	36.500
492	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M (KHU NHÀ Ở MỸ MỸ - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		35.300
493	ĐƯỜNG 43 (KHU NHÀ Ở MỸ MỸ - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		38.500
494	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M (KHU A - DỰ ÁN 131HA)	TRỌN ĐƯỜNG		35.300
495	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI TÂY (DỰ ÁN 131)	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	ĐƯỜNG SỐ 5 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	36.900
496	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 8M - 12M (KHU B VÀ KHU C - DỰ ÁN 131HA)	TRỌN ĐƯỜNG		35.300
497	ĐƯỜNG D (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG K (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG T (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	24.700
498	ĐƯỜNG K (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG S (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	24.700
499	ĐƯỜNG M (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG D (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG S (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	24.700
500	ĐƯỜNG R (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG D (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐỒ XUÂN HỢP	24.700
501	ĐƯỜNG S (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG K (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG T (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	24.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
502	ĐƯỜNG T (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG S (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	24.700
503	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M - 12M (KHU 30,1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		24.700
504	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 8M - 10M (KHU TÁI ĐỊNH CƯ SỐ 3 THUỘC KHU 30HA NAM RẠCH CHIẾC), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		30.500
505	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH TRONG KHU LIÊN HỢP TĐTT RẠCH CHIẾC	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	41.300
506	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 41, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	22.100
507	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	24.100
508	HỒ THỊ NHUNG	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	33.100
509	ĐƯỜNG 45 (KHU DÂN CƯ LAN ANH), PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		35.700
510	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	XUÂN THỦY	35.700
511	AN TƯ CÔNG CHỨA	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	MAI CHỈ THỌ	54.700
512	LƯU ĐÌNH LỄ	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	MAI CHỈ THỌ	54.700
513	ĐƯỜNG NỘI BỘ DỰ ÁN 38,4HA, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
514	ĐƯỜNG BẮC NAM III, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	37.300
515	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		38.000
516	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		33.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
517	ĐƯỜNG SỐ 3 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		33.500
518	ĐƯỜNG SỐ 4 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	34.000
519	ĐƯỜNG SỐ 5 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	34.000
520	ĐƯỜNG SONG HÀNH HƯỚNG NAM ĐƯỜNG CAO TỐC TPHCM - LONG THÀNH - DẦU GIẦY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐỔ XUÂN HỢP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG-AN PHÚ	30.800
521	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ DỰ ÁN 4,8HA CÔNG TY PHÚ NHUẬN - 87HA, PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		35.300
522	ĐƯỜNG 46-CL	ĐƯỜNG 69-CL	ĐƯỜNG 60-CL	25.000
523	ĐƯỜNG 71-CL	TRỌN ĐƯỜNG		20.200
524	ĐƯỜNG 71A-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THỦ THIÊM)	34.000
525	ĐƯỜNG NỘI BỘ DỰ ÁN 143HA, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		31.600
526	TINH THIỀU	DƯƠNG THANH	PHẠM VĂN NGÔN	52.700
527	BẠCH ĐÔNG ÔN	LƯƠNG ĐÌNH CỬA	ĐẶNG ĐÌNH TƯỚNG	52.700
528	PHẠM VĂN NGÔN	AN TƯ CÔNG CHỨA	CUỐI ĐƯỜNG	52.700
529	DƯƠNG THANH	AN TƯ CÔNG CHỨA	BẠCH ĐÔNG ÔN	52.700
530	DƯƠNG LÂM	AN TƯ CÔNG CHỨA	CẦU ÔNG TRẠNH 2	52.700
531	ĐẶNG ĐÌNH TƯỚNG	LƯU ĐÌNH LỄ	BẠCH ĐÔNG ÔN	52.700
532	ĐẶNG BÌNH THÀNH	AN TƯ CÔNG CHỨA	LƯU ĐÌNH LỄ	52.700
533	TRẦN BẠCH ĐĂNG	ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH PHƯỜNG THỦ THIÊM	NÚT GIAO ĐƯỜNG BÙI THIÊN NGỘ VÀ ĐƯỜNG TÔ HỮU	147.500
534	TÔ HỮU	ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH PHƯỜNG THỦ THIÊM	ĐƯỜNG TRẦN BẠCH ĐĂNG VÀ ĐƯỜNG BÙI THIÊN NGỘ	147.500
535	NGUYỄN THIỆN THÀNH	TRẦN BẠCH ĐĂNG	NÚT GIAO ĐƯỜNG TRẦN BẠCH ĐĂNG, ĐƯỜNG TÔ HỮU	147.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
536	NGUYỄN CƠ THẠCH	CẦU THỦ THIÊM 1	BÙI THIÊN NGỘ	147.500
537	HOÀNG THẾ THIỆN	NGUYỄN CƠ THẠCH	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	81.500
538	ĐƯỜNG N1, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG R7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG D1, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	81.500
539	ĐƯỜNG D1, ĐƯỜNG R5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	MAI CHÍ THỌ	CUỐI ĐƯỜNG	81.500
540	ĐƯỜNG D9, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	NGUYỄN CƠ THẠCH	HOÀNG THẾ THIỆN	81.500
541	ĐƯỜNG D8, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	HOÀNG THẾ THIỆN	CUỐI ĐƯỜNG	81.500
542	ĐƯỜNG D7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG N12, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG N13, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	81.500
543	ĐƯỜNG D6, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	HOÀNG THẾ THIỆN	MAI CHÍ THỌ	81.500
544	ĐƯỜNG D5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG N8, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG D4, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	81.500
545	ĐƯỜNG D4, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		81.500
546	ĐƯỜNG D3, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG D6, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG N8, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	81.500
547	ĐƯỜNG SỐ 12, ĐƯỜNG N7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	HOÀNG THẾ THIỆN	BÙI THIÊN NGỘ	81.500
548	ĐƯỜNG N8, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG D4, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	81.500
549	ĐƯỜNG B2, B8, B10, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	81.500
550	ĐƯỜNG B4, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	81.500
551	ĐƯỜNG SỐ 10, ĐƯỜNG N2, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG D6, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	81.500
552	ĐƯỜNG B6, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG B3, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	81.500
553	ĐƯỜNG B12, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	BÙI THIÊN NGỘ	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	81.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
554	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	MAI CHÍ THỌ	ĐƯỜNG SỐ 12, ĐƯỜNG N7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	81.500
555	ĐƯỜNG SỐ 7, ĐƯỜNG B3, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	MAI CHÍ THỌ	BÙI THIÊN NGỘ	81.500
556	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	MAI CHÍ THỌ	BÙI THIÊN NGỘ	81.500
557	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI KHU TRONG KHU ĐÔ THỊ MỚI THỦ THIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		81.500
558	ĐƯỜNG NỘI BỘ 10m KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ 1,8HA PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		27.000
559	ĐƯỜNG NỘI BỘ 22,6M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ 1,8HA PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		38.000
560	ĐƯỜNG NỘI BỘ 24M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ 1,8HA PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		39.500
561	ĐƯỜNG NỘI BỘ 30M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ 1,8HA PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		45.000
II	QUẬN 9 (CŨ)			
562	BÙI QUỐC KHÁI	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	18.300
563	BUNG ÔNG THOÀN	NGUYỄN DUY TRINH	ĐÌNH PHONG PHÚ	22.700
564	CẦU ĐÌNH	LONG PHƯỚC	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	12.600
565	CẦU XÂY	ĐẦU TUYẾN (HOÀNG HỮU NAM)	CUỐI TUYẾN NAM CAO	25.100
566	CẦU XÂY 2	ĐẦU TUYẾN NAM CAO	CUỐI TUYẾN (CẦU XÂY 1)	28.000
567	DÂN CHỦ, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	HAI BÀ TRƯNG	ĐƯỜNG VÀO NHÀ MÁY BỘT GIẶT VISO	26.800
568	DƯƠNG ĐÌNH HỘI	ĐỖ XUÂN HỢP	NGÃ 3 BUNG ÔNG THOÀN	28.400
569	ĐẠI LỘ 2, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		28.400
570	ĐẠI LỘ 3, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		28.400
571	ĐÌNH PHONG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		28.400
572	ĐỖ XUÂN HỢP	NGÃ 4 BÌNH THÁI CẦU NĂM LÝ	CẦU NĂM LÝ NGUYỄN DUY TRINH	33.100 33.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
573	ĐƯỜNG 100A (ĐƯỜNG 100, KHU PHỐ 6 CŨ), PHƯỜNG TÂN PHÚ	CẦU XÂY	ĐƯỜNG 671	22.700
574	ĐƯỜNG 100, KHU PHỐ 1,	QUỐC LỘ 1A	CÔNG 1 SUỐI TIỀN	22.700
		CÔNG 1 SUỐI TIỀN	NAM CAO	20.500
575	ĐƯỜNG 109, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
576	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	HÀNG TRE	18.300
577	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRƯƠNG VĂN HẢI	ĐƯỜNG 8	24.300
578	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	QUANG TRUNG	ĐƯỜNG 11	24.300
579	ĐƯỜNG 1-20, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
580	ĐƯỜNG 120, PHƯỜNG TÂN PHÚ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	22.700
581	ĐƯỜNG 138, PHƯỜNG TÂN PHÚ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG SỐ 154, PHƯỜNG TÂN PHÚ	22.700
582	ĐƯỜNG 144, PHƯỜNG TÂN PHÚ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG SỐ 154, PHƯỜNG TÂN PHÚ	22.700
583	ĐƯỜNG 147, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
584	ĐƯỜNG 15, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	16.600
585	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG LONG BÌNH	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	17.800
586	ĐƯỜNG 160, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
587	ĐƯỜNG 179, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	22.700
588	ĐƯỜNG 185, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
589	ĐƯỜNG 18A, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG SỐ 6A	ĐƯỜNG SỐ 9	25.100
590	ĐƯỜNG 18B, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐẠI LỘ 2	ĐƯỜNG SỐ 6D	25.100
591	ĐƯỜNG 197, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	22.700
592	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
593	ĐƯỜNG 215, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	22.700
594	ĐƯỜNG 22, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		18.300

50

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
595	ĐƯỜNG 22-25, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
596	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	17.300
597	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	18.300
598	ĐƯỜNG 245, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	22.700
599	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	14.200
600	ĐƯỜNG 297, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
601	ĐƯỜNG 339, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
602	ĐƯỜNG 359, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	ĐỖ XUÂN HỢP	ĐƯƠNG ĐÌNH HỘI	18.300
603	ĐƯỜNG 400, PHƯỜNG TÂN PHÚ	QUỐC LỘ 1	HOÀNG HỮU NAM	28.000
604	ĐƯỜNG 442, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	LÃ XUÂN OAI	24.300
605	ĐƯỜNG 475, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
606	ĐƯỜNG TRẦN THỊ ĐIỀU, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TĂNG NHƠN PHÚ		28.000
		TRỌN ĐƯỜNG	NGÃ 4 ĐƯỜNG 79	28.000
607	ĐƯỜNG 671, PHƯỜNG TÂN PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	22.700
608	ĐƯỜNG 6A, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG SỐ 18	ĐƯỜNG 18B	25.100
609	ĐƯỜNG 6B, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG 18A	ĐƯỜNG 18B	25.100
610	ĐƯỜNG 6C, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG 18A	ĐƯỜNG 18B	25.100
611	ĐƯỜNG 6D, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG 18A	ĐƯỜNG SỐ 21	25.100
612	ĐƯỜNG 79, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
613	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ TƯ	TRỌN ĐƯỜNG		21.100
614	ĐƯỜNG LÃNG TĂNG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		27.600
615	ĐƯỜNG LIÊN PHƯỜNG PHÚ HỮU	TRỌN ĐƯỜNG		28.400
616	HỒ THỊ TƯ	LÊ VĂN VIỆT	NGÔ QUYÊN	45.400
617	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	22.300
618	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG LONG BÌNH	HOÀNG HỮU NAM	NGUYỄN XIÊN	17.800
619	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LONG BÌNH	LONG SƠN	CUỐI ĐƯỜNG	19.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
620	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	18.300
621	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG TRƯỜNG THẠNH	TAM ĐA	SÔNG TẮC	19.500
622	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG LONG BÌNH	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG SỐ 11	16.300
623	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	21.500
624	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG LONG BÌNH	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	17.800
625	ĐƯỜNG SỐ 15, PHƯỜNG LONG BÌNH	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	17.800
626	ĐƯỜNG SỐ 154, PHƯỜNG TÂN PHÚ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	HOÀNG HỮU NAM	25.100
627	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	18.300
628	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	22.300
629	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	LÊ VĂN VIỆT	ĐÌNH PHONG PHÚ	18.300
630	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	18.300
631	ĐƯỜNG SỐ 207, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	24.300
632	ĐƯỜNG SỐ 236, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
633	ĐƯỜNG SỐ 265, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	MAN THIÊN	26.800
634	ĐƯỜNG SỐ 275, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG SỐ 265	26.800
635	ĐƯỜNG SỐ 311, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG SỐ 265	26.800
636	ĐƯỜNG SỐ 379, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT (ĐOẠN II)	CUỐI ĐƯỜNG	24.300
637	ĐƯỜNG SỐ 385, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT (ĐOẠN II)	CUỐI ĐƯỜNG	24.300
638	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	16.600

40

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
639	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
640	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LONG BÌNH	NGUYỄN XIÊN	SÔNG ĐỒNG NAI	16.600
641	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	LÒ LU	NHÀ SỐ 22, ĐƯỜNG SỐ 6 (Thửa 11,12 tờ bản đồ số 7)	19.500
642	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	LÒ LU	DỰ ÁN ĐỒNG TĂNG LONG	16.600
643	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
644	ĐƯỜNG SỐ 68, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	NGỖ QUYÊN	28.000
645	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	LÒ LU	CUỐI ĐƯỜNG	19.500
646	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	HÀNG TRE	18.300
647	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		16.200
648	ĐƯỜNG SỐ 85, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	TÂN LẬP I	28.000
649	ĐƯỜNG SỐ 904, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	QUỐC LỘ 22	TÂN HOÀ II	45.400
650	ĐƯỜNG TỔ 1 KHU PHỐ LONG HÒA	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	18.300
651	GỖ CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
652	GỖ NỎI	TRỌN ĐƯỜNG		20.300
653	HAI BÀ TRUNG - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		28.000
654	HÀNG TRE	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	23.900
655	HỒ BÀ PHÂN	TÂY HÒA	CUỐI ĐƯỜNG	28.000
656	HOÀNG HỮU NAM	TRỌN ĐƯỜNG		28.000
657	HÔNG SÊN	ĐẦU TUYẾN (BÙI QUỐC KHÁI)	CUỐI ĐƯỜNG (ĐƯỜNG 24)	18.300
658	HUỲNH THỨC KHÁNG	NGỖ QUYÊN - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	KHÔNG TỬ - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	26.800
659	ÍCH THANH	LÒ LU	CUỐI ĐƯỜNG	25.100
660	KHÔNG TỬ - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	HAI BÀ TRUNG - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	NGỖ QUYÊN - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	28.000
661	LÃ XUÂN OAI	NGÃ 3 LÊ VĂN VIỆT (LÃ XUÂN OAI)	CẦU TĂNG LONG	31.200
		CẦU TĂNG LONG	NGÃ BA LONG TRƯỜNG	30.000
662	LÊ LỢI - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		45.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
663	LÊ VĂN VIỆT	NGÃ 4 THỦ ĐỨC	NGÃ 3 LÃ XUÂN OAI	62.000
		NGÃ 3 LÃ XUÂN OAI	CẦU BẾN NỌC	47.700
		CẦU BẾN NỌC	NGÃ 3 MỸ THÀNH	36.700
664	LỖ LU	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	28.000
665	LONG PHƯỚC	CẦU LONG ĐẠI	CUỐI ĐƯỜNG	21.100
666	LONG SƠN	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	21.200
667	LONG THUẬN	NGÃ 3 LONG THUẬN	LONG PHƯỚC	21.100
668	MẠC HIỂN TÍCH - PHƯỜNG LONG BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		16.600
669	MAN THIỆN	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	34.500
670	NAM CAO	TRỌN ĐƯỜNG		26.800
671	NAM HÒA	TÂY HÒA	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	28.000
672	NGÔ QUYÊN - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		28.000
673	NGUYỄN CÔNG TRỨ - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	HAI BÀ TRUNG - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRẦN HƯNG ĐẠO - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	26.800
674	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU XÂY DỰNG	NGÃ 3 LONG THUẬN	29.600
675	NGUYỄN THÁI HỌC - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	HAI BÀ TRUNG - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRẦN QUỐC TOẢN - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	26.800
676	NGUYỄN VĂN TĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		30.400
677	NGUYỄN VĂN THANH	NGUYỄN VĂN TĂNG	BÙI QUỐC KHAI	18.300
678	NGUYỄN XIÊN	NGÃ 3 LONG THUẬN	CUỐI ĐƯỜNG	28.300
679	PHAN CHU TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
680	PHAN ĐẠT ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
681	PHAN ĐÌNH PHÙNG	KHÔNG TỬ - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ LỢI - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	26.800
682	PHƯỚC THIỆN - PHƯỜNG LONG BÌNH	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
683	QUANG TRUNG	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
684	QUANG TRUNG (NỘI DÀI)	ĐƯỜNG 12	CUỐI TUYẾN	45.400
685	TAM ĐA	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU HAI TỶ	24.200
		CẦU HAI TỶ	RẠCH MƯƠNG	21.900
		RẠCH MƯƠNG	SÔNG TẮC (ĐOẠN THEO HƯỚNG TUYẾN MỚI)	19.900
686	TÂN HOÀ II	TRƯƠNG VĂN THÀNH	MAN THIỆN	34.500
687	TÂN LẬP I, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	QUỐC LỘ 50	45.400
688	TÂN LẬP II	TRỌN ĐƯỜNG		34.500
689	TĂNG NHƠN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		27.600
690	TÂY HOÀ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	ĐỒ XUÂN HỢP	31.600
691	TRẦN HƯNG ĐẠO	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	28.000
692	TRẦN QUỐC TOẢN	KHÔNG TỬ	LÊ LỢI	26.800
693	TRẦN TRỌNG KHIÊM - PHƯỜNG LONG BÌNH	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	16.600
694	TRINH HOÀI ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		28.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
695	TRƯỜNG HANH	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	16.600
696	TRƯỜNG LƯU	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	25.100
697	TRƯỜNG VĂN HẢI	TRỌN ĐƯỜNG		28.000
698	TRƯỜNG VĂN THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
699	TÚ XƯƠNG	PHAN CHU TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	26.800
700	VÕ VĂN HÁT	TRỌN ĐƯỜNG		21.900
701	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	CẦU RẠCH CHIỀC	NGÃ 4 THỦ ĐỨC	32.400
		NGÃ 4 THỦ ĐỨC	NGHĨA TRANG LIỆT SĨ	29.200
702	VÕ CHÍ CÔNG	CẦU BÀ CUA	CẦU PHÚ HỮU	28.400
703	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	LÒ LU	CUỐI ĐƯỜNG	15.800
704	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	LÒ LU	NHÀ SỐ 20 (THỬA 30, TỜ 06)	15.800
705	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	LÒ LU	NHÀ SỐ 48 (THỬA 04, TỜ 07)	15.800
706	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
707	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
708	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
709	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
710	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
711	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
712	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
713	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
714	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
715	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
716	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
717	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
718	ĐƯỜNG SỐ 295, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	ĐƯỜNG SỐ 154, PHƯỜNG TÂN PHÚ	22.700
719	ĐƯỜNG SỐ 319, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	22.700
720	ĐƯỜNG D2, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	PHƯỜNG HIỆP PHÚ	24.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
721	ĐƯỜNG 106, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	MAN THIÊN	ĐƯỜNG 379	23.100
722	ĐƯỜNG 429, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG 385	24.300
723	ĐƯỜNG 441, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
724	ĐƯỜNG 447, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
725	ĐƯỜNG 448, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
726	ĐƯỜNG 449, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	24.300
727	ĐƯỜNG 455, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
728	ĐƯỜNG 591, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
729	ĐƯỜNG 102, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
730	ĐƯỜNG 182, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
731	ĐƯỜNG 494, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	NGÃ 3 LÊ VĂN VIỆT (LÃ XUÂN OAI)	HÈM SỐ 32	25.500
		HÈM SỐ 32	NGÃ 3 ĐƯỜNG LÀNG TĂNG PHÚ	23.100
732	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A - PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	NGÃ 3 LÊ VĂN VIỆT (LÃ XUÂN OAI)	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
733	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	18.300
734	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	CUỐI ĐƯỜNG	17.400
735	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRƯƠNG VĂN HẢI	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	18.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
736	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TĂNG NHƠN PHÚ	ĐÌNH PHONG PHÚ	23.100
737	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A - PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	17.400
738	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A - PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	17.400
739	ĐƯỜNG SỐ 96, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRƯỜNG VĂN THÀNH	TÂN HÒA 2	17.000
740	ĐƯỜNG SỐ 147, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TÂN LẬP II	XA LỘ HÀ NỘI	26.800
741	TỰ DO, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	DÂN CHỦ	CUỐI ĐƯỜNG	21.500
742	ĐƯỜNG D1, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
743	ĐƯỜNG SỐ 77, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TÂN LẬP I	TÂN LẬP II	27.600
744	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG BÌNH, LONG THANH MỸ GIAI ĐOẠN 1, 2	TRỌN ĐƯỜNG		16.600
745	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG BÌNH, LONG THANH MỸ GIAI ĐOẠN 1, 2	TRỌN ĐƯỜNG		17.400
746	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 16M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG BÌNH, LONG THANH MỸ GIAI ĐOẠN 1, 2	TRỌN ĐƯỜNG		19.100
747	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 20M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG BÌNH, LONG THANH MỸ GIAI ĐOẠN 1, 2	TRỌN ĐƯỜNG		20.700
748	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 30M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG BÌNH, LONG THANH MỸ GIAI ĐOẠN 1, 2	TRỌN ĐƯỜNG		25.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
749	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU NHÀ Ở CBCNV TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ BÁN CÔNG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		16.700
750	ĐƯỜNG NỘI BỘ DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ AN VIỆT, PHƯỜNG PHÚ HỮU	TRỌN ĐƯỜNG		20.400
751	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M KHU TÁI ĐỊNH CƯ MẠNH THIỆN 3	TRỌN ĐƯỜNG		28.500
752	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M DỰ ÁN KHU NHÀ Ở KHANG ĐIỀN, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		28.000
753	ĐƯỜNG NỘI BỘ DỰ ÁN KHU NHÀ Ở KIẾN Á, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		28.000
754	ĐƯỜNG NỘI BỘ 10M KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG TĂNG LONG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		18.500
755	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG TĂNG LONG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		18.900
756	ĐƯỜNG NỘI BỘ 15M KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG TĂNG LONG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		19.000
757	ĐƯỜNG NỘI BỘ 20M KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG TĂNG LONG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
758	ĐƯỜNG NỘI BỘ 40M KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG TĂNG LONG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		37.000
759	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
760	ĐƯỜNG NỘI BỘ 16M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		17.500
761	ĐƯỜNG NỘI BỘ 20M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		19.000
762	ĐƯỜNG NỘI BỘ 31M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		23.500
763	ĐƯỜNG NỘI BỘ DƯỚI 12M KHU TÁI ĐỊNH CƯ CÂY DẦU, PHƯỜNG TÂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		22.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
764	ĐƯỜNG NỘI BỘ 18M KHU TÁI ĐỊNH CƯ CÂY DẦU, PHƯỜNG TÂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		25.000
III	QUẬN THỦ ĐỨC (CỦ)			-
765	(ĐƯỜNG SỐ 5) BÀ GIANG	QUỐC LỘ 1K	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	18.300
766	BÌNH CHIẾU	TỈNH LỘ 43	RANH QUẬN ĐOÀN 4	24.300
767	BỒI HOÀN (ĐƯỜNG SỐ 14)	LINH TRUNG	QUỐC LỘ 1	21.500
768	CÂY KEO	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	24.300
769	CHƯƠNG DƯƠNG	VÕ VĂN NGÂN	KHA VẠN CÂN	28.000
770	ĐẶNG THỊ RÀNH	ĐƯƠNG VĂN CAM	TÔ NGỌC VÂN	29.600
771	ĐẶNG VĂN BÌ	VÕ VĂN NGÂN	NGUYỄN VĂN BÁ	32.400
772	ĐÀO TRINH NHẤT (ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG LINH TÂY)	KHA VẠN CÂN	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	35.300
773	ĐOÀN CÔNG HỒN	NGÃ BA HỒ VĂN TƯ	VÕ VĂN NGÂN	30.800
774	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH	PHẠM VĂN ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	25.100
775	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH	PHẠM VĂN ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	25.100
776	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH	HIỆP BÌNH	CUỐI ĐƯỜNG	21.900
777	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	QUỐC LỘ 13	CUỐI ĐƯỜNG	21.900
778	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LINH CHIẾU	HOÀNG DIỆU 2	VÕ VĂN NGÂN	30.400
779	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG LINH CHIẾU	HOÀNG DIỆU 2	KHA VẠN CÂN	15.400
780	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG LINH CHIẾU	HOÀNG DIỆU 2	CUỐI ĐƯỜNG	21.500
781	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG LINH ĐÔNG - TAM PHÚ	LINH ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	17.800
782	ĐƯỜNG SỐ 35, PHƯỜNG LINH ĐÔNG	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
783	ĐƯỜNG SỐ 36 (BẾN ĐÓ), PHƯỜNG LINH ĐÔNG	KHA VẠN CÂN	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
784	ĐƯỜNG SỐ 4 (LINH TÂY), PHƯỜNG LINH TÂY	NGÃ BA NGUYỄN VĂN LỊCH	CUỐI ĐƯỜNG	19.100
785	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG LINH TÂY	KHA VẠN CÂN	CUỐI ĐƯỜNG	21.500
786	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LINH TÂY	KHA VẠN CÂN	CUỐI ĐƯỜNG	21.500
787	ĐƯỜNG SỐ 2 (PHƯỜNG LINH TRUNG)	QUỐC LỘ 1	PHẠM VĂN ĐÔNG	23.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
788	ĐƯỜNG SỐ 3- PHƯỜNG LINH TRUNG	PHẠM VĂN ĐỒNG	ĐƯỜNG SỐ 1	17.000
789	ĐƯỜNG SỐ 4- PHƯỜNG LINH TRUNG	PHẠM VĂN ĐỒNG	ĐƯỜNG SỐ 1	18.700
790	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LINH TRUNG	HOÀNG DIỆU 2	ĐƯỜNG SỐ 7	18.300
791	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG LINH TRUNG	HOÀNG DIỆU 2	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
792	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG LINH TRUNG	HOÀNG DIỆU 2	CUỐI ĐƯỜNG	17.800
793	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG LINH TRUNG	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 7	17.800
794	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG LINH TRUNG	LÊ VĂN CHÍ	ĐƯỜNG SỐ 17	26.400
795	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG LINH TRUNG	QUỐC LỘ 1	XA LỘ HÀ NỘI	23.500
796	ĐƯỜNG SỐ 18, PHƯỜNG LINH TRUNG	QUỐC LỘ 1	XA LỘ HÀ NỘI	23.500
797	ĐƯỜNG SỐ 1 VÀ ĐƯỜNG SỐ 3 (ĐƯỜNG CHỮ U), PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	CUỐI ĐƯỜNG	16.600
798	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	CUỐI ĐƯỜNG	16.600
799	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	ĐƯỜNG SỐ 8 (HIỆP XUÂN)	16.600
800	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	ĐƯỜNG SỐ 11 (TRƯỜNG TRE)	16.600
801	ĐƯỜNG SỐ 8, (ĐƯỜNG XUÂN HIỆP), PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	CUỐI ĐƯỜNG	18.300
802	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	ĐƯỜNG SỐ 11	16.600
803	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG LINH XUÂN	ĐƯỜNG SỐ 8	HÈM 42 ĐƯỜNG 10	16.600
804	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG LINH XUÂN	ĐƯỜNG SỐ 5 (BÀ GIANG)	CUỐI ĐƯỜNG	16.600
805	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
806	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		18.400
807	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG TAM BÌNH	ĐƯỜNG SỐ 11	CHÙA QUAN THÁNH ĐỂ QUÂN	18.300
808	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		18.400
809	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG TAM PHÚ	TÔ NGỌC VÂN	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	18.400
810	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TAM PHÚ	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	18.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
811	ĐƯỜNG BÌNH PHÚ, PHƯỜNG TAM PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		18.400
812	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	NGUYỄN VĂN BÁ (XA LỘ HÀ NỘI)	CUỐI ĐƯỜNG	18.300
813	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	ĐẶNG VĂN BI	CUỐI ĐƯỜNG	18.300
814	ĐƯỜNG SỐ 8 PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	HỒ VĂN TƯ	ĐẶNG VĂN BI	18.300
815	ĐƯỜNG SỐ 9 PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	HỒ VĂN TƯ	ĐẶNG VĂN BI	18.300
816	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	HỒ VĂN TƯ	CẦU PHỐ NHÀ TRÀ	20.700
		CẦU PHỐ NHÀ TRÀ	ĐƯỜNG TRƯỜNG THỌ	18.300
817	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	ĐƯỜNG SỐ 2	CUỐI ĐƯỜNG	18.300
818	ĐƯỜNG SỐ 11, (TRƯỜNG TRE)	NGÃ BA ĐƯỜNG BÀ GIANG	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	18.300
819	DÂN CHỦ PHƯỜNG BÌNH THỌ	VÕ VĂN NGÂN	ĐẶNG VĂN BI	36.500
820	DƯƠNG VĂN CAM	KHA VẠN CÂN	PHẠM VĂN ĐỒNG	29.600
821	GÒ DỪA (HƯỚNG LỘ 25 PHƯỜNG TAM BÌNH)	QUỐC LỘ 1	CHÂN CẦU VƯỢT GÒ DỪA	25.500
		CHÂN CẦU VƯỢT GÒ DỪA	QUỐC LỘ 1 (CHÂN CẦU VƯỢT BÌNH PHƯỚC)	21.500
822	HIỆP BÌNH	PHẠM VĂN ĐỒNG	QUỐC LỘ 13	32.400
823	HỒ VĂN TƯ	NGÃ BA KHA VẠN CÂN	ĐƯỜNG SỐ 10	30.800
		ĐƯỜNG SỐ 10	CUỐI ĐƯỜNG	29.600
824	HOÀNG DIỆU 2	KHA VẠN CÂN	LÊ VĂN CHÍ	33.200
825	KHA VẠN CÂN	NGÃ NĂM CHỢ THỦ ĐỨC	CẦU NGANG	71.700
		CẦU NGANG	PHẠM VĂN ĐỒNG	32.400
		CẦU GÒ DỪA ĐẾN CẦU BÌNH LỢI	BÊN CÓ ĐƯỜNG SẮT	21.100
		ĐƯỜNG SỐ 20 (P.HIỆP BÌNH CHÁNH) ĐẾN CẦU BÌNH LỢI	BÊN KHÔNG CÓ ĐƯỜNG SẮT	25.900
		NGÃ NĂM CHỢ THỦ ĐỨC	PHẠM VĂN ĐỒNG	35.300
826	LAM SƠN	TÔ NGỌC VÂN	LÊ VĂN NINH	28.000
827	LÊ THỊ HOA, PHƯỜNG BÌNH CHIÊU	TỈNH LỘ 43	QUỐC LỘ 1	21.500
828	LÊ VĂN CHÍ	VÕ VĂN NGÂN	QUỐC LỘ 1	32.800
829	LÊ VĂN NINH	NGÃ 5 THỦ ĐỨC	DƯƠNG VĂN CAM	71.700
830	LINH ĐỒNG	PHẠM VĂN ĐỒNG	TÔ NGỌC VÂN	20.300
831	LINH TRUNG	KHA VẠN CÂN	XA LỘ HÀ NỘI	21.900
832	LÝ TÊ XUYỀN	LINH ĐỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	20.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
833	NGÕ CHỈ QUỐC	TỈNH LỘ 43	CUỐI ĐƯỜNG	21.500
834	NGUYỄN VĂN BÁ (PHƯỜNG BÌNH THỌ, TRƯỜNG THỌ)	VÕ VĂN NGÂN	CẦU RẠCH CHIỀC	32.400
835	NGUYỄN VĂN LỊCH	TỔ NGỌC VÂN	KHA VẠN CÂN	21.500
836	PHÚ CHÂU	QUỐC LỘ 1	TỔ NGỌC VÂN	24.300
837	QUỐC LỘ 13 CŨ	QUỐC LỘ 13 MỚI	QUỐC LỘ 1	25.900
		QUỐC LỘ 1	CUỐI ĐƯỜNG	25.900
838	QUỐC LỘ 13 MỚI	CẦU BÌNH TRIỆU	CẦU ÔNG DẦU	35.300
		CẦU ÔNG DẦU	NGÃ TƯ BÌNH PHƯỚC	35.300
		NGÃ TƯ BÌNH PHƯỚC	CẦU VĨNH BÌNH	25.900
839	QUỐC LỘ 1	CẦU BÌNH PHƯỚC	NGÃ TƯ LINH XUÂN	25.900
		NGÃ TƯ LINH XUÂN	NÚT GIAO THÔNG THỦ ĐỨC (TRẠM 2)	25.900
		NÚT GIAO THÔNG THỦ ĐỨC (TRẠM 2)	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	23.100
840	QUỐC LỘ 1K (KHA VẠN CÂN CŨ)	NGÃ TƯ LINH XUÂN	SUỐI NHUM (RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG)	25.900
841	TAM BÌNH	TỔ NGỌC VÂN	HIỆP BÌNH	24.300
842	TAM HÀ	TỔ NGỌC VÂN	PHÚ CHÂU	28.000
843	TAM CHÂU (TAM PHÚ-TAM BÌNH)	PHÚ CHÂU	CUỐI ĐƯỜNG	24.300
844	THỐNG NHẤT (PHƯỜNG BÌNH THỌ)	VÕ VĂN NGÂN	ĐẶNG VĂN BI	36.500
845	TỈNH LỘ 43	NGÃ 4 GÒ DƯA	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	24.300
846	TỔ NGỌC VÂN	KHA VẠN CÂN	PHẠM VĂN ĐÔNG	32.400
		PHẠM VĂN ĐÔNG	CẦU TRẮNG 2	28.000
		CẦU TRẮNG 2	QUỐC LỘ 1	24.300
847	TỔ VĨNH DIỆN	VÕ VĂN NGÂN	HOÀNG DIỆU 2	32.000
848	TRẦN VĂN NỮA (NGÕ QUYÊN)	NGUYỄN VĂN LỊCH	TỔ NGỌC VÂN	19.100
849	TRƯƠNG VĂN NGƯ	LÊ VĂN NINH	ĐẶNG THỊ RÀNH	29.600
850	TRƯỜNG THỌ (ĐƯỜNG SỐ 2)	NGUYỄN VĂN BÁ (XA LỘ HÀ NỘI)	CẦU SẮT	24.300
		CẦU SẮT	KHA VẠN CÂN	21.100
851	VÕ VĂN NGÂN	KHA VẠN CÂN	NGÃ TƯ THỦ ĐỨC	80.600
852	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI (QUỐC LỘ 52)	NGÃ TƯ THỦ ĐỨC	NÚT GIAO THÔNG THỦ ĐỨC (TRẠM 2)	29.200
853	CÁC ĐƯỜNG NHÁNH LÊN CẦU VƯỢT GÒ DƯA, PHƯỜNG TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		24.300
854	PHẠM VĂN ĐÔNG	CẦU BÌNH LỢI	CẦU GÒ DƯA	46.600
		CẦU GÒ DƯA	QUỐC LỘ 1	44.600
855	ĐƯỜNG SỐ 7, LINH CHIỂU	HOÀNG DIỆU 2	CUỐI ĐƯỜNG	21.100
856	ĐƯỜNG SỐ 22, LINH ĐÔNG	LÝ TẾ XUYỀN	ĐƯỜNG SỐ 30	17.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
857	ĐƯỜNG SỐ 25, LINH ĐÔNG	TÔ NGỌC VÂN	ĐƯỜNG SỐ 8	17.800
858	ĐƯỜNG SỐ 30, LINH ĐÔNG	ĐƯỜNG SẮT	CUỐI ĐƯỜNG	17.800
859	ĐƯỜNG SỐ 5, HIỆP BÌNH CHÁNH	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI ĐƯỜNG	28.000
860	ĐƯỜNG SỐ 3	QUỐC LỘ 13	CUỐI ĐƯỜNG	22.300
861	ĐƯỜNG SỐ 7	QUỐC LỘ 13	CUỐI ĐƯỜNG	22.300
862	ĐƯỜNG SỐ 4	QUỐC LỘ 13	CUỐI ĐƯỜNG	22.300
863	ĐƯỜNG SỐ 12	QUỐC LỘ 13	CUỐI ĐƯỜNG	22.300
864	ĐƯỜNG SỐ 14	QUỐC LỘ 13	CUỐI ĐƯỜNG	22.300
865	ĐƯỜNG SỐ 17	PHẠM VĂN ĐỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	25.100
866	ĐƯỜNG SỐ 18	PHẠM VĂN ĐỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	25.100
867	ĐƯỜNG SỐ 20	PHẠM VĂN ĐỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	25.100
868	ĐƯỜNG SỐ 21	PHẠM VĂN ĐỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	25.100
869	ĐƯỜNG SỐ 23	PHẠM VĂN ĐỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	25.100
870	ĐƯỜNG SỐ 24	PHẠM VĂN ĐỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	25.100
871	ĐƯỜNG SỐ 26	PHẠM VĂN ĐỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	25.100
872	ĐƯỜNG SỐ 49	KHA VẠN CÂN (CÓ ĐƯỜNG SẮT)	CUỐI ĐƯỜNG	17.800
873	ĐƯỜNG B	HIỆP BÌNH	CUỐI ĐƯỜNG	17.800
874	ĐƯỜNG SỐ 36	HIỆP BÌNH	CUỐI ĐƯỜNG	17.800
875	ĐƯỜNG SỐ 40	HIỆP BÌNH	CUỐI ĐƯỜNG	17.800
876	ĐƯỜNG SỐ 12	CẦU RẠCH MÔN	NGÃ BA ĐƯỜNG SỐ 26	27.600
877	ĐƯỜNG SỐ 10 (KHU PHỐ 4, 5)	TỬ CÔNG VIÊN CHUNG CƯ OPAL RIVERSIDE	CUỐI ĐƯỜNG (GIÁP RANH NHÀ HÀNG BÊN SÔNG)	27.600
878	ĐƯỜNG SỐ 3	TỪ NHÀ SỐ 1 ĐƯỜNG SỐ 3	ĐẾN ĐẦU ĐƯỜNG 16	27.600
879	ĐƯỜNG SỐ 13	ĐẦU ĐƯỜNG SỐ 16	GIÁP RANH ĐƯỜNG SỐ 10	27.600
880	ĐƯỜNG SỐ 5- LC	HOÀNG DIỆU 2	ĐƯỜNG SỐ 6	23.100
881	ĐƯỜNG SỐ 26, LĐ	LINH ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 22	19.500
882	ĐƯỜNG SỐ 6, LĐ	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 35	17.800
883	ĐƯỜNG SỐ 8, LĐ	ĐƯỜNG SỐ 25	CUỐI ĐƯỜNG	17.800
884	Ụ GHE	BÌNH PHỦ	VÀNH ĐAI 2	13.400
885	ĐƯỜNG SỐ 2- TP	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	14.200
886	ĐƯỜNG SỐ 3- TP	TAM HẠ	HÈM 80 ĐƯỜNG 4	17.800
887	ĐƯỜNG SỐ 5- TP	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	12.200
888	ĐƯỜNG SỐ 7- TP	TÔ NGỌC VÂN	TAM CHÁU	12.200
889	ĐƯỜNG SỐ 8- TP	TÔ NGỌC VÂN	NHÀ SỐ 34 ĐƯỜNG 8	12.200
890	ĐƯỜNG SỐ 9- TP	TRỌN ĐƯỜNG		17.800
891	LÝ TÊ XUYỀN (NÓI DÀI)	CÂY KEO	TAM BÌNH	20.300
892	NGUYỄN THỊ NHUNG	QUỐC LỘ 13 MỚI	ĐƯỜNG VEN SÔNG	33.600
893	ĐINH THỊ THI	QUỐC LỘ 13 MỚI	ĐƯỜNG VEN SÔNG	33.600
894	ĐƯỜNG SỐ 1, KP.5	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	17.800
895	ĐƯỜNG SỐ 2, KP.6	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	17.800
896	ĐƯỜNG SỐ 3, KP.5	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	17.800
897	ĐƯỜNG SỐ 4, KP.6	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	17.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
898	ĐƯỜNG SỐ 6, KP.6	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	17.800
899	ĐƯỜNG SỐ 7, KP.5	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	17.800
900	ĐƯỜNG SỐ 8, KP.4	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	17.800
901	ĐƯỜNG SỐ 9	ĐƯỜNG SỐ 7, KP.5	CUỐI TUYẾN	17.800
902	ĐƯỜNG SỐ 10, KP.2	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	17.800
903	ĐƯỜNG SỐ 11, KP.3	QUỐC LỘ 13 CŨ	CUỐI TUYẾN	17.800
904	ĐƯỜNG SỐ 12, KP.2	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	17.800
905	ĐƯỜNG SỐ 15, KP.3	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	16.600
906	ĐƯỜNG SỐ 21, KP.1	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	16.600
907	ĐƯỜNG 3, KHU NHÀ Ở HIỆP BÌNH, KP.4	ĐƯỜNG 20, KHU NHÀ Ở HIỆP BÌNH, KP.4	CUỐI TUYẾN	21.100
908	ĐƯỜNG 14, KHU NHÀ Ở HIỆP BÌNH, KP.4	HÈM 606, QL.13, KP.4	CUỐI TUYẾN	21.100
909	ĐƯỜNG 1, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	NGUYỄN THỊ NHUNG	CUỐI ĐƯỜNG	28.400
910	ĐƯỜNG 2, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 1, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 8, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	24.700
911	ĐƯỜNG 5, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	NGUYỄN THỊ NHUNG	ĐƯỜNG 15, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	27.600
912	ĐƯỜNG 7, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG SỐ 24, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	CUỐI ĐƯỜNG	27.600
913	ĐƯỜNG 9, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 6, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 8, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	24.700
914	ĐƯỜNG 10, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 5, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 16, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	30.400
915	ĐƯỜNG 12, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 5, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 10, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	25.500
916	ĐƯỜNG 13, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 5, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 10, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	24.700
917	ĐƯỜNG 14, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 5, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 10, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	24.700
918	ĐƯỜNG 15, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 10, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
919	ĐƯỜNG SỐ 6, KHU NHÀ Ở HIỆP BÌNH, KP.6	ĐƯỜNG SỐ 3, KHU NHÀ Ở HIỆP BÌNH, KP.6	CUỐI TUYẾN	22.300
920	ĐƯỜNG SỐ 16, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	NGUYỄN THỊ NHUNG	CUỐI ĐƯỜNG	27.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
921	ĐƯỜNG SỐ 18, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG SỐ 24, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 7, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	30.400
922	ĐƯỜNG SỐ 20, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 33, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	CUỐI TUYẾN	30.400
923	ĐƯỜNG SỐ 22, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	NGUYỄN THỊ NHUNG	ĐƯỜNG 7, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	24.700
924	ĐƯỜNG SỐ 24, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 15, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	CUỐI ĐƯỜNG	27.600
925	ĐƯỜNG SỐ 29, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 15, KHU NHÀ VẠN PHÚC	CUỐI ĐƯỜNG	24.700
926	ĐƯỜNG SỐ 33, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 18, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG SỐ 24, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	30.400
927	ĐƯỜNG SỐ 34, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐINH THỊ THI	CUỐI ĐƯỜNG	24.700
928	ĐƯỜNG SỐ 36, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 32, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 34, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	24.700
929	ĐƯỜNG SỐ 37, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 32, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	CUỐI ĐƯỜNG	24.700
930	ĐƯỜNG SỐ 50, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	TRỌN ĐƯỜNG		24.700
931	ĐƯỜNG SỐ 52, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	NGUYỄN THỊ NHUNG	CUỐI ĐƯỜNG	24.700
932	NGUYỄN THỊ DIỆP	TỈNH LỘ 43	NGÕ CHỈ QUỐC	21.900
933	NGUYỄN THỊ THÍCH	TỈNH LỘ 43	NGÕ CHỈ QUỐC	21.900
934	ĐƯỜNG SỐ 6 KHU PHỐ 2 (KHU DÂN CƯ BÌNH ĐỨC)	CẦU BÌNH ĐỨC	ĐẾN ĐƯỜNG SỐ 1	21.500
935	ĐƯỜNG SỐ 11 KHU PHỐ 2 (KHU DÂN CƯ BÌNH ĐỨC)	ĐƯỜNG SỐ 2	CUỐI ĐƯỜNG	21.500
936	ĐƯỜNG SỐ 15 KHU PHỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 4	CUỐI ĐƯỜNG	20.300
937	ĐƯỜNG SỐ 9 KHU PHỐ 4	QUỐC LỘ 1	CUỐI ĐƯỜNG	20.300
938	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU PHỐ 2 (KHU DÂN CƯ BÌNH ĐỨC)	ĐƯỜNG SỐ 23	CUỐI ĐƯỜNG	21.500
939	ĐƯỜNG SỐ 4 KHU PHỐ 4, 5, 6	GIÁP RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	ĐƯỜNG SỐ 3	20.300
940	ĐƯỜNG SỐ 13 KHU PHỐ 3, 4, 5	QUỐC LỘ 1	LÊ THỊ HOA	20.300
941	ĐƯỜNG SỐ 19	ĐƯỜNG SỐ 4	CUỐI ĐƯỜNG	20.300
942	ĐƯỜNG SỐ 4 KHU PHỐ 2 (KHU DÂN CƯ BÌNH ĐỨC)	ĐƯỜNG SỐ 15	CUỐI ĐƯỜNG	20.300
943	ĐƯỜNG SỐ 1	NGÃ 3 ĐƯỜNG SỐ 11 VÀ ĐƯỜNG SỐ 2	CUỐI ĐƯỜNG	16.200
944	ĐƯỜNG SỐ 6	NGÃ 3 ĐẶNG VĂN BI	KHO VẠN	18.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
945	ĐƯỜNG SỐ 10	NGÃ 3 HỒ VĂN TỰ	ĐƯỜNG SỐ 9	14.600
946	ĐƯỜNG SỐ 1	NGÃ 4 RMK	CUỐI ĐƯỜNG	16.200
947	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ TRƯỜNG THỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
948	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU DÂN CƯ TRƯỜNG THỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
949	ĐƯỜNG SỐ 3 KHU DÂN CƯ TRƯỜNG THỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
950	ĐƯỜNG SỐ 4 KHU DÂN CƯ TRƯỜNG THỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
951	ĐƯỜNG SỐ 5 KHU DÂN CƯ TRƯỜNG THỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
952	ĐƯỜNG SỐ 6 KHU DÂN CƯ TRƯỜNG THỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
953	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ HIM LAM	TRỌN ĐƯỜNG		16.200
954	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU DÂN CƯ HIM LAM	TRỌN ĐƯỜNG		16.200
955	ĐƯỜNG SỐ 3 KHU DÂN CƯ HIM LAM	TRỌN ĐƯỜNG		16.200
956	NGUYỄN BÁ LUẬT	VÕ VĂN NGÂN	ĐƯỜNG SỐ 4	36.500
957	ĐƯỜNG SỐ 4	DÂN CHỦ	ĐƯỜNG SỐ 9	20.700
958	ĐƯỜNG SỐ 6	DÂN CHỦ	ĐƯỜNG SỐ 9	22.700
959	ĐƯỜNG SỐ 8	NGUYỄN BÁ LUẬT	ĐƯỜNG SỐ 9	20.700
960	ĐƯỜNG SỐ 9	ĐẶNG VĂN BI	ĐƯỜNG SỐ 8	22.700
961	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 9	VÕ VĂN NGÂN	32.000
962	ĐƯỜNG SỐ 13	VÕ VĂN NGÂN	HÈM 20	32.000
		HÈM 20	ĐẶNG VĂN BI	25.100
963	BÁC ÁI	VÕ VĂN NGÂN	ĐẶNG VĂN BI	28.400
964	CÔNG LÝ	CHU MẠNH TRINH	ĐẶNG VĂN BI	28.400
965	ĐOÀN KẾT	VÕ VĂN NGÂN	KHÔNG TỬ	28.400
966	ĐỘC LẬP	EINSTEIN	LÊ QUÝ ĐÓN	28.400
967	ĐỒNG TIỀN	HÔNG ĐỨC	CUỐI ĐƯỜNG	28.400
968	HÒA BÌNH	KHÔNG TỬ	ĐẶNG VĂN BI	28.400
969	HỮU NGHỊ	VÕ VĂN NGÂN	HÀN THUYỀN	28.400
970	NGUYỄN KHUYẾN	ĐOÀN KẾT	THÔNG NHẤT	28.400
971	CHU MẠNH TRINH	DÂN CHỦ	THÔNG NHẤT	28.400
972	LƯƠNG KHAI SIÊU	DÂN CHỦ	ĐOÀN KẾT	28.400
973	HÀN THUYỀN	ĐOÀN KẾT	NGUYỄN VĂN BÁ	28.400
974	KHÔNG TỬ	DÂN CHỦ	NGUYỄN VĂN BÁ	28.400
975	EINSTEIN	DÂN CHỦ	NGUYỄN VĂN BÁ	28.400
976	HÔNG ĐỨC	DÂN CHỦ	NGUYỄN VĂN BÁ	28.400
977	LÊ QUÝ ĐÓN	BÁC ÁI	NGUYỄN VĂN BÁ	28.400
978	PHAN HUY CHÚ	THÔNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	28.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
979	TAGORE	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	28.400
980	NGUYỄN CÔNG TRỨ	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	28.400
981	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	28.400
982	NGUYỄN TRƯỜNG TÔ	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	28.400
983	CHU VĂN AN	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	28.400
984	ALEXANDREDE RHOHE	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	28.400
985	PASTEUR	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	28.400
986	ĐƯỜNG SỐ 5, LINH TÂY	ĐƯỜNG SỐ 4	PHẠM VĂN ĐÔNG	19.100
987	ĐƯỜNG SỐ 6, LINH TÂY	PHẠM VĂN ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 9	21.500
		ĐỐI DIỆN ĐƯỜNG 7	ĐƯỜNG SỐ 5, LINH TÂY	19.100
988	ĐƯỜNG SỐ 8, LINH TÂY	KHA VĂN CĂN	ĐƯỜNG SỐ 9	19.100
989	ĐƯỜNG SỐ 1 -TB	QUỐC LỘ 1	PHỦ CHÁU	19.500
990	ĐƯỜNG SỐ 2 -TB	TRỌN ĐƯỜNG		19.500
991	ĐƯỜNG SỐ 3 -TB	TRỌN ĐƯỜNG		19.500
992	ĐƯỜNG SỐ 4-TB	TRỌN ĐƯỜNG		19.500
993	ĐƯỜNG SỐ 11-TB	ĐƯỜNG SỐ 10	NHÀ SỐ 128	20.300
994	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU CHỢ TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
995	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ SAVICO PHƯỜNG TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
996	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		20.300
997	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ CHỢ ĐẦU MŨI NÔNG SẢN THỰC PHẨM THỦ ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
998	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ TỔ 2, HẸM SỐ 10, ĐƯỜNG 7, KHU PHỐ 2	TRỌN ĐƯỜNG		16.600
999	ĐƯỜNG SỐ 1-LTR	PHẠM VĂN ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 4	19.900
1000	ĐƯỜNG SỐ 5-LTR	HOÀNG DIỆU 2	CUỐI ĐƯỜNG	17.400
1001	ĐƯỜNG SỐ 10-LTR	ĐƯỜNG SỐ 8	LINH TRUNG	19.900
1002	ĐƯỜNG SỐ 11-LTR	LÊ VĂN CHÍ	LINH TRUNG	19.900
1003	ĐƯỜNG SỐ 12-LTR	ĐƯỜNG SỐ 13	QUỐC LỘ 1	21.500
1004	ĐƯỜNG SỐ 13-LTR	ĐƯỜNG SỐ 14	ĐƯỜNG SỐ 1	21.500
1005	ĐƯỜNG SỐ 15-LTR	CUỐI ĐƯỜNG	ĐƯỜNG SỐ 12	21.500
1006	ĐƯỜNG SỐ 2 - LX (VÀNH ĐAI ĐHQG)	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	18.300
1007	ĐƯỜNG SỐ 15- LX (NGUYỄN TRI PHƯƠNG - PHƯỜNG AN BÌNH, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG)	ĐƯỜNG SỐ 15	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	18.300
1008	ĐƯỜNG SỐ 2-LX, KHU TĐC 6,8HA	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG ĐỘC SUỐI NHUM	22.500
1009	ĐƯỜNG SỐ 4- LX, KHU TĐC 6,8 HA	ĐƯỜNG ĐỘC SUỐI NHUM	CUỐI ĐƯỜNG	22.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
1010	ĐƯỜNG SỐ 5- LX, KHU TĐC 6,8 HA	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG ĐỌC SUỐI NHUM	22.500
1011	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ 7/4A KHA VẠN CÂN, PHƯỜNG LINH ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		28.000
1012	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M KHU NHÀ Ở PHƯỜNG LINH TÂY (ARECO)	TRỌN ĐƯỜNG		24.000
1013	ĐƯỜNG NỘI BỘ DƯỚI 14M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐẠI NHÂN PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		30.500
1014	ĐƯỜNG NỘI BỘ 16M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐẠI NHÂN PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		31.500
1015	ĐƯỜNG NỘI BỘ 20M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐẠI NHÂN PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		34.000
1016	ĐƯỜNG NỘI BỘ 25M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐẠI NHÂN PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		37.500
1017	ĐƯỜNG NỘI BỘ 8M KHU TRONG KHU DÂN CƯ BÌNH CHIỂU, PHƯỜNG BÌNH CHIỂU (CÁC NỀN CÓ DIỆN TÍCH TỪ 100m ² - 200m ²)	TRỌN ĐƯỜNG		23.200
1018	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M KHU TRONG KHU DÂN CƯ BÌNH CHIỂU, PHƯỜNG BÌNH CHIỂU (CÁC NỀN CÓ DIỆN TÍCH TỪ 100m ² - 200m ²)	TRỌN ĐƯỜNG		24.600

BẢNG 10**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN NHÀ BÈ***(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	PHẠM HÙNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	22.500
2	ĐẶNG NHỮ LÂM	HUỲNH TÂN PHÁT	KHO DẦU B	16.000
3	ĐÀO SƯ TÍCH	LÊ VĂN LƯƠNG	CẦU PHƯỚC LỘC	15.500
		CẦU PHƯỚC LỘC	CUỐI ĐƯỜNG	12.800
4	ĐÀO TÔNG NGUYỄN	HUỲNH TÂN PHÁT	KHO DẦU C	16.000
5	NGUYỄN VĂN RẰNG	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
6	DƯƠNG CÁT LỢI	HUỲNH TÂN PHÁT	KHO DẦU A	16.000
7	ĐƯỜNG LIÊN ẤP 2-3	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
8	ĐƯỜNG LIÊN ẤP 3-4	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
9	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN HUYỆN TẠI XÃ LONG THỚI	TRỌN ĐƯỜNG		10.800
10	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ RẠCH NÒ (THỊ TRẤN NHÀ BÈ)	TRỌN ĐƯỜNG		15.000
11	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ THÁI SƠN (XÃ PHƯỚC KIẾN)	TRỌN ĐƯỜNG		18.000
12	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ THANH NHỰT (XÃ PHƯỚC KIẾN)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 20M	TRỌN ĐƯỜNG		16.000
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 16M	TRỌN ĐƯỜNG		14.800
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 15M	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M	TRỌN ĐƯỜNG		13.700
13	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN (XÃ PHƯỚC KIẾN)	TRỌN ĐƯỜNG		16.800
14	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC (XÃ LONG THỚI)	TRỌN ĐƯỜNG		10.800
15	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ KHU VỰC CẦU BÀ SÁU (XÃ NHƠN ĐỨC)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 20M	TRỌN ĐƯỜNG		10.600
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M	TRỌN ĐƯỜNG		8.900
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M	TRỌN ĐƯỜNG		8.600

2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
16	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHƯỚC KIẾN GIAI ĐOẠN I (XÃ PHƯỚC KIẾN)	TRỌN ĐƯỜNG		13.400
17	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		15.000
18	ĐƯỜNG VÀO KHO XĂNG DẦU LÂM TÀI CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		12.800
19	ĐƯỜNG VÀO KHO XĂNG DẦU PETECHIM	TRỌN ĐƯỜNG		13.500
20	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VITACO (XÃ PHÚ XUÂN)	TRỌN ĐƯỜNG		9.100
21	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRUNG TÂM SINH HOẠT THANH THIẾU NIÊN (THỊ TRẤN NHÀ BÈ)	TRỌN ĐƯỜNG		13.300
22	LÊ THỊ TÁM	TRỌN ĐƯỜNG		8.100
23	HUỖNH TÂN PHÁT	CẦU PHÚ XUÂN	ĐÀO TÔNG NGUYỄN	25.800
		ĐÀO TÔNG NGUYỄN	MŨI NHÀ BÈ	19.800
24	LÊ VĂN LƯƠNG	CẦU RẠCH ĐĨA	CẦU LONG KIẾN	19.200
		CẦU LONG KIẾN	CẦU RẠCH TÔM	15.000
		CẦU RẠCH TÔM	CẦU RẠCH DƠI	12.800
25	NGŨ QUANG THẨM	NGUYỄN VĂN TẠO	LÊ VĂN LƯƠNG	8.400
26	NGÃ BA ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.700
27	NGUYỄN BÌNH	HUỖNH TÂN PHÁT	CẦU MUƠNG CHUỐI	12.900
		CẦU MUƠNG CHUỐI	LÊ VĂN LƯƠNG	10.200
		LÊ VĂN LƯƠNG	ĐÀO SƯ TÍCH	8.400
28	NGUYỄN HỮU THỌ	CẦU RẠCH ĐĨA 2	CẦU BÀ CHIÊM	26.600
		CẦU BÀ CHIÊM	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC	15.400
29	NGUYỄN VĂN TẠO	NGUYỄN BÌNH	CẦU HIỆP PHƯỚC	15.400
		CẦU HIỆP PHƯỚC	SÔNG KINH LỘ	8.400
		SÔNG KINH LỘ	RANH TỈNH LONG AN	6.300
30	PHẠM HỮU LẬU	CẦU PHƯỚC LONG	LÊ VĂN LƯƠNG	16.200
31	PHAN VĂN BẦY	KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC	CẦU LONG HẬU	9.900
32	PHẠM THỊ KỶ	NGUYỄN BÌNH	NHÀ THIẾU NHI	10.300
		NGUYỄN BÌNH	CÓNG NGĂN TRIỀU	10.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
33	PHẠM THỊ QUY	TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ	NHÀ THIỆU NHI	10.300
34	DƯƠNG THỊ NĂM	NGUYỄN BÌNH	TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ	10.300
35	LÊ THỊ KÍNH	LÊ VĂN LƯƠNG	NGUYỄN HỮU THỌ	18.000
36	TRẦN THỊ LIÊN	LÊ VĂN LƯƠNG	NGÃ RÈ NHÀ SỐ 1017/56	13.400
37	TRẦN THỊ TAO	LÊ VĂN LƯƠNG	ĐƯỜNG SỐ 16 KHU DÂN CƯ PHƯỚC KIÊN	13.400
38	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ HỒNG LĨNH (THỊ TRẤN NHÀ BÈ)	TRỌN ĐƯỜNG		16.000
39	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ MINH LONG (THỊ TRẤN NHÀ BÈ)	TRỌN ĐƯỜNG		16.000
40	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ GIA VIỆT (THỊ TRẤN NHÀ BÈ)	TRỌN ĐƯỜNG		16.000
41	ĐƯỜNG VÀO DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHÚ XUÂN (XÃ PHÚ XUÂN)	TRỌN ĐƯỜNG		16.000
42	ĐƯỜNG VÀO KHU DÂN CƯ CÔNG TY DVTM-KD NHÀ SÀI GÒN MỚI (THỊ TRẤN NHÀ BÈ)	TRỌN ĐƯỜNG		16.000
43	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TRẦN THÁI (XÃ PHƯỚC KIÊN)	TRỌN ĐƯỜNG		18.000
44	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN AN HUY (XÃ PHƯỚC KIÊN)	TRỌN ĐƯỜNG		18.000
45	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VẠN PHÁT HƯNG (XÃ PHÚ XUÂN)	TRỌN ĐƯỜNG		16.000
46	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VẠN HƯNG PHÚ (XÃ PHÚ XUÂN)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 20M	TRỌN ĐƯỜNG		21.000
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 16M	TRỌN ĐƯỜNG		19.300
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M	TRỌN ĐƯỜNG		17.800
47	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ CÔNG TRÌNH CẢNG SÀI GÒN (XÃ PHÚ XUÂN)	TRỌN ĐƯỜNG		16.000
48	ĐƯỜNG NỘI BỘ - KHU DÂN CƯ COTEC (XÃ PHÚ XUÂN)	TRỌN ĐƯỜNG		9.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
49	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ T30 (XÃ PHƯỚC LỘC)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 40M	TRỌN ĐƯỜNG		28.000
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 18M	TRỌN ĐƯỜNG		15.700
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 16M	TRỌN ĐƯỜNG		14.400
50	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M	TRỌN ĐƯỜNG		13.300
	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ CÔNG TY THANH NIÊN (XÃ PHƯỚC LỘC)	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
51	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU NHÀ Ở GIÁO VIÊN LÊ HỒNG PHONG (XÃ PHƯỚC LỘC)	TRỌN ĐƯỜNG		8.900
	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ NHƠN ĐỨC (CTY VẠN PHÁT HUNG - XÃ NHƠN ĐỨC)	TRỌN ĐƯỜNG		7.400
53	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ 28 HECTA (CTY DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NHÀ BÈ - XÃ NHƠN ĐỨC)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 50M	TRỌN ĐƯỜNG		18.200
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 40M	TRỌN ĐƯỜNG		15.100
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 24M	TRỌN ĐƯỜNG		11.500
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 20M	TRỌN ĐƯỜNG		10.600
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 14M	TRỌN ĐƯỜNG		9.400
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M	TRỌN ĐƯỜNG		8.900
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 8M	TRỌN ĐƯỜNG		8.200
54	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ NHÀ Ở CÁN BỘ CHIẾN SĨ CỤC CẢNH SÁT C45 (XÃ LONG THỚI)	TRỌN ĐƯỜNG		10.800
	ĐƯỜNG NỘI BỘ CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NHÀ (THE STAR VILLEGA - XÃ LONG THỚI)	TRỌN ĐƯỜNG		6.700
56	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CHIẾN SĨ BỘ CÔNG AN (TỔNG CỤC 5 - XÃ PHƯỚC KIẾN)	TRỌN ĐƯỜNG		13.000
	HUỶNH THỊ ĐÔNG	HUỶNH TÂN PHÁT	SỐ NHÀ 1979/23	16.000
58	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ LAVILA PHƯỚC KIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		18.000
	ĐƯỜNG THANH NIÊN XUNG PHONG	TRỌN ĐƯỜNG		4.300
60	ĐƯỜNG RẠCH GIÀ	TRỌN ĐƯỜNG		3.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
61	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ HIỆP PHƯỚC 1 (XÃ HIỆP PHƯỚC)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 40M	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 16M	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M	TRỌN ĐƯỜNG		4.200

BẢNG 10**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN HỐC MÔN**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)		(3)	(4)	(5)
1	NGUYỄN THỊ THÀNH	ĐẶNG THỨC VỊNH	KÊNH TRẦN QUANG CƠ	6.800
2	BÀ ĐIỂM 12	QUỐC LỘ 1	THÁI THỊ GIỮ	6.000
3	BÀ ĐIỂM 2	NGUYỄN THỊ SÓC	ĐƯỜNG LIÊN XÃ BÀ ĐIỂM-XUÂN THỜI THƯỢNG	6.000
4	BÀ ĐIỂM 3	NGUYỄN THỊ SÓC	NGÃ 3 ĐƯỜNG LIÊN XÃ XUÂN THỜI THƯỢNG	6.800
5	BÀ ĐIỂM 5	NGUYỄN ANH THỦ	PHAN VĂN HÓN	8.800
6	BÀ ĐIỂM 6	NGUYỄN ANH THỦ	QUỐC LỘ 22	8.400
7	NGUYỄN THỊ HUÊ	NGUYỄN ANH THỦ	QUỐC LỘ 22	10.500
8	THÁI THỊ GIỮ	PHAN VĂN HÓN	QUỐC LỘ 22	7.200
9	BÀ TRIỆU	QUANG TRUNG	NGÃ 4 GIẾNG NƯỚC (QUỐC LỘ 22)	14.500
10	BÙI CÔNG TRÚNG	CẦU VÔNG	NGÃ 3 ĐÓN	9.200
11	BÙI VĂN NGŨ	NGÃ 3 BẦU	NGUYỄN ANH THỦ	10.000
12	ĐẶNG CÔNG BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		7.400
13	ĐẶNG THỨC VỊNH	NGÃ 3 CHÙA	NGÃ 4 THỜI TỬ	11.000
		NGÃ 4 THỜI TỬ	CẦU RACH TRA (GIÁP HUYỆN CÙ CHI)	9.600
14	ĐỖ VĂN DẬY	LÔ SÁT SINH CŨ	CẦU XÁNG	9.100
		CẦU XÁNG	NGÃ 3 LÁNG CHÀ (GIÁP HUYỆN CÙ CHI)	7.400
15	ĐỒNG TÂM	NGUYỄN ANH THỦ	QUỐC LỘ 22	6.300
16	ĐƯỜNG CÔNG KHI (ĐƯỜNG LIÊN XÃ TÂN HIỆP-TÂN THỜI NHÌ-XUÂN THỜI THƯỢNG-VĨNH LỘC)	NGÃ 3 ÔNG TRÁC	NGÃ 4 HỒNG CHÂU-QUỐC LỘ 22	8.800
		NGÃ 4 HỒNG CHÂU	PHAN VĂN HÓN	8.000
		PHAN VĂN HÓN	GIÁP HUYỆN BÌNH CHÁNH	6.400
17	ĐƯỜNG SONG HÀNH QUỐC LỘ 22	NGUYỄN ANH THỦ	LÝ THƯỜNG KIỆT	12.900
		LÝ THƯỜNG KIỆT	NHÀ MÁY NƯỚC TÂN HIỆP	12.100
18	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 18	LÊ THỊ LO (HẠT ĐIỀU HUỖNH MINH)	HƯỚNG LỘ 60 (NGÃ TƯ NGÔI)	4.900
19	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 14	ĐƯỜNG LIÊN XÃ THỊ TRẦN TÂN HIỆP	ĐƯỜNG CÔNG KHI	4.900

STT		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)		(3)	(4)	(5)
20	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 15	LÊ THỊ LỢ	NHÀ MÁY NƯỚC TÂN HIỆP	4.900
21	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 31	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 14	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4	4.900
22	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4	ĐƯỜNG LIÊN XÃ THỊ TRẤN TÂN HIỆP	DƯƠNG CÔNG KHI (NHÀ MÁY NƯỚC TÂN HIỆP)	4.900
23	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 7	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4	LÊ THỊ LỢ	4.900
24	ĐƯỜNG TRẦN KHẮC CHÂN NỐI DÀI	RẠCH HÓC MÔN	TRẦN THỊ BỐC	8.800
25	HƯƠNG LỘ 60 (LÊ LỢI)	LÝ THƯỜNG KIỆT	DƯƠNG CÔNG KHI	14.400
26	LÊ LAI	TRỌN ĐƯỜNG		18.800
27	LÊ THỊ HÀ	TRỌN ĐƯỜNG		16.000
28	LÊ VĂN KHƯƠNG	CẦU DỪA	ĐẶNG THỨC VINH	10.600
29	BÙI THỊ LÚNG	TRẦN KHẮC CHÂN NỐI DÀI	TRỊNH THỊ MIẾNG	6.900
30	NGUYỄN THỊ SÁU	TRẦN THỊ BỐC	NGUYỄN THỊ NGẦU	6.900
31	NGUYỄN THỊ NGẦU	ĐẶNG THỨC VINH	ĐỖ VĂN DẬY	6.900
32	LÝ THƯỜNG KIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		16.700
33	NAM LÂN 4 (BÀ ĐIỂM)	BÀ ĐIỂM 12	NAM LÂN 5	7.000
34	NAM LÂN 5 (BÀ ĐIỂM)	QUỐC LỘ 1	THÁI THỊ GIỮ	7.000
35	NGUYỄN ÁNH THỦ	PHAN VĂN HÓN	QUỐC LỘ 22 (NGÃ 4 TRUNG CHÁNH)	22.600
		QUỐC LỘ 22 (NGÃ 4 TRUNG CHÁNH)	TÔ KÝ	26.800
		TÔ KÝ	PHƯỜNG HIỆP THÀNH-QUẬN 12	20.600
36	NGUYỄN THỊ SÓC	NGUYỄN ÁNH THỦ	NGÃ 3 QUỐC LỘ 22	10.500
37	NGUYỄN THỊ THỪ	NGUYỄN VĂN BỬA (TỈNH LỘ 9)	PHAN VĂN HÓN (TỈNH LỘ 14)	7.200
38	NGUYỄN VĂN BỬA	NGÃ 4 HÓC MÔN	PHAN VĂN HÓN (TỈNH LỘ 14)	15.000
		PHAN VĂN HÓN	GIÁP TỈNH LONG AN	11.600
39	VÕ THỊ ĐẦY	CẦU BÀ MẸN	ĐƯỜNG NHỊ BÌNH 8	4.000
40	NHỊ BÌNH 3	Đ. BUI CÔNG TRÚNG	SÔNG SÀI GÒN	5.400
41	NHỊ BÌNH 8	Đ. BUI CÔNG TRÚNG (NGÃ 3 CÂY KHÉ)	GIÁP ĐƯỜNG NHỊ BÌNH 2	4.400
42	NHỊ BÌNH 9	Đ. BUI CÔNG TRÚNG (BÊN HỒNG ỦY BAN XÃ)	SÔNG SÀI GÒN	4.400
43	NHỊ BÌNH 9A	NHỊ BÌNH 9	NHỊ BÌNH 8	4.400
44	PHẠM VĂN SÁNG	TỈNH LỘ 14 XUÂN THỚI THƯỢNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	7.000
45	PHAN VĂN ĐỐI	PHAN VĂN HÓN	CẦU SA (GIÁP HUYỆN BÌNH CHÁNH)	10.000
46	PHAN VĂN HÓN	QUỐC LỘ 1A	TRẦN VĂN MƯỜI	13.500
		TRẦN VĂN MƯỜI	NGUYỄN VĂN BỬA	12.400
47	QUANG TRUNG	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGÃ 3 CHÙA (TỈNH LỘ 15)	19.600

STT		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)		(3)	(4)	(5)
48	QUỐC LỘ 1	CẦU VƯỢT AN SƯƠNG	CẦU BÌNH PHÚ TÂY	16.500
49	QUỐC LỘ 22	CẦU VƯỢT AN SƯƠNG	NGÃ 4 TRUNG CHÁNH	20.500
		NGÃ 4 TRUNG CHÁNH	NGÃ 4 HỒNG CHÂU	13.500
		NGÃ 4 HỒNG CHÂU	CẦU AN HẠ (GIÁP HUYỆN CÙ CHI)	10.400
50	HUỶNH THỊ MÀI	DƯƠNG CÔNG KHI	DƯƠNG CÔNG KHI	6.700
51	TÂN HIỆP 14-32	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 14 ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 32 ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4 NỐI DÀI	5.400
52	TÂN HIỆP 6	DƯƠNG CÔNG KHI	HƯƠNG LỘ 60	5.400
53	TÂN HIỆP 8	Đ RỒNG BANG (CHÙA CÔ XI)	HƯƠNG LỘ 65	5.400
54	THỐI TAM THÔN 13	TRỊNH THỊ MIẾNG	PHẠM THỊ GIẤY	9.500
55	LÊ THỊ LƠ	NGÃ 3 CÂY DONG	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 6	6.700
56	TÔ KÝ	NGUYỄN ANH THỦ	NGÃ 3 CHÙA (TỈNH LỘ 15)	19.100
57	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		17.100
58	TRẦN KHẮC CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		10.600
59	TRẦN VĂN MƯỜI	NGÃ 4 GIẾNG NƯỚC (QUỐC LỘ 22)	PHAN VĂN HỖN	7.800
60	TRỊNH THỊ MIẾNG (ĐƯỜNG TRUNG CHÁNH-TÂN HIỆP)	BÙI VĂN NGŨ (NGÃ 3 BẦU)	NGUYỄN THỊ NGẦU	13.000
61	TRUNG ĐÔNG 11 (THỐI TAM THÔN)	TRỊNH THỊ MIẾNG	KÊNH T2	3.700
62	TRUNG ĐÔNG 12 (THỐI TAM THÔN)	TRỊNH THỊ MIẾNG	KÊNH T1	3.700
63	TRUNG ĐÔNG 7 (THỐI TAM THÔN)	NGUYỄN THỊ NGẦU	CẦU ĐỘI 4	3.400
64	TRUNG ĐÔNG 8 (THỐI TAM THÔN)	NGUYỄN THỊ NGẦU	RẠCH HÓC MÔN	3.400
65	TRUNG MỸ	NGUYỄN ANH THỦ	LÊ THỊ HÀ	6.300
		LÊ THỊ HÀ	QUỐC LỘ 22	6.300
66	TRUNG NỮ VƯƠNG	QUANG TRUNG	TRẦN KHẮC CHÂN	20.400
		TRẦN KHẮC CHÂN	LỖ SÁT SINH	16.200
67	TUYÊN 9 XÃ THỐI TAM THÔN	ĐẶNG THỨC VỊNH	NGUYỄN THỊ NGẦU	9.400
68	LIÊN XÃ THỊ TRẦN - THỐI TAM THÔN	NGÃ 3 CHÙA	LÊ THỊ HÀ	8.300
69	PHẠM THỊ GIẤY	TÔ KÝ	NGUYỄN THỊ THÁNH	10.800
70	TRỊNH THỊ DỐI	NGUYỄN ANH THỦ	ĐẶNG THỨC VỊNH	6.800
71	VÕ THỊ HỘI	QUỐC LỘ 22	KÊNH TIÊU LIÊN XÃ	7.900
72	TRƯƠNG THỊ NHƯ	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
73	NHỊ BÌNH 7	VÕ THỊ ĐẦY	RẠCH BÀ HỒNG	6.100
74	NHỊ BÌNH 15	TRỌN ĐƯỜNG		4.300
75	NHỊ BÌNH 14	BÙI CÔNG TRÙNG	SÔNG SÀI GÒN	4.600
76	NHỊ BÌNH 5	NHỊ BÌNH 3	RẠCH BÀ MẼN	4.300

STT		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)		(3)	(4)	(5)
48	QUỐC LỘ 1	CẦU VƯỢT AN SƯƠNG	CẦU BÌNH PHÚ TÂY	16.500
49	QUỐC LỘ 22	CẦU VƯỢT AN SƯƠNG	NGÃ 4 TRUNG CHÁNH	20.500
		NGÃ 4 TRUNG CHÁNH	NGÃ 4 HỒNG CHÂU	13.500
		NGÃ 4 HỒNG CHÂU	CẦU AN HẠ (GIÁP HUYỆN CỬ CHI)	10.400
50	HUỖNH THỊ MÀI	DƯƠNG CÔNG KHI	DƯƠNG CÔNG KHI	6.700
51	TÂN HIỆP 14-32	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 14 ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 32 ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4 NỐI DÀI	5.400
52	TÂN HIỆP 6	DƯƠNG CÔNG KHI	HƯƠNG LỘ 60	5.400
53	TÂN HIỆP 8	Đ RỒNG BANG (CHÙA CỎ XI)	HƯƠNG LỘ 65	5.400
54	THỐI TAM THÔN 13	TRỊNH THỊ MIẾNG	PHẠM THỊ GIẤY	9.500
55	LÊ THỊ LƠ	NGÃ 3 CÂY DONG	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 6	6.700
56	TÔ KÝ	NGUYỄN ANH THỦ	NGÃ 3 CHÙA (TỈNH LỘ 15)	19.100
57	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		17.100
58	TRẦN KHẮC CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		10.600
59	TRẦN VĂN MƯỜI	NGÃ 4 GIỀNG NƯỚC (QUỐC LỘ 22)	PHAN VĂN HÓN	7.800
60	TRỊNH THỊ MIẾNG (ĐƯỜNG TRUNG CHÁNH-TÂN HIỆP)	BÙI VĂN NGŨ (NGÃ 3 BÀU)	NGUYỄN THỊ NGÂU	13.000
61	TRUNG ĐÔNG 11 (THỐI TAM THÔN)	TRỊNH THỊ MIẾNG	KÊNH T2	3.700
62	TRUNG ĐÔNG 12 (THỐI TAM THÔN)	TRỊNH THỊ MIẾNG	KÊNH T1	3.700
63	TRUNG ĐÔNG 7 (THỐI TAM THÔN)	NGUYỄN THỊ NGÂU	CẦU ĐỘI 4	3.400
64	TRUNG ĐÔNG 8 (THỐI TAM THÔN)	NGUYỄN THỊ NGÂU	RẠCH HÓC MÔN	3.400
65	TRUNG MỸ	NGUYỄN ANH THỦ	LÊ THỊ HÀ	6.300
		LÊ THỊ HÀ	QUỐC LỘ 22	6.300
66	TRUNG NỮ VƯƠNG	QUANG TRUNG	TRẦN KHẮC CHÂN	20.400
		TRẦN KHẮC CHÂN	LÒ SÁT SINH	16.200
67	TUYẾN 9 XÃ THỐI TAM THÔN	ĐẶNG THỨC VỊNH	NGUYỄN THỊ NGÂU	9.400
68	LIÊN XÃ THỊ TRẦN - THỐI TAM THÔN	NGÃ 3 CHÙA	LÊ THỊ HÀ	8.300
69	PHẠM THỊ GIẤY	TÔ KÝ	NGUYỄN THỊ THÁNH	10.800
70	TRỊNH THỊ DÔI	NGUYỄN ANH THỦ	ĐẶNG THỨC VỊNH	6.800
71	VÕ THỊ HÔI	QUỐC LỘ 22	KÊNH TIÊU LIÊN XÃ	7.900
72	TRƯƠNG THỊ NHƯ	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
73	NHỊ BÌNH 7	VÕ THỊ ĐẦY	RẠCH BÀ HỒNG	6.100
74	NHỊ BÌNH 15	TRỌN ĐƯỜNG		4.300
75	NHỊ BÌNH 14	BÙI CÔNG TRÙNG	SÔNG SÀI GÒN	4.600
76	NHỊ BÌNH 5	NHỊ BÌNH 3	RẠCH BÀ MÈN	4.300

STT		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)		(3)	(4)	(5)
77	NHỊ BÌNH 2+12	NHỊ BÌNH 8	BÙI CÔNG TRÙNG	8.300
78	NHỊ BÌNH 16	BÙI CÔNG TRÙNG	SÔNG SÀI GÒN	7.700
79	NHỊ BÌNH 17	BÙI CÔNG TRÙNG	SÔNG SÀI GÒN	7.700
80	NHỊ BÌNH 18	BÙI CÔNG TRÙNG	RẠCH RỒNG GÒN	6.100
81	NHỊ BÌNH 19 + HẠI BỊCH 2	BÙI CÔNG TRÙNG	RẠCH ÚT HOÀNG	6.100
82	THỐI TAM THÔN 7	TRỊNH THỊ MIẾNG	TRẦN THỊ BỐC	9.200
83	THỐI TAM THÔN 15-16	TRỊNH THỊ MIẾNG	NGUYỄN THỊ THÀNH	9.200
84	TÂN HIỆP 16	TÂN HIỆP 18	ĐỖ VĂN DÂY	9.200
85	TÂN HIỆP 17	TÂN HIỆP 18	LIÊN XÃ THỊ TRẦN - TÂN HIỆP	9.200
86	TÂN HIỆP 25	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
87	TÂN HIỆP 39+40	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
88	TÂN HIỆP 41	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
89	TÂN HIỆP 47	TÂN HIỆP 18	RANH THỊ TRẦN	9.200
90	BÀ ĐIỂM 1	NGUYỄN THỊ SÓC	NGÃ 5 BÐ-XTT -XTĐ	3.800
91	BẮC LÂN 2	NGUYỄN THỊ SÓC	BÀ ĐIỂM 3	3.800
92	BẮC LÂN 3	TRỌN ĐƯỜNG		3.800
93	TÂY BẮC LÂN	BẮC LÂN 3	KÊNH T1	3.800
94	ĐÔNG HUNG LÂN	QUỐC LỘ 22	GIÁP BÊN XE AN SƯƠNG	4.900
95	TRUNG LÂN 4	TRUNG LÂN 3	BÀ ĐIỂM 10	3.100
96	BÀ ĐIỂM 10	PHAN VĂN HƠN	THÁI THỊ GIỮ	3.100
97	BÀ ĐIỂM 11	THÁI THỊ GIỮ	GIÁP BÊN XE AN SƯƠNG	3.100
98	TIỀN LÂN 12	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
99	TIỀN LÂN 13	QUỐC LỘ 1 A	KHU VIỆT TÂN	4.600
100	TIỀN LÂN 14	PHAN VĂN ĐÔI	TIỀN LÂN 13	4.600
101	TIỀN LÂN 15	QUỐC LỘ 1	RẠCH CẦU SA	4.600
102	BÀ ĐIỂM 9	NGUYỄN THỊ HUỆ	TRUNG LÂN 4	3.700
103	BÀ ĐIỂM 4	NGUYỄN THỊ SÓC	TRƯỜNG BÙI VĂN NGŨ	4.000
104	ĐÔNG THẠNH 7	TRỊNH THỊ DÔI CẦU BẾN ĐÁ	CẦU BẾN ĐÁ RANH QUẬN 12	4.600 3.100
105	NGUYỄN THỊ PHA	ĐẶNG THỨC VINH	TRỊNH THỊ DÔI	7.700
106	ĐÔNG THẠNH 4	ĐẶNG THỨC VINH	TRỊNH THỊ DÔI	9.200
107	ĐÔNG THẠNH 5	ĐẶNG THỨC VINH	TRỊNH THỊ DÔI	7.700
108	ĐÔNG THẠNH 6	ĐÔNG THẠNH 4	TRỊNH THỊ DÔI	7.700
109	ĐÔNG THẠNH 8	LÊ VĂN KHƯƠNG	ĐÔNG THẠNH 7	6.100
110	NHỊ BÌNH 26	BÙI CÔNG TRÙNG	NHỊ BÌNH 5	6.100
111	GIÁC ĐẠO	TRUNG MỸ - TÂN XUÂN	THƯƠNG MẠI	9.200
112	TÂN XUÂN - TRUNG CHÁNH 1	TỔ KÝ	TRUNG MỸ	9.200
113	TÂN XUÂN - TRUNG CHÁNH 2	TRUNG MỸ	ĐÔNG TÂM	9.200
114	THIỆN QUANG	TỔ KÝ	TRUNG MỸ	9.200
115	NGUYỄN THỊ NUÔI	QUỐC LỘ 22	LÊ LỢI	6.100

STT		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)		(3)	(4)	(5)
116	NGUYỄN THỊ ĐÀNH	NGUYỄN VĂN BỬA	DƯƠNG CÔNG KHI	4.600
117	LÊ THỊ HỒNG GẮM	QUỐC LỘ 22	LÊ THỊ HỒNG GẮM	5.500
118	NGUYỄN THỊ LY	TRỌN ĐƯỜNG		5.500

BẢNG 10**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN CẦN GIỜ**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	ĐƯỜNG AN THỚI ĐÔNG	SÔNG SOÀI RÁP	+ 1KM	1.900
		+1KM	RỪNG SÁC	1.900
2	BÀ XÁN	RỪNG SÁC	CẦU TẮC TÂY ĐEN	1.900
3	ĐƯỜNG RA BẾN ĐÒ ĐÔNG HÒA	CẦU ĐÒ ĐÔNG HÒA	DUYÊN HẢI	2.800
4	BÙI LÂM	DUYÊN HẢI	BIÊN ĐÔNG	4.600
5	ĐẶNG VĂN KIỀU	BẾN ĐÒ CƠ KHÍ	DUYÊN HẢI	4.600
6	ĐÀO CỬ	DUYÊN HẢI	TẮC XUẤT	6.700
		TẮC XUẤT	LÊ HÙNG YÊN	6.400
		LÊ HÙNG YÊN	GIÔNG CHÁY	6.400
7	ĐỀ EC	RỪNG SÁC	TRẦN QUANG QUỠN	1.500
8	DƯƠNG VĂN HẠNH	ĐỀ MUỐI ỒNG TIỀN	AO LĂNG	2.400
		AO LĂNG	ĐÌNH THỜ DƯƠNG VĂN HẠNH	2.900
		ĐÌNH THỜ DƯƠNG VĂN HẠNH	ĐỀ SOÀI RÁP	2.400
9	DUYÊN HẢI	CHỢ CẦN GIỜ	NGHĨA TRANG LIỆT SĨ RỪNG SÁC	6.100
		NGHĨA TRANG LIỆT SĨ RỪNG SÁC	CẦU RẠCH LỖ	5.200
		CẦU RẠCH LỖ	THẠNH THỜI	5.300
		THẠNH THỜI	NGUYỄN VĂN MẠNH (GẦN UBND XÃ CỬ)	4.600
		NGUYỄN VĂN MẠNH (GẦN UBND XÃ CỬ)	CHỢ ĐÔNG HÒA	3.900
10	ĐƯỜNG CHỈNH VÀO KHU DÂN CƯ ĐÔNG TRANH	BẾN ĐÒ ĐÔNG TRANH	DUYÊN HẢI	2.300
11	GIÔNG AO	TẮC XUẤT	GIÔNG CHÁY	3.400
12	HÀ QUANG VÓC	RỪNG SÁC	CẦU KHÁNH VÂN	1.900
		CẦU KHÁNH VÂN	ĐỀ EC	1.500
13	KHU DÂN CƯ AN PHƯỚC	TRỌN KHU		1.500
14	KHU DÂN CƯ THẠNH BÌNH	TRỌN KHU		1.200
15	KHU DÂN CƯ THẠNH HÒA	TRỌN KHU		1.200
16	KHU DÂN CƯ THIÊNG LIÊNG	TRỌN KHU		900
17	LÊ HÙNG YÊN	DUYÊN HẢI	LƯƠNG VĂN NHO	3.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
18	LÊ THƯƠNG	DUYÊN HẢI	ĐẶNG VĂN KIỀU	4.900
19	LÊ TRỌNG MÂN	ĐÀO CỬ	CẦU CẢNG ĐÔNG LẠNH	4.900
20	LƯƠNG VĂN NHO	TẮC XUẤT	GIỒNG CHÁY	6.100
		GIỒNG CHÁY	RỪNG SÁC	6.100
21	LÝ NHƠN	RỪNG SÁC	CẦU VÀM SẮT II	1.900
		CẦU VÀM SẮT II	DƯƠNG VĂN HẠNH	1.900
22	NGUYỄN CÔNG BAO	TAM THÔN HIỆP (KM 4+660)	TAM THÔN HIỆP (KM 5+520)	1.900
23	NGUYỄN PHAN VINH	LÊ TRỌNG MÂN	BIỂN ĐÔNG	3.000
24	NGUYỄN VĂN MẠNH	DUYÊN HẢI (NGÃ 3 ÔNG THỦ)	DUYÊN HẢI (NGÃ BA ÔNG ÚT)	3.100
25	PHAN ĐỨC	DUYÊN HẢI	BIỂN ĐÔNG	3.000
26	PHAN TRỌNG TUỆ	DUYÊN HẢI	LƯƠNG VĂN NHO	3.100
27	QUẢNG XUYỀN	RẠCH GIỒNG	KÊNH BA TỔNG	1.700
28	RỪNG SÁC	PHÀ BÌNH KHÁNH	CẦU VƯỢT BÊN LỨC-LONG THÀNH	7.500
		CẦU VƯỢT BÊN LỨC-LONG THÀNH	HÀ QUANG VÓC	7.500
		HÀ QUANG VÓC	CẦU RẠCH LÁ	7.500
		CẦU RẠCH LÁ	CẦU AN NGHĨA	4.200
		CẦU HÀ THANH	DUYÊN HẢI	4.200
29	TẮC XUẤT	BÊN TẮC XUẤT	BIỂN ĐÔNG	4.200
30	TAM THÔN HIỆP	RỪNG SÁC	CẦU TẮC TÂY ĐEN	1.900
31	THẠNH THỐI	LƯƠNG VĂN NHO	DUYÊN HẢI	3.800
		DUYÊN HẢI	BIỂN ĐÔNG	3.800
32	TRẦN QUANG ĐẠO	TẮC SÔNG CHÀ	RẠCH THỦ HUY	4.900
33	TRẦN QUANG QUỠN	RỪNG SÁC	CẦU KHO ĐÔNG	1.900
		CẦU KHO ĐÔNG	ĐỀ EC	1.500
34	KHU DÂN CƯ AN HÒA	TRỌN KHU		1.500
35	KHU DÂN CƯ AN LỘC	TRỌN KHU		1.500
36	ĐƯỜNG ĐỀ SOÀI RÁP	ĐƯỜNG LÝ NHƠN	BỜ SÔNG SOÀI RÁP	1.900
		BỜ SÔNG SOÀI RÁP	DƯƠNG VĂN HẠNH	1.500
37	GIỒNG CHÁY	GIỒNG CHÁY	DUYÊN HẢI	5.200
38	ĐƯỜNG RA BÊN ĐỒ DOI LẦU	LÝ NHƠN	BÊ ĐỒ DOI LẦU (BÊN ĐỒ CŨ)	1.500
39	HÒA HIỆP	THẠNH THỐI	CẦU NỎ	3.800
		CẦU NỎ	PHAN TRỌNG TUỆ	3.000
40	ĐƯỜNG LIÊN XÃ AN THỐI ĐÔNG - LÝ NHƠN	ĐƯỜNG CẦU RẠCH GIỒNG 2	KÊNH NGAY	1.500
		KÊNH NGAY	ĐƯỜNG RA BÊN ĐỒ DOI LẦU	1.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
41	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M TRONG KHU DÂN CƯ BÀ XÁN	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M TRONG KHU DÂN CƯ BÀ XÁN	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 16M TRONG KHU DÂN CƯ BÀ XÁN	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
42	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 8M TRONG KHU DÂN CƯ CÁ CHÁY	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M TRONG KHU DÂN CƯ CÁ CHÁY	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M TRONG KHU DÂN CƯ CÁ CHÁY	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
43	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M TRONG KHU DÂN CƯ VÀM SÁT II	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
44	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M TRONG KHU DI DỜI, BỐ TRÍ DÂN CƯ PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI XÃ THẠNH AN	TRỌN ĐƯỜNG		2.300
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 16M TRONG KHU DI DỜI, BỐ TRÍ DÂN CƯ PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI XÃ THẠNH AN	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 20M TRONG KHU DI DỜI, BỐ TRÍ DÂN CƯ PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI XÃ THẠNH AN	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 25M TRONG KHU DI DỜI, BỐ TRÍ DÂN CƯ PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI XÃ THẠNH AN	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
45	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ HÒA HIỆP	NỀN ĐẤT SỐ 50 KHU D		2.300

BẢNG 10**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN CỬ CHI**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)
1	AN NHƠN TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
2	BÀ THIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
3	BÀU LÁCH	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
4	BÀU TRÂM	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
5	BÀU TRE	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
6	BẾN CỎ	TỈNH LỘ 15	SÔNG SÀI GÒN	2.200
7	BẾN ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
8	BẾN SÚC	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
9	BÌNH MỸ	TỈNH LỘ 9	VÕ VĂN BÍCH	6.000
10	BÙI THỊ DIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
11	BÙI THỊ HE	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
12	CÁ LĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
13	CAN TRƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
14	CÂY BÀI	TỈNH LỘ 8	CẦU PHƯỚC VINH AN	3.400
		CẦU PHƯỚC VINH AN	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN KHA	2.800
15	CÂY GỖ	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
16	CÂY TRÔM-MỸ KHÁNH	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 7	2.900
17	ĐÀO VĂN THỨ	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
18	ĐÌNH CHƯƠNG DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
19	ĐÌNH KIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
20	ĐỖ DĂNG TUYẾN	TỈNH LỘ 7	NGÃ BA PHÚ THUẬN (PHÚ MỸ HƯNG)	2.700
21	ĐỖ ĐÌNH NHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
22	ĐỖ NGỌC DU	TRỌN ĐƯỜNG		5.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)
23	ĐỖ CƠ QUANG	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
24	NGUYỄN THỊ TIẾP	TRỌN ĐƯỜNG		6.300
25	ĐƯỜNG 35, 40	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
26	ĐƯỜNG 41	TRỌN ĐƯỜNG		3.700
27	ĐƯỜNG 42 (THỊ TRẦN CÚ CHI)	TRỌN ĐƯỜNG		3.700
28	BÊN THAN (ĐƯỜNG LĂNG SỐ 4)	NHÀ MÁY NƯỚC TÂN HIỆP	TỈNH LỘ 15	5.400
29	ĐƯỜNG RANH KHU CÔNG NGHIỆP	TỈNH LỘ 15	ĐƯỜNG TRUNG AN	3.700
30	GIÁP HẢI	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
31	HOÀNG ĐÌNH NGHĨA	CẦU KÊNH KHU CÔNG NGHIỆP TÂY BẮC CÚ CHI	TỈNH LỘ 2	5.600
32	HÀ VĂN LAO	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
33	HỒ VĂN TĂNG	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 15	5.400
34	HOÀNG BÁ HUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
35	HƯƠNG LỘ 10	TỈNH LỘ 7	KÊNH T38	3.400
36	HUỲNH MINH MƯƠNG	TỈNH LỘ 15	TỈNH LỘ 8	5.400
37	HUỲNH THỊ BẢNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
38	HUỲNH VĂN CỌ	TRỌN ĐƯỜNG		3.900
39	LĂNG THE	TỈNH LỘ 8	TỈNH LỘ 15	3.600
40	LÊ MINH NHỰT	TRỌN ĐƯỜNG		3.800
41	LÊ THỊ SIÊNG	TỈNH LỘ 15	TỈNH LỘ 8	3.300
42	LÊ THỌ XUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
43	LÊ VINH HUY	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
44	ĐƯỜNG CAO THỊ NIỆM, ĐƯỜNG 457	TỈNH LỘ 8	ĐƯỜNG 461	3.900
45	NGUYỄN THỊ LĂNG (LIÊN XÃ BÀU HƯNG LỢI)	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 8	5.400
46	ĐƯỜNG PHẠM VĂN CỘI	NGUYỄN VĂN KHÁ (NỘI DẢI)	BÀ THIÊN	3.700
47	ĐƯỜNG TRUNG LẬP	TỈNH LỘ 7	TỈNH LỘ 6	3.100
48	LIÊU BÌNH HƯƠNG	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 8	5.800
49	LƯU KHAI HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)
50	NGÔ TRÍ HÒA	TRỌN ĐƯỜNG		4.100
51	NGUYỄN ĐẠI NĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
52	NGUYỄN ĐÌNH HUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		4.900
53	NGUYỄN GIAO	TRỌN ĐƯỜNG		6.300
54	NGUYỄN KIM CƯƠNG	TỈNH LỘ 15	TỈNH LỘ 8	4.000
55	NGUYỄN THỊ NÊ	NGÃ TƯ BẾN MƯƠNG	TỈNH LỘ 15	3.700
56	NGUYỄN THỊ RÀNH	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 2	5.100
		TỈNH LỘ 2	UBND XÃ NHUẬN ĐỨC	3.200
		UBND XÃ NHUẬN ĐỨC	TỈNH LỘ 15	2.900
57	NGUYỄN PHONG SẮC	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
58	NGUYỄN PHÚC TRÚ	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
59	NGUYỄN THỊ LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
60	NGUYỄN THỊ RỪ	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
61	NGUYỄN THỊ TRIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		6.300
62	NGUYỄN VĂN KHA	BƯU ĐIỆN CÚ CHI	TỈNH LỘ 2	5.800
63	NGUYỄN VĂN KHA (NỘI DẢI)	TỈNH LỘ 2	TỈNH LỘ 15	3.700
64	NGUYỄN VĂN NI	TRỌN ĐƯỜNG		6.300
65	NGUYỄN VĂN NỈ	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
66	NGUYỄN VĂN ON	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
67	NGUYỄN VĂN TÝ	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
68	NGUYỄN VĂN XƠ	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
69	NGUYỄN VIỆT XUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
70	NHỮ TIẾN HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
71	NHUẬN ĐỨC	UBND XÃ NHUẬN ĐỨC	NGÃ TƯ BẾN MƯƠNG	3.700
72	NINH TÓN	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
73	ÔNG ÍCH ĐƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
74	PHẠM HỮU TÂM	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
75	PHẠM PHÚ TIẾT	TRỌN ĐƯỜNG		4.900
76	PHẠM VĂN CHÈO	TRỌN ĐƯỜNG		5.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)
77	PHẠM THỊ HỎI	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
78	QUỐC LỘ 22	CẦU AN HẠ	HỒ VĂN TĂNG	6.800
		HỒ VĂN TĂNG	TRẦN TỬ BÌNH	8.500
		TRẦN TỬ BÌNH	NGUYỄN THỊ TRIỆU	8.700
		NGUYỄN THỊ TRIỆU	ĐÀO VĂN THỪ	10.500
		ĐÀO VĂN THỪ	CÔNG CẠNH BẾN XE CÙ CHI	13.200
		CÔNG CẠNH BẾN XE CÙ CHI	NGÃ BA BÀU TRE	8.700
		NGÃ BA BÀU TRE	TRỤ SỞ UBND XÃ PHƯỚC THẠNH	6.500
		TRỤ SỞ UBND XÃ PHƯỚC THẠNH	QUA NGÃ TƯ PHƯỚC THẠNH 500M (HƯỚNG TÂY NINH)	7.400
		QUA NGÃ TƯ PHƯỚC THẠNH 500M (HƯỚNG TÂY NINH)	SUỐI SÂU	5.800
79	SÔNG LU	TỈNH LỘ 8	SÔNG SÀI GÒN	3.500
80	SUỐI LỢI	QUỐC LỘ 22	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ LÃNG	3.300
81	TAM TÂN	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
82	TỈNH LỘ 15	CẦU BẾN SÚC	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ NÊ	3.700
		ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ NÊ	CÔNG TY CARIMAR	5.500
		CÔNG TY CARIMAR	XUỐNG NƯỚC ĐÁ TÂN QUI	6.400
		XUỐNG NƯỚC ĐÁ TÂN QUI	CÁCH CHỢ TÂN THẠNH ĐÔNG 200M (HƯỚNG NGÃ TƯ TÂN QUI)	4.800
		CÁCH CHỢ TÂN THẠNH ĐÔNG 200M (CHỢ SÁNG) (HƯỚNG NGÃ TƯ TÂN QUI)	CÁCH CHỢ TÂN THẠNH ĐÔNG 200M (HƯỚNG HUYỆN HỌC MÔN)	5.900
		CÁCH CHỢ TÂN THẠNH ĐÔNG 200M (HƯỚNG HUYỆN HỌC MÔN)	CẦU XÁNG (RANH HUYỆN HỌC MÔN)	5.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)
83	TỈNH LỘ 2	QUỐC LỘ 22	SUỐI LỢI	5.400
		SUỐI LỢI	TỈNH LỘ 8	5.200
		TỈNH LỘ 8	NGUYỄN VĂN KHẠ	3.200
		ĐIỂM GIAO NGUYỄN VĂN KHẠ VÀ NGUYỄN VĂN KHẠ NỐI DÀI	NGÃ TƯ SỞ	3.200
		NGÃ TƯ SỞ	RANH TỈNH TÂY NINH	3.500
84	TỈNH LỘ 6	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
85	TỈNH LỘ 7	CẦU TÂN THÁI (RANH TỈNH LONG AN)	CÁCH NGÃ TƯ PHƯỚC THẠNH 500M (HƯỚNG XÃ THÁI MỸ)	3.400
		CÁCH NGÃ TƯ PHƯỚC THẠNH 500M (HƯỚNG XÃ THÁI MỸ)	NGÃ TƯ CHỢ PHƯỚC THẠNH	4.000
		NGÃ TƯ CHỢ PHƯỚC THẠNH	KÊNH ĐÔNG (CHÍNH)	4.000
		KÊNH ĐÔNG (CHÍNH)	TRƯỜNG CẤP 1 TRUNG LẬP HẠ	3.500
		TRƯỜNG CẤP 1 TRUNG LẬP HẠ	CÁCH NGÃ BA VÀO UBND XÃ TRUNG LẬP THƯỢNG 300M (HƯỚNG AN NHƠN TÂY)	3.500
		CÁCH NGÃ BA VÀO UBND XÃ TRUNG LẬP THƯỢNG 300 M (HƯỚNG AN NHƠN TÂY)	NGÃ TƯ LỘ 6	2.800
		NGÃ TƯ LỘ 6	BỆNH VIỆN AN NHƠN TÂY	2.800
		BỆNH VIỆN AN NHƠN TÂY	CÁCH NGÃ TƯ AN NHƠN TÂY 200M (HƯỚNG SÔNG SÀI GÒN)	3.500
		CÁCH NGÃ TƯ AN NHƠN TÂY 200M (HƯỚNG SÔNG SÀI GÒN)	BÊN TÀU (CHỢ CŨ – XÃ AN NHƠN TÂY)	3.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)
86	TỈNH LỘ 8	CẦU THẦY CAI (ẤP TAM TÂN – XÃ TÂN AN HỘI)	CÁCH CẦU VƯỢT CÙ CHI 500M HƯỚNG TAM TÂN	6.600
		CÁCH CẦU VƯỢT CÙ CHI 500M HƯỚNG TAM TÂN	TRƯỜNG CẤP 3 CÙ CHI	14.300
		TRƯỜNG CẤP 3 CÙ CHI	NGÃ BA TỈNH LỘ 2	12.000
		NGÃ BA TỈNH LỘ 2	NGÃ BA DỐC CẦU LÁNG THE (NGHĨA ĐỊA PHƯỚC VĨNH AN)	7.900
		NGÃ BA DỐC CẦU LÁNG THE (NGHĨA ĐỊA PHƯỚC VĨNH AN)	CÁCH NGÃ TƯ TÂN QUI 300M (HƯỚNG TRUNG TÂM HUYỆN CÙ CHI)	6.900
		CÁCH NGÃ TƯ TÂN QUI 300M (HƯỚNG TRUNG TÂM HUYỆN CÙ CHI)	TRƯỜNG THPT TRUNG PHÚ	8.000
		TRƯỜNG THPT TRUNG PHÚ	NGÃ BA TRUNG AN (ĐƯỜNG VÀO UBND XÃ TRUNG AN)	6.400
		NGÃ BA TRUNG AN (ĐƯỜNG VÀO UBND XÃ TRUNG AN)	CẦU BÀ BÉP	6.800
		CẦU BÀ BÉP	CẦU PHÚ CƯỜNG (GIÁP TỈNH BÌNH DƯƠNG)	6.800
87	HÀ DUY PHIÊN	TỈNH LỘ 8	CẦU RẠCH TRA (RANH HUYỆN HÓC MÔN)	6.000
88	TRẦN THỊ NGÂN	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
89	TRẦN TỬ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
90	TRẦN VĂN CHÂM	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
91	TRUNG AN	TỈNH LỘ 8	CẦU RẠCH KÈ	3.500
		CẦU RẠCH KÈ	GIÁP SÔNG SÀI GÒN	3.200
92	TRƯƠNG THỊ KIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
93	VÕ THỊ HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
94	VÕ VĂN BÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
95	VÕ VĂN ĐIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
96	VŨ DUY CHÍ	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
97	VŨ TỰ	TRỌN ĐƯỜNG		4.900
98	ĐOÀN TRIẾT MINH	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
99	PHÚ THUẬN	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
100	NGUYỄN THỊ NÀ	TỈNH LỘ 15	CÂY GỖ	1.900
101	NGUYỄN THỊ GĂNG	CÂY GỖ	ĐỒ THỊ CỎ	1.700
102	ĐƯỜNG BA SA	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 2	2.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)
103	NGUYỄN THỊ NỊ	QUỐC LỘ 22	KÊNH CHÍNH ĐÔNG	2.000
104	NGUYỄN THỊ NHÌA	QUỐC LỘ 22	ĐƯỜNG BA SA	2.000
105	NGUYỄN THỊ TIẾP	ĐƯỜNG TRUNG VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYÊN)	2.000
106	NGUYỄN THỊ THẠO	ĐƯỜNG BA SA	KÊNH QUYẾT THẮNG	2.000
107	ĐƯỜNG SỐ 613	CAO THỊ BÈO	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYÊN)	2.000
108	ĐƯỜNG SỐ 615	ĐƯỜNG SỐ 617	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYÊN)	2.000
109	PHẠM THỊ MINH	ĐƯỜNG SỐ 614	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYÊN)	2.000
110	ĐƯỜNG SỐ 618	QUỐC LỘ 22	ĐƯỜNG SỐ 628	2.000
111	ĐƯỜNG SỐ 619	ĐƯỜNG CÂY TRÔM - MỸ KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYÊN)	2.000
112	PHAN THỊ DƯ	QUỐC LỘ 22	CÂY TRÔM - MỸ KHÁNH	2.200
113	TRỊNH THỊ CHẮC	CÂY TRÔM - MỸ KHÁNH	ĐƯỜNG 619	2.200
114	ĐƯỜNG SỐ 623	NGUYỄN THỊ RÀNH	ĐƯỜNG SỐ 624	2.000
115	NGUYỄN THỊ KIẾP	ĐƯỜNG SỐ 623	XÃ TRUNG LẬP HẠ	1.700
116	ĐƯỜNG SỐ 625	CAO THỊ BÈO	RANH XÃ TÂN AN HỘI	2.000
117	ĐƯỜNG 626, 627	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
118	LÊ THỊ CHỪNG, ĐƯỜNG 628	TRỌN ĐƯỜNG		1.700
119	ĐƯỜNG TRUNG VIỆT	QUỐC LỘ 22	NGUYỄN THỊ RÀNH	1.700
120	CÂY TRÁC	NGUYỄN VĂN KHA	TỈNH LỘ 15	2.200
121	NGUYỄN THỊ NGỌT	NGUYỄN THỊ NÊ	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN KHA	2.700
122	NGUYỄN THỊ ĐỎ	TỈNH LỘ 15	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ NÊ	2.200
123	ĐƯỜNG SỐ 436	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN KHA	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN KHA	2.000
124	NGUYỄN THỊ CHẮC	TỈNH LỘ 15	ĐƯỜNG HUỖNH THỊ BẢNG	2.200
125	LÝ THỊ CHỪNG	TỈNH LỘ 15	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYÊN) (GIÁP XÃ PHẠM VĂN CỘI)	2.200
126	NGUYỄN THỊ CHÂU	TỈNH LỘ 15	TỈNH LỘ 15	2.200
127	ĐƯỜNG SỐ 813	TỈNH LỘ 15	KÊNH TRÊN (HẾT TUYÊN)	1.800
128	VÕ THỊ MẸO	TỈNH LỘ 15	KÊNH TRÊN (HẾT TUYÊN)	1.800
129	VÕ THỊ BẢNG	TỈNH LỘ 15	TRUNG LẬP	2.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)
130	CÁNH ĐỒNG DƯỢC	TỈNH LỘ 15	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYẾN)	1.700
131	ĐƯỜNG BÀU GIÃ	TỈNH LỘ 2	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ LẮNG	2.300
132	ĐƯỜNG SỐ 01	ĐƯỜNG SỐ 28	ĐƯỜNG SỐ 414	2.300
133	ĐƯỜNG SỐ 28	TỈNH LỘ 2	RANH XÃ TÂN THÔNG HỘI	2.300
134	ĐƯỜNG SỐ 405	ĐƯỜNG SỐ 406	ĐƯỜNG BÀU GIÃ	2.300
135	ĐƯỜNG SỐ 406	TỈNH LỘ 2	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYẾN)	2.300
136	LÊ THỊ TRUYỀN	ĐƯỜNG SỐ 405	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ LẮNG	2.300
137	ĐƯỜNG SỐ 409	TỈNH LỘ 2	ĐƯỜNG SUỐI LỘI	2.300
138	LÊ THỊ NGÀ	TỈNH LỘ 2	ĐƯỜNG TRẦN VĂN CHÂM	2.300
139	ĐƯỜNG SỐ 414	TỈNH LỘ 2	RANH XÃ TÂN THÔNG HỘI	2.300
140	MAI THỊ BUỘI	TỈNH LỘ 8	ĐƯỜNG SỐ 417	2.300
141	ĐƯỜNG SỐ 417	TỈNH LỘ 8	ĐƯỜNG CÂY BÀI	2.300
142	ĐẶNG THỊ DỢT	TỈNH LỘ 8	KÊNH N31A-17	2.300
143	NGUYỄN THỊ XANH	TỈNH LỘ 8	RANH ĐỒNG DỪ	2.300
144	ĐƯỜNG SỐ 420	TỈNH LỘ 8	KÊNH T31A-17	2.300
145	TRẦN THỊ TIA	TỈNH LỘ 8	ĐƯỜNG CÂY BÀI	2.300
146	ĐƯỜNG SỐ 426	TỈNH LỘ 8	KÊNH NỘI ĐỒNG ÁP 1 XÃ PHƯỚC VINH AN	2.300
147	LÊ THỊ CHÍNH	ĐƯỜNG SUỐI LỘI	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ LẮNG	2.300
148	ĐƯỜNG SỐ 430	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ LẮNG	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYẾN)	2.300
149	NGUYỄN THỊ NỊ	TỈNH LỘ 8 (TÂN TRUNG)	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYẾN)	3.700
150	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN HOÀI	QUỐC LỘ 22	RANH KHU CÔNG NGHIỆP TÂY BẮC	6.000
151	ĐƯỜNG SỐ 355	QUỐC LỘ 22	KÊNH N46	2.700
152	TRẦN THỊ BÀU	QUỐC LỘ 22	ĐƯỜNG LÊ MINH NHỰT	2.700
153	ĐƯỜNG SỐ 364	TỈNH LỘ 8	ĐƯỜNG LÊ MINH NHỰT	2.400
154	ĐƯỜNG SỐ 365	TỈNH LỘ 8	ĐƯỜNG SỐ 363	2.700
155	NGUYỄN THỊ RỜ	TỈNH LỘ 8	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYẾN)	2.700
156	ĐƯỜNG SỐ 369	KÊNH N46	RANH XÃ PHƯỚC HIỆP	2.700
157	LÊ THỊ DỆT	QUỐC LỘ 22	ĐƯỜNG SỐ 377	4.100
158	ĐƯỜNG SỐ 374	QUỐC LỘ 22	ĐƯỜNG SỐ 377	4.100
159	NGUYỄN THỊ HỀ	TỈNH LỘ 7	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYẾN)	1.700
160	TRẦN THỊ NỊ	TỈNH LỘ 2	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYẾN)	1.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)
161	ĐƯỜNG SỐ 710	TỈNH LỘ 2	ĐƯỜNG KÊNH ĐÔNG	1.700
162	ĐƯỜNG SỐ 711	TỈNH LỘ 2	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYẾN)	1.700
163	PHẠM THỊ ĐIẾP	ĐƯỜNG TRUNG LẬP	ĐƯỜNG VÕ VĂN ĐIỀU	2.000
164	TRUNG HUNG	ĐƯỜNG TRUNG LẬP	KÊNH CHÍNH ĐÔNG	2.000
165	HUỲNH THỊ ĐỪNG	ĐƯỜNG TRUNG LẬP	ĐƯỜNG SỐ 726	1.700
166	TRẦN THỊ ĐĂNG	KÊNH N25	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYẾN)	1.700
167	ĐẶNG CHIÊM	NGUYỄN VĂN KHA	GIÁP HẢI	4.400
168	ĐƯỜNG 12B	ĐỒ ĐÌNH NHÂN	ĐƯỜNG SỐ 12A	2.900
169	ĐƯỜNG KHU PHỐ 4	VŨ DUY CHÍ	NGUYỄN VĂN NI	2.900
170	ĐƯỜNG SỐ 8A	NGUYỄN THỊ TRIỆU	ĐƯỜNG NHỰA KHU PHỐ 2	2.900
171	LÊ CẦN	NGUYỄN THỊ TRIỆU	ĐƯỜNG NHỰA KHU PHỐ 2	3.900
172	NGUYỄN THỊ SÁNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
173	ĐƯỜNG 183	NGÃ BA BÌNH MỸ	BẾN ĐÒ (GIÁP TỈNH BÌNH DƯƠNG)	4.800
174	VÕ THỊ TRÁI	KÊNH NỘI ĐÔNG ÁP 1, XÃ PHƯỚC VINH AN	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ LẮNG	2.300
175	VÕ THỊ LỢI	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ LẮNG	ĐƯỜNG SỐ 430	2.300
176	TRẦN THỊ HẢI	ĐƯỜNG LÊ MINH NHỰT	ĐƯỜNG LÊ MINH NHỰT	2.000
177	CAO THỊ BÈO	QUỐC LỘ 22	PHẠM THỊ THÀNG	2.000
178	PHẠM THỊ THÀNG	ĐƯỜNG CÂY TRÔM – MỸ KHÁNH	ĐƯỜNG CÂY TRÔM – MỸ KHÁNH	2.000
179	PHẠM THỊ THUNG	QUỐC LỘ 22	ĐƯỜNG CÂY TRÔM – MỸ KHÁNH	2.200
180	ĐƯỜNG D1 (TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ VÀNH ĐAI 3) LỘ GIỚI			5.500
181	ĐƯỜNG NB1 (TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ VÀNH ĐAI 3)			6.800
182	ĐƯỜNG NB2 (TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ VÀNH ĐAI 3)			6.800
183	ĐƯỜNG NB3 (TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ VÀNH ĐAI 3)			5.500
184	ĐƯỜNG NB4, NB5 (TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ VÀNH ĐAI 3)			5.500

BẢNG 10**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THUỜNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN BÌNH CHÁNH**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	ĐƯỜNG 1 (KDC SÔNG ÔNG LỚN - KCN SỐ 6 - LÔ SỐ 4)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 6	33.700
2	ĐƯỜNG 10 (KDC SÔNG ÔNG LỚN - KCN SỐ 6 - LÔ SỐ 4)	ĐƯỜNG SỐ 4	ĐƯỜNG SỐ 1	30.300
3	ĐƯỜNG 11A (KDC DƯƠNG HỒNG 9B4)	ĐƯỜNG 4A	ĐƯỜNG 6A	39.600
4	ĐƯỜNG 11A, (KDC HIM LAM 6A)	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 14	26.600
5	ĐƯỜNG 13A, (KDC HIM LAM 6A)	ĐƯỜNG SỐ 18	ĐƯỜNG SỐ 20	27.600
6	ĐƯỜNG 2 (KDC SÔNG ÔNG LỚN - KCN SỐ 6 - LÔ SỐ 4)	ĐƯỜNG SỐ 5	CUỐI ĐƯỜNG	33.700
7	ĐƯỜNG 3 (KDC SÔNG ÔNG LỚN - KCN SỐ 6 - LÔ SỐ 4)	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 8	28.500
8	ĐƯỜNG 4 (KDC SÔNG ÔNG LỚN - KCN SỐ 6 - LÔ SỐ 4)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 10	30.300
9	ĐƯỜNG 4A (KDC DƯƠNG HỒNG 9B4)	ĐƯỜNG SỐ 13	ĐƯỜNG SỐ 11	30.900
10	ĐƯỜNG 5 (KDC SÔNG ÔNG LỚN - KCN SỐ 6 - LÔ SỐ 4)	NGUYỄN VĂN LINH	ĐƯỜNG SỐ 10	36.700
11	ĐƯỜNG 5 (KDC HIM LAM - KHU CHỨC NĂNG SỐ 7)	ĐƯỜNG SỐ 6	PHẠM HÙNG	30.600
12	ĐƯỜNG 6 (KDC SÔNG ÔNG LỚN - KCN SỐ 6 - LÔ SỐ 4)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 1	31.500
13	ĐƯỜNG 6A (KDC DƯƠNG HỒNG 9B4)	ĐƯỜNG SỐ 13	ĐƯỜNG SỐ 11	30.300
14	ĐƯỜNG 6B (KDC DƯƠNG HỒNG 9B4)	ĐƯỜNG SỐ 13	ĐƯỜNG SỐ 11	30.900
15	ĐƯỜNG 8 (KDC SÔNG ÔNG LỚN - KCN SỐ 6 - LÔ SỐ 4)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 3	30.300
16	ĐƯỜNG C5/22 (KDC HIM LAM - KHU CHỨC NĂNG SỐ 7)	C5/18	ĐƯỜNG SỐ 6	21.400
17	ĐƯỜNG C6 (KDC HIM LAM - KHU CHỨC NĂNG SỐ 7)	ĐƯỜNG SỐ 6	CUỐI TUYẾN	21.400
18	ĐƯỜNG SỐ 1 (KDC ĐẠI PHÚC 9B8)	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 12	42.800
19	ĐƯỜNG SỐ 1 (KDC DƯƠNG HỒNG 9B4)	NGUYỄN VĂN LINH	ĐƯỜNG SỐ 8	42.800
20	ĐƯỜNG SỐ 1, (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 24	33.000
21	ĐƯỜNG SỐ 1, (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 9A	ĐƯỜNG SỐ 4	37.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
22	ĐƯỜNG SỐ 10 (KDC BÌNH HƯNG)	QUỐC LỘ 50	RANH XÃ PHONG PHÚ	36.700
23	ĐƯỜNG SỐ 10 (KDC ĐẠI PHÚC 9B8)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 11	30.900
24	ĐƯỜNG SỐ 10 (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 9A	ĐƯỜNG SỐ 3	35.500
25	ĐƯỜNG SỐ 10A (KDC ĐẠI PHÚC 9B8)	ĐƯỜNG SỐ 11C	ĐƯỜNG SỐ 11	30.300
26	ĐƯỜNG SỐ 10A (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 7	35.500
27	ĐƯỜNG SỐ 10B (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 9A	ĐƯỜNG SỐ 1	35.500
28	ĐƯỜNG SỐ 11 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 24	27.200
29	ĐƯỜNG SỐ 11 (KDC ĐẠI PHÚC 9B8)	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 12	30.900
30	ĐƯỜNG SỐ 11 (KDC DƯƠNG HỒNG 9B4)	NGUYỄN VĂN LINH	ĐƯỜNG SỐ 8	30.900
31	ĐƯỜNG SỐ 11 (KDC HIM LAM 6A)	NGUYỄN VĂN LINH	ĐƯỜNG SỐ 14	36.700
32	ĐƯỜNG SỐ 11B (KDC ĐẠI PHÚC 9B8)	ĐƯỜNG SỐ 12	ĐƯỜNG SỐ 10A	31.500
33	ĐƯỜNG SỐ 11C (KDC ĐẠI PHÚC 9B8)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 11B	31.500
34	ĐƯỜNG SỐ 12 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 19	27.200
35	ĐƯỜNG SỐ 12 (KDC ĐẠI PHÚC 9B8)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 11	32.600
36	ĐƯỜNG SỐ 13 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 24	ĐƯỜNG SỐ 14	27.200
37	ĐƯỜNG SỐ 13 (KDC ĐẠI PHÚC 9B8)	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 8B	31.500
38	ĐƯỜNG SỐ 13 (KDC DƯƠNG HỒNG 9B4)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 8	31.500
39	ĐƯỜNG SỐ 13 (KDC HIM LAM 6A)	ĐƯỜNG SỐ 14	ĐƯỜNG SỐ 24	33.700
40	ĐƯỜNG SỐ 14 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 15	21.400
41	ĐƯỜNG SỐ 14 (KDC HIM LAM 6A)	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 15	30.600
42	ĐƯỜNG SỐ 15 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 18	27.200
43	ĐƯỜNG SỐ 15 (KDC HIM LAM - KHU CHỨC NĂNG SỐ 7)	ĐƯỜNG SỐ 4	ĐƯỜNG CAO LỖ	21.400
44	ĐƯỜNG SỐ 15 (KDC HIM LAM 6A)	ĐƯỜNG SỐ 26	ĐƯỜNG SỐ 14	27.600
45	ĐƯỜNG SỐ 16 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 21	ĐƯỜNG SỐ 13	27.200
46	ĐƯỜNG SỐ 16 (KDC HIM LAM 6A)	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 15	33.700
47	ĐƯỜNG SỐ 17 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 22	ĐƯỜNG SỐ 2	27.200
48	ĐƯỜNG SỐ 17 (KDC HIM LAM - KHU CHỨC NĂNG SỐ 7)	ĐƯỜNG SỐ 4	ĐƯỜNG CAO LỖ	21.400
49	ĐƯỜNG SỐ 17/5 (KDC HIM LAM - KHU CHỨC NĂNG SỐ 7)	ĐƯỜNG SỐ 17	CUỐI TUYÊN	21.400
50	ĐƯỜNG SỐ 18 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 19	27.200
51	ĐƯỜNG SỐ 18 (KDC HIM LAM 6A)	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 15	33.700
52	ĐƯỜNG SỐ 19 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 22	27.200
53	ĐƯỜNG SỐ 1A, (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 1	39.800
54	ĐƯỜNG SỐ 1B, (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 1C	35.500
55	ĐƯỜNG SỐ 1C, (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 4A	35.500
56	ĐƯỜNG SỐ 1D, (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 6D	ĐƯỜNG SỐ 6A	35.500
57	ĐƯỜNG SỐ 1E, (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 8A	ĐƯỜNG SỐ 7	35.500
58	ĐƯỜNG SỐ 1F, (KDC TRUNG SƠN)	TRỌN ĐƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG	35.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
59	ĐƯỜNG SỐ 2 (KDC DƯƠNG HỒNG 9B4)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 11	31.500
60	ĐƯỜNG SỐ 2, (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 21	26.300
61	ĐƯỜNG SỐ 2, (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 9A	ĐƯỜNG SỐ 4	35.500
62	ĐƯỜNG SỐ 20 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 13	ĐƯỜNG SỐ 17	27.200
63	ĐƯỜNG SỐ 20 (KDC HIM LAM 6A)	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 15	30.600
64	ĐƯỜNG SỐ 21 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 22	30.000
65	ĐƯỜNG SỐ 22 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 21	ĐƯỜNG SỐ 1	27.200
66	ĐƯỜNG SỐ 22 (KDC HIM LAM 6A)	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 15	36.700
67	ĐƯỜNG SỐ 24 (KDC BÌNH HƯNG)	TRỌN ĐƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG	27.200
68	ĐƯỜNG SỐ 24 (KDC HIM LAM 6A)	TRỌN ĐƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG	30.600
69	ĐƯỜNG SỐ 26 (KDC HIM LAM 6A)	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 15	33.700
70	ĐƯỜNG SỐ 2A (KDC DƯƠNG HỒNG 9B4)	ĐƯỜNG SỐ 13	ĐƯỜNG SỐ 11	30.900
71	ĐƯỜNG SỐ 2A, (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 2	35.500
72	ĐƯỜNG SỐ 2B, (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 2	35.500
73	ĐƯỜNG SỐ 3 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 4	27.200
74	ĐƯỜNG SỐ 4 (KDC HIM LAM - KHU CHỨC NĂNG SỐ 7)	ĐƯỜNG SỐ 15	CUỐI TUYẾN	21.400
75	ĐƯỜNG SỐ 4, (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 7	27.200
76	ĐƯỜNG SỐ 4, (KDC TRUNG SƠN)	TRỌN ĐƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG	41.300
77	ĐƯỜNG SỐ 4A, (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG 1B	35.500
78	ĐƯỜNG SỐ 5 (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 1E	35.500
79	ĐƯỜNG SỐ 5, (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 4	27.200
80	ĐƯỜNG SỐ 5A (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 4	35.500
81	ĐƯỜNG SỐ 5A.B.C (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 4	27.200
82	ĐƯỜNG SỐ 5B (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 8C	ĐƯỜNG SỐ 8	35.500
83	ĐƯỜNG SỐ 5C (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 1E	ĐƯỜNG SỐ 10A	35.500
84	ĐƯỜNG SỐ 6 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 21	27.200
85	ĐƯỜNG SỐ 6 (KDC HIM LAM - K HU CHỨC NĂNG SỐ 7)	TRỌN ĐƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG	27.600
86	ĐƯỜNG SỐ 6 (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 9A	ĐƯỜNG SỐ 1	39.200
87	ĐƯỜNG SỐ 6A (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 1A	ĐƯỜNG SỐ 3	35.500
88	ĐƯỜNG SỐ 6B (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 7	35.500
89	ĐƯỜNG SỐ 6C (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 7	35.500
90	ĐƯỜNG SỐ 6D (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 1A	ĐƯỜNG SỐ 3	35.500
91	ĐƯỜNG SỐ 7 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 2	27.200
92	ĐƯỜNG SỐ 7 (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 12	ĐƯỜNG SỐ 1C	35.500
93	ĐƯỜNG SỐ 7A (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 9A	NGUYỄN VĂN LINH	35.500
94	ĐƯỜNG SỐ 8 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 19	27.200
95	ĐƯỜNG SỐ 8 (KDC ĐẠI PHÚC 9B8)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 11	32.600
96	ĐƯỜNG SỐ 8 (KDC DƯƠNG HỒNG 9B4)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 11	32.600
97	ĐƯỜNG SỐ 8 (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 12	ĐƯỜNG SỐ 9A	45.900
98	ĐƯỜNG SỐ 8A (KDC ĐẠI PHÚC 9B8)	ĐƯỜNG SỐ 13	ĐƯỜNG SỐ 11	30.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
99	ĐƯỜNG SỐ 8A (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 12	ĐƯỜNG SỐ 3	35.500
100	ĐƯỜNG SỐ 8B (KDC ĐẠI PHÚC 9B8)	ĐƯỜNG SỐ 13	ĐƯỜNG SỐ 11	31.500
101	ĐƯỜNG SỐ 8B (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 1E	ĐƯỜNG SỐ 1F	35.500
102	ĐƯỜNG SỐ 8C (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 5	35.500
103	ĐƯỜNG SỐ 9 (KDC BÌNH HƯNG)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 24	27.200
104	ĐƯỜNG SỐ 9 (KDC HIM LAM - KHU CHỨC NĂNG SỐ 7)	ĐƯỜNG SỐ 6	PHẠM HÙNG	58.200
105	ĐƯỜNG SỐ 9 (KDC TRUNG SƠN)	ĐƯỜNG SỐ 4	ĐƯỜNG SỐ 10	35.500
106	ĐƯỜNG SỐ 9A (KDC TRUNG SƠN)	NGUYỄN VĂN LINH	CẦU KÊNH XÁNG	61.200
107	PHẠM HÙNG	RANH QUẬN 8	NGUYỄN VĂN LINH	35.200
108	PHẠM HÙNG	NGUYỄN VĂN LINH	RANH HUYỆN NHÀ BÈ	29.100
109	QUỐC LỘ 50	RANH QUẬN 8	NGUYỄN VĂN LINH	27.800
110	BÙI VĂN QUỚI (HÈM C7B)	ĐƯỜNG PHẠM HÙNG	CAO LỖ, QUẬN 8	18.400
111	HUỶNH THỊ BẦY (HÈM C7)	ĐƯỜNG PHẠM HÙNG	C7/2A	18.400
112	HUỶNH VĂN THIÊU (HÈM C7C)	ĐƯỜNG PHẠM HÙNG	CẦU TÁM NÓ	18.400
113	NGÔ VĂN SỞ (HÈM C7D)	ĐƯỜNG PHẠM HÙNG	CUỐI HÈM	18.400
114	NGUYỄN THỊ BA (HÈM C5)	ĐƯỜNG PHẠM HÙNG	RANH PHƯỜNG 4, QUẬN 8	18.400
115	NGUYỄN THỊ NĂM (HÈM 31 C5/18)	ĐƯỜNG PHẠM HÙNG	RANH PHƯỜNG 4, QUẬN 8	18.400
116	PHẠM THỊ HƠN (HÈM C6)	ĐƯỜNG PHẠM HÙNG	CUỐI HÈM	18.400
117	TRẦN TRƯỜNG CUNG (HÈM C9-C10)	ĐƯỜNG PHẠM HÙNG	C9/7C22	18.400
118	KÊNH RAU RĂM (BỜ TRÁI)	VƯỜN THƠM	RANH TỈNH LONG AN	3.100
119	KINH 5 (BỜ TRÁI VÀ BỜ PHẢI)	VƯỜN THƠM	RANH TỈNH LONG AN	3.100
120	LIÊN ÁP 1-2 BÌNH LỢI	CẦU BÀ TỶ	CẦU SÁU OÁNH	4.400
121	TRƯƠNG VĂN ĐA	CẦU BÀ TỶ	RANH LONG AN	4.400
122	VƯỜN THƠM	CẦU XÁNG	RANH TỈNH LONG AN	5.100
123	ĐƯỜNG KÊNH BẦY QUÊ (BỜ TRÁI)	TRƯƠNG VĂN ĐA	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
124	ĐƯỜNG KÊNH THẦY THUỐC (BỜ PHẢI)	TRƯƠNG VĂN ĐA	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
125	ĐƯỜNG KÊNH THẢY THUỐC (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
126	ĐƯỜNG DẪN CẦU KÊNH XÁNG NGANG	ĐƯỜNG TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐƯỜNG KẾT NỐI TỪ CẦU KÊNH XÁNG NGANG QUA RANH LONG AN	3.100
127	ĐƯỜNG HÈM C1	ĐƯỜNG KÊNH TRÀM LẦY 1	ĐƯỜNG KÊNH BÀ BỮU	2.700
128	ĐƯỜNG HÈM C11	ĐƯỜNG KÊNH 7	ĐƯỜNG KÊNH 8	2.700
129	ĐƯỜNG HÈM C3	ĐƯỜNG KÊNH XÃ TỈNH	ĐƯỜNG KÊNH TRÀM LẦY 1	2.700
130	ĐƯỜNG HÈM C4	ĐƯỜNG KÊNH XÃ TỈNH	ĐƯỜNG KÊNH 1	2.700
131	ĐƯỜNG HÈM C5	ĐƯỜNG KÊNH 1	ĐƯỜNG KÊNH 2	2.700
132	ĐƯỜNG HÈM C7	ĐƯỜNG KÊNH 3	ĐƯỜNG KÊNH 4	2.700
133	ĐƯỜNG HÈM C8	ĐƯỜNG KÊNH 4	ĐƯỜNG KÊNH 5	2.700
134	ĐƯỜNG HÈM C9	ĐƯỜNG KÊNH 5	ĐƯỜNG KÊNH 6	2.700
135	ĐƯỜNG HÈM D2	ĐƯỜNG KÊNH 9	ĐƯỜNG KÊNH 10	2.700
136	ĐƯỜNG HÈM D4	ĐƯỜNG KÊNH 11	ĐƯỜNG KÊNH 12	2.700
137	ĐƯỜNG HÈM D5	ĐƯỜNG KÊNH 12	ĐƯỜNG KÊNH 13	2.700
138	ĐƯỜNG KÊNH 06 ÁP (BỜ PHẢI)	ĐƯỜNG KÊNH LIÊN VÙNG	KÊNH 11	3.100
139	ĐƯỜNG KÊNH 06 ÁP (BỜ TRÁI)	ĐƯỜNG KÊNH LIÊN VÙNG	KÊNH 11	3.100
140	ĐƯỜNG KÊNH 1 (BỜ PHẢI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
141	ĐƯỜNG KÊNH 1 (BỜ TRÁI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
142	ĐƯỜNG KÊNH 10 (BỜ PHẢI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
143	ĐƯỜNG KÊNH 10 (BỜ TRÁI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
144	ĐƯỜNG KÊNH 11 (BỜ PHẢI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
145	ĐƯỜNG KÊNH 11 (BỜ TRÁI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
146	ĐƯỜNG KÊNH 12 (BỜ PHẢI)	ĐƯỜNG VƯỜN THƠM	ĐƯỜNG KÊNH TƯ ĐỨC	3.100
147	ĐƯỜNG KÊNH 12 (BỜ TRÁI)	ĐƯỜNG VƯỜN THƠM	ĐƯỜNG KÊNH TƯ ĐỨC	3.100
148	ĐƯỜNG KÊNH 13 (BỜ PHẢI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
149	ĐƯỜNG KÊNH 13 (BỜ TRÁI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
150	ĐƯỜNG KÊNH 2 (BỜ PHẢI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
151	ĐƯỜNG KÊNH 2 (BỜ TRÁI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
152	ĐƯỜNG KÊNH 3 (BỜ PHẢI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
153	ĐƯỜNG KÊNH 3 (BỜ TRÁI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
154	ĐƯỜNG KÊNH 4 (BỜ PHẢI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
155	ĐƯỜNG KÊNH 4 (BỜ TRÁI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
156	ĐƯỜNG KÊNH 6 (BỜ PHẢI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
157	ĐƯỜNG KÊNH 6 (BỜ TRÁI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
158	ĐƯỜNG KÊNH 7 (BỜ PHẢI)	ĐƯỜNG VƯỜN THƠM	ĐƯỜNG KÊNH 10	3.100
159	ĐƯỜNG KÊNH 7 (BỜ TRÁI)	ĐƯỜNG VƯỜN THƠM	ĐƯỜNG KÊNH 10	3.100
160	ĐƯỜNG KÊNH 8 (BỜ PHẢI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
161	ĐƯỜNG KÊNH 8 (BỜ TRÁI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
162	ĐƯỜNG KÊNH 9 (BỜ PHẢI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
163	ĐƯỜNG KÊNH 9 (BỜ TRÁI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
164	ĐƯỜNG KÊNH BÀ BỮU	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
165	ĐƯỜNG KÊNH BA LẠC	ĐƯỜNG TRƯƠNG VĂN ĐA	ĐƯỜNG KÊNH ĐỘC LẬP	2.700
166	ĐƯỜNG KÊNH BẢY HÌNH (BỜ PHẢI)	TRƯƠNG VĂN ĐA	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
167	ĐƯỜNG KÊNH BẢY HÌNH (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
168	ĐƯỜNG KÊNH BẢY QUÊ (BỜ PHẢI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
169	ĐƯỜNG KÊNH CÁI THANH (BỜ PHẢI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
170	ĐƯỜNG KÊNH CÁI THANH (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
171	ĐƯỜNG KÊNH CÂY DẦU (BỜ PHẢI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
172	ĐƯỜNG KÊNH CÂY DẦU (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
173	ĐƯỜNG KÊNH CHÀI CHÌM (BỜ PHẢI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
174	ĐƯỜNG KÊNH CHÀI CHÌM (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
175	ĐƯỜNG KÊNH CHÙA (BỜ PHẢI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
176	ĐƯỜNG KÊNH CHÙA (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
177	ĐƯỜNG KÊNH ĐỘC LẬP (BỜ PHẢI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
178	ĐƯỜNG KÊNH ĐỘC LẬP (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
179	ĐƯỜNG KÊNH ĐÔI LỚN (BỜ PHẢI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
180	ĐƯỜNG KÊNH ĐÔI LỚN (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
181	ĐƯỜNG KÊNH ĐÔI NHỎ (BỜ PHẢI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
182	ĐƯỜNG KÊNH ĐÔI NHỎ (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
183	ĐƯỜNG KÊNH HỘI ĐÔNG (BỜ PHẢI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
184	ĐƯỜNG KÊNH HỘI ĐÔNG (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
185	ĐƯỜNG KÊNH LIÊN VÙNG	ĐƯỜNG KÊNH RAU RĂM (BỜ TRÁI)	ĐƯỜNG KÊNH BÀ BƯU	2.700
186	ĐƯỜNG KÊNH LÒ BÚNG	ĐƯỜNG KÊNH ĐỘC LẬP	ĐƯỜNG KÊNH NGANG	2.700
187	ĐƯỜNG KÊNH LÒ ĐƯỜNG (BỜ PHẢI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
188	ĐƯỜNG KÊNH LÒ ĐƯỜNG (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
189	ĐƯỜNG KÊNH NĂM GIÁP (BỜ PHẢI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
190	ĐƯỜNG KÊNH NĂM GIÁP (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
191	ĐƯỜNG KÊNH NĂM XUYỀN (BỜ PHẢI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
192	ĐƯỜNG KÊNH NĂM XUYỀN (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
193	ĐƯỜNG KÊNH NGANG	ĐƯỜNG KÊNH ĐỘC LẬP	ĐƯỜNG KÊNH THẦY THUỐC	2.700
194	ĐƯỜNG KÊNH ÔNG THÂN (BỜ PHẢI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
195	ĐƯỜNG KÊNH ÔNG THÂN (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
196	ĐƯỜNG KÊNH TẮM ĐẠI (BỜ PHẢI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
197	ĐƯỜNG KÊNH TẮM ĐẠI (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
198	ĐƯỜNG KÊNH THĂNG CHỒNG (BỜ PHẢI)	ĐƯỜNG TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐƯỜNG KÊNH NGANG	2.700
199	ĐƯỜNG KÊNH THĂNG CHỒNG (BỜ TRÁI)	ĐƯỜNG TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐƯỜNG KÊNH 6 OÁNH	2.700
200	ĐƯỜNG KÊNH THĂNG TÂY (BỜ PHẢI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
201	ĐƯỜNG KÊNH THĂNG TÂY (BỜ TRÁI)	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
202	ĐƯỜNG KÊNH TRÂM LẦY 1 (BỜ PHẢI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
203	ĐƯỜNG KÊNH TRÂM LẦY 1 (BỜ TRÁI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
204	ĐƯỜNG KÊNH TRÂM LẦY 2 (BỜ PHẢI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
205	ĐƯỜNG KÊNH TRÂM LẦY 2 (BỜ TRÁI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
206	ĐƯỜNG KÊNH TƯ CU (BỜ PHẢI)	ĐƯỜNG LẠI THỊ XUẤT	ĐƯỜNG KÊNH THĂNG CHỒNG (BỜ TRÁI)	2.700
207	ĐƯỜNG KÊNH TƯ CU (BỜ TRÁI)	ĐƯỜNG LẠI THỊ XUẤT	ĐƯỜNG KÊNH THĂNG CHỒNG (BỜ TRÁI)	2.700
208	ĐƯỜNG KÊNH TƯ ĐỨC (BỜ PHẢI)	ĐƯỜNG KÊNH RAU RĂM	ĐƯỜNG KÊNH 11	3.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
209	ĐƯỜNG KÊNH TƯ ĐỨC (BỜ TRÁI)	ĐƯỜNG KÊNH RAU RÂM	ĐƯỜNG KÊNH 11	3.100
210	ĐƯỜNG KÊNH XÃ TỈNH (BỜ PHẢI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
211	ĐƯỜNG KÊNH XÃ TỈNH (BỜ TRÁI)	VƯỜN THƠM	ĐẾN CUỐI TUYẾN	3.100
212	ĐƯỜNG KẾT NỐI TỪ CẦU KÊNH XÁNG NGANG QUA RANH LONG AN	CẦU KÊNH XÁNG NGANG	ĐƯỜNG KÊNH BA LẠC	3.100
213	KÊNH RAU RÂM (BỜ PHẢI)	TRẦN VĂN GIÀU	TRỌN ĐƯỜNG	3.100
214	ĐƯỜNG HÈM C10	ĐƯỜNG KÊNH 6	ĐƯỜNG KÊNH 7	2.700
215	ĐƯỜNG HÈM C2	ĐƯỜNG KÊNH TRÀM LẦY 2	ĐƯỜNG KÊNH TRÀM LẦY 1	2.700
216	ĐƯỜNG HÈM C6	ĐƯỜNG KÊNH 2	ĐƯỜNG KÊNH 3	2.700
217	ĐƯỜNG HÈM D1	ĐƯỜNG KÊNH 8	ĐƯỜNG KÊNH 9	2.700
218	ĐƯỜNG HÈM D3	ĐƯỜNG KÊNH 10	ĐƯỜNG KÊNH 11	2.700
219	ĐƯỜNG KÊNH BÀ 5 SA ĐÉC (BỜ PHẢI)	TRƯƠNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
220	ĐƯỜNG KÊNH BÀ 5 SA ĐÉC (BỜ PHẢI)	TRƯƠNG VĂN ĐÀ	ĐẾN CUỐI TUYẾN	2.700
221	ĐỒ HỮU MUỘI (ĐƯỜNG 7 TÂN)	AN PHÚ TÂY - HƯNG LONG	RANH XÃ TÂN QUÝ TÂY	4.000
222	NGUYỄN VĂN XƯỜNG (ĐƯỜNG CHÙA)	AN PHÚ TÂY - HƯNG LONG	RANH XÃ TÂN QUÝ TÂY	4.000
223	AN PHÚ TÂY - HƯNG LONG	QUỐC LỘ 1	CẦU RẠCH GIA	8.000
224	ĐƯỜNG ẤP 2 NỐI DÀI	AN PHÚ TÂY - HƯNG LONG	RANH XÃ TÂN QUÝ TÂY	5.500
225	ĐƯỜNG ĐỀ BAO RẠCH CẦU GIÀ	AN PHÚ TÂY - HƯNG LONG	KHU DÂN CƯ AN PHÚ TÂY 47HA	4.600
226	ĐƯỜNG SỐ 1 (KDC AN PHÚ TÂY)	AN PHÚ TÂY - HƯNG LONG	ĐƯỜNG SỐ 2	13.800
227	ĐƯỜNG SỐ 13 (KDC AN PHÚ TÂY)	AN PHÚ TÂY - HƯNG LONG	ĐƯỜNG SỐ 2	13.800
228	ĐƯỜNG SỐ 15 (KDC AN PHÚ TÂY)	AN PHÚ TÂY - HƯNG LONG	ĐƯỜNG SỐ 28	9.200
229	ĐƯỜNG SỐ 21 (KDC AN PHÚ TÂY)	AN PHÚ TÂY - HƯNG LONG	ĐƯỜNG SỐ 2	13.800
230	ĐƯỜNG SỐ 3 (KDC AN PHÚ TÂY)	AN PHÚ TÂY - HƯNG LONG	ĐƯỜNG SỐ 12	9.200
231	ĐƯỜNG SỐ 31 (KDC AN PHÚ TÂY)	AN PHÚ TÂY - HƯNG LONG	ĐƯỜNG SỐ 14	12.200

10

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
232	ĐƯỜNG SỐ 7 (KDC AN PHÚ TÂY)	AN PHÚ TÂY - HUNG LONG	ĐƯỜNG SỐ 24	9.200
233	TRẦN VĂN NIỆM (TÂN NHIỄU)	AN PHÚ TÂY - HUNG LONG	KINH T11	3.100
234	ĐƯỜNG ÁP 2	NGUYỄN VĂN LINH	AN PHÚ TÂY- HUNG LONG	2.400
235	ĐƯỜNG SỐ 10 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 13	9.200
236	ĐƯỜNG SỐ 11 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 8	9.200
237	ĐƯỜNG SỐ 12 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 17	ĐƯỜNG SỐ 29	9.200
238	ĐƯỜNG SỐ 14 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 13	RANH PHÍA TÂY	13.800
239	ĐƯỜNG SỐ 16 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 13	9.200
240	ĐƯỜNG SỐ 17 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 24	9.200
241	ĐƯỜNG SỐ 18 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 29	ĐƯỜNG SỐ 31	9.200
242	ĐƯỜNG SỐ 19 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 24	ĐƯỜNG SỐ 32	9.200
243	ĐƯỜNG SỐ 2 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 29	10.700
244	ĐƯỜNG SỐ 20 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 13	9.200
245	ĐƯỜNG SỐ 22 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 17	ĐƯỜNG SỐ 31	9.200
246	ĐƯỜNG SỐ 23 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 32	9.200
247	ĐƯỜNG SỐ 24 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 1	RANH PHÍA TÂY	13.800
248	ĐƯỜNG SỐ 25 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 14	ĐƯỜNG SỐ 22	9.200
249	ĐƯỜNG SỐ 26 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 7	9.200
250	ĐƯỜNG SỐ 27 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 12	9.200
251	ĐƯỜNG SỐ 28 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 15	ĐƯỜNG SỐ 19	9.200
252	ĐƯỜNG SỐ 29 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 32	13.800
253	ĐƯỜNG SỐ 30 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 29	ĐƯỜNG SỐ 31	9.200
254	ĐƯỜNG SỐ 32 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 15	ĐƯỜNG SỐ 31	9.200
255	ĐƯỜNG SỐ 4 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 1	RANH PHÍA TÂY	13.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
256	ĐƯỜNG SỐ 5 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 4	ĐƯỜNG SỐ 10	9.200
257	ĐƯỜNG SỐ 6 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 29	9.200
258	ĐƯỜNG SỐ 8 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 11	9.200
259	ĐƯỜNG SỐ 9 (KDC AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 16	9.200
260	HOÀNG ĐẠO THUY	QUỐC LỘ 1	RANH QUẬN 8	8.000
261	NGUYỄN VĂN LINH	RANH QUẬN 8	CAO TỐC SÀI GÒN - TL	19.900
262	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG (BỜ HUỆ)	QUỐC LỘ 1	ĐƯỜNG NÔNG THÔN ÁP 2	4.300
263	NHÁNH 11 ĐƯỜNG CHÙA (AN PHÚ TÂY)	ĐƯỜNG CHÙA	CỤT	2.800
264	ĐƯỜNG ĐỀ BAO RẠCH CẦU GIÀ	KHU DÂN CƯ AN PHÚ TÂY 47HA	NGUYỄN VĂN LINH	2.800
265	NGUYỄN PHÚ CẢNH (ĐƯỜNG ĐÌNH BÌNH ĐIỀN)	AN PHÚ TÂY - HUNG LONG	BỜ HUỆ	4.000
266	PHAN VĂN TÔN (ĐƯỜNG RẠCH CUNG)	AN PHÚ TÂY - HUNG LONG	NGUYỄN VĂN LINH	2.800
267	PHẠM THỊ TÁNH (HUNG LONG-QUI ĐỨC)	AN PHÚ TÂY - HUNG LONG	ĐẾN CUỐI TUYẾN	5.500
268	AN PHÚ TÂY - HUNG LONG	CẦU RẠCH GIA	ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	8.000
269	BÙI VĂN SỰ	ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	HUNG LONG - QUI ĐỨC	3.700
270	ĐÌNH VĂN ƯỚC (LIÊN ÁP 3-4-5)	ĐƯỜNG ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	ĐƯỜNG AN PHÚ TÂY - HUNG LONG	3.100
271	ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	CÁI TÂN QUÝ	ĐẾN HẾT RANH XÃ HUNG LONG	9.200
272	TÂN LIÊU	ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	HUNG LONG - QUI ĐỨC	5.500
273	NGUYỄN THỊ BÁY	ĐƯỜNG BA BÊ - LONG THƯỢNG	ĐƯỜNG VÀO TRƯỜNG MẦM GIÁO QUỲNH ANH	3.100
274	LÊ VĂN SẴNG	ĐƯỜNG 7 CÁ - 8 LUÔNG	RANH LONG THƯỢNG	3.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
275	NGUYỄN VĂN ĐẠI	ĐƯỜNG ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	ĐƯỜNG LIÊN ẤP 3-4-5	3.100
276	VÕ VĂN NGẠN	ĐƯỜNG ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	RANH LONG THƯỢNG	3.100
277	CÂY DƯƠNG	ĐƯỜNG T8	CAO TỐC BÊN LỨC - LONG	2.400
278	HỒ VĂN CẦU	ĐƯỜNG HUNG LONG - QUI ĐỨC	ĐƯỜNG LIÊN ẤP 3-4-5	2.400
279	T1	ĐƯỜNGẤP 6	ĐƯỜNG PHẠM THỊ TÁNH	2.400
280	T2	ĐƯỜNGẤP 6	ĐƯỜNG RẠCH SẦY	2.400
281	T4	ĐƯỜNG AN PHÚ TÂY - HUNG LONG	ĐƯỜNG ĐINH VĂN ƯỚC	2.400
282	T8	ĐƯỜNG ĐINH VĂN ƯỚC	ĐƯỜNG PHẠM THỊ TÁNH	2.400
283	T9	ĐƯỜNG ĐINH VĂN ƯỚC	ĐƯỜNG PHẠM THỊ TÁNH	2.400
284	NGUYỄN THỊ NGÀ	ĐƯỜNG ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	CUỐI TUYẾN	3.100
285	PHAN THỊ KHAI	ĐƯỜNG AN PHÚ TÂY - HUNG LONG	ĐƯỜNG LIÊN ẤP 3-4-5	2.400
286	T5	ĐƯỜNG AN PHÚ TÂY - HUNG LONG	ĐƯỜNG ĐINH VĂN ƯỚC	2.400
287	T6	ĐƯỜNG AN PHÚ TÂY - HUNG LONG	ĐƯỜNG TRẦN THỊ GIANG	2.400
288	T7	ĐƯỜNG AN PHÚ TÂY - HUNG LONG	CUỐI TUYẾN	2.400
289	TRẦN THỊ GIANG	ĐƯỜNG T5	ĐƯỜNG ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	2.400
290	ÔNG ĐỘI (BỜ BẮC)	ĐƯỜNG HUNG LONG - QUI ĐỨC	BỜ NAM	2.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
291	ÔNG ĐỘI (BỜ NAM)	ĐƯỜNG 7 CÁ - 8 LUÔNG	ĐƯỜNG BUI VĂN SỰ	2.800
292	VÕ VĂN THU	ĐƯỜNG ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	ĐƯỜNG ÔNG ĐỘI	2.800
293	BÌNH MINH	TRẦN VĂN GIÀU	KÊNH SỐ 02	5.500
294	ĐƯỜNG KÊNH A	TRẦN VĂN GIÀU	THÍCH THIÊN HÒA	5.200
295	ĐƯỜNG KÊNH C ẤP 7	TRẦN VĂN GIÀU-	ĐƯỜNG TRẦN ĐẠI NGHĨA	2.400
296	ĐƯỜNG LÁNG LE BÀU CÒ	ĐƯỜNG TRẦN VĂN GIÀU	RANH XÃ TÂN NHỰT	6.700
297	ĐƯỜNG LÊ CHÍNH ĐÁNG	KÊNH A-LMX	MAI BÁ HƯƠNG	3.400
298	ĐƯỜNG LÊ ĐÌNH CHI	TRẦN VĂN GIÀU	THÍCH THIÊN HÒA	4.000
299	ĐƯỜNG LÔ 2	KINH C	MAI BÁ HƯƠNG	4.000
300	ĐƯỜNG THÍCH THIÊN HÒA	TRỌN ĐƯỜNG		4.300
301	ĐƯỜNG TRẦN ĐẠI NGHĨA	KÊNH C	KÊNH B	13.200
		KÊNH B	MAI BÁ HƯƠNG	10.700
302	ĐƯỜNG TRẦN VĂN GIÀU	RANH QUẬN BÌNH TÂN	CẦU XÁNG	13.800
303	ĐƯỜNG VÕ HỮU LỢI	TRẦN VĂN GIÀU	THÍCH THIÊN HÒA	4.600
304	KHOA ĐÔNG (LMX)	TRẦN VĂN GIÀU	RANH XÃ TÂN NHỰT	4.000
305	MAI BÁ HƯƠNG	CẦU XÁNG	NGÃ BA LÝ MẠNH	4.600
306	ĐƯỜNG BỜ BẮC KÊNH 10 KHU A	MAI BÁ HƯƠNG	LÊ ĐÌNH CHI	2.000
307	ĐƯỜNG BỜ BẮC KÊNH 11 KHU A	MAI BÁ HƯƠNG	LÊ ĐÌNH CHI	2.000
308	ĐƯỜNG BỜ NAM KÊNH 10 KHU A	MAI BÁ HƯƠNG	LÊ ĐÌNH CHI	2.000
309	ĐƯỜNG BỜ NAM KÊNH 8 KHU B	VÕ HỮU LỢI	KÊNH A	2.000
310	ĐƯỜNG BỜ BẮC KÊNH 10 KHU B	VÕ HỮU LỢI	KÊNH A	2.000
311	ĐƯỜNG BỜ BẮC KÊNH 11 KHU B	VÕ HỮU LỢI	KÊNH A	2.000
312	ĐƯỜNG BỜ BẮC KÊNH 12 KHU B	VÕ HỮU LỢI	KÊNH A	2.000
313	ĐƯỜNG BỜ BẮC KÊNH 9 KHU B	VÕ HỮU LỢI	KÊNH A	2.000
314	ĐƯỜNG BỜ NAM KÊNH 10 KHU B	VÕ HỮU LỢI	KÊNH A	2.000
315	ĐƯỜNG BỜ NAM KÊNH 11 KHU B	VÕ HỮU LỢI	KÊNH A	2.000
316	ĐƯỜNG BỜ NAM KÊNH 4 KHU A	MAI BÁ HƯƠNG	LÊ ĐÌNH CHI	2.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
317	ĐƯỜNG BỜ NAM KÊNH 5 KHU A	LÊ ĐÌNH CHI	RANH SING VIỆT	2.000
318	ĐƯỜNG BỜ NAM KÊNH 9 KHU A	LÊ ĐÌNH CHI	RANH SING VIỆT	2.000
319	ĐƯỜNG BỜ NAM KÊNH 9 KHU B	VÕ HỮU LỢI	KÊNH A	2.000
320	ĐƯỜNG ĐÊ BAO DÂN CƯ ÁP 2 VÀ ÁP 5	MAI BÁ HƯƠNG	KÊNH B	2.800
321	ĐƯỜNG ĐÊ BAO DÂN CƯ ÁP 5 (TỔ 6)	KÊNH B	THÍCH THIÊN HÒA	2.800
322	QUỐC LỘ 50	NGUYỄN VĂN LINH	HẾT RANH XÃ PHONG PHÚ	20.800
323	TRỊNH QUANG NGHỊ	RANH QUẬN 8	QUỐC LỘ 50	7.400
324	TÂN LIÊM	QUỐC LỘ 50	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 3,4	5.500
325	ĐƯỜNG SỐ 1 (KDC HỒNG QUANG)	NGUYỄN VĂN LINH	ĐƯỜNG SỐ 2	7.700
326	ĐƯỜNG SỐ 3 (KDC HỒNG QUANG)	NGUYỄN VĂN LINH	ĐƯỜNG SỐ 10	7.700
327	ĐƯỜNG SỐ 5 (KDC HỒNG QUANG)	NGUYỄN VĂN LINH	ĐƯỜNG SỐ 2	7.700
328	ĐƯỜNG SỐ 10 (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 1	7.700
329	ĐƯỜNG SỐ 12 (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 5	7.700
330	ĐƯỜNG SỐ 12A (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 12E	ĐƯỜNG SỐ 12B	7.700
331	ĐƯỜNG SỐ 12B (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 12E	ĐƯỜNG SỐ 12	7.700
332	ĐƯỜNG SỐ 12C (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 12E	ĐƯỜNG SỐ 12	7.700
333	ĐƯỜNG SỐ 12D (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 12E	ĐƯỜNG SỐ 12C	10.000
334	ĐƯỜNG SỐ 12E (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 5	7.700
335	ĐƯỜNG SỐ 14 (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 5	7.700
336	ĐƯỜNG SỐ 14A (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 14	7.700
337	ĐƯỜNG SỐ 14C (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 14E	ĐƯỜNG SỐ 14	7.700
338	ĐƯỜNG SỐ 14D (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 14C	ĐƯỜNG SỐ 14	7.700
339	ĐƯỜNG SỐ 14E (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 14A	7.700
340	ĐƯỜNG SỐ 16 (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 1	7.700
341	ĐƯỜNG SỐ 16A (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 3	7.700
342	ĐƯỜNG SỐ 1A (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 8	7.700
343	ĐƯỜNG SỐ 2 (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 1	7.700
344	ĐƯỜNG SỐ 2D (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 5	7.700
345	ĐƯỜNG SỐ 3A (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 2	7.700
346	ĐƯỜNG SỐ 3B (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 2	7.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
347	ĐƯỜNG SỐ 4 (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 1	7.700
348	ĐƯỜNG SỐ 4A (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 3A	7.700
349	ĐƯỜNG SỐ 4B (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 3B	ĐƯỜNG SỐ 5	7.700
350	ĐƯỜNG SỐ 6A (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 6B	ĐƯỜNG SỐ 6B	7.700
351	ĐƯỜNG SỐ 6B (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 6	7.700
352	ĐƯỜNG SỐ 6C (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 3A	ĐƯỜNG SỐ 3B	7.700
353	ĐƯỜNG SỐ 6D (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 5	7.700
354	ĐƯỜNG SỐ 6E KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 6D	ĐƯỜNG SỐ 6	7.700
355	ĐƯỜNG SỐ 8 (KDC HỒNG QUANG)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 5	7.700
356	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 3, 4	TÂN LIÊM	NGUYỄN VĂN LINH	2.000
357	ĐƯỜNG SỐ 1 (KDC CONIC)	NGUYỄN VĂN LINH	RẠCH BÀ TÀNG	15.300
358	ĐƯỜNG SỐ 14 (KDC CONIC)	VÀNH ĐAI TRONG	ĐƯỜNG SỐ 7	12.800
359	ĐƯỜNG SỐ 3A (KDC CONIC)	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 12	13.500
360	ĐƯỜNG SỐ 10 (KDC CONIC)	VÀNH ĐAI TRONG	ĐƯỜNG SỐ 11	12.800
361	ĐƯỜNG SỐ 11 (KDC CONIC)	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 10	12.800
362	ĐƯỜNG SỐ 12 (KDC CONIC)	VÀNH ĐAI TRONG	RẠCH BÀ TÀNG	13.500
363	ĐƯỜNG SỐ 12A (KDC CONIC)	ĐƯỜNG SỐ 3B	ĐƯỜNG SỐ 7	12.800
364	ĐƯỜNG SỐ 16 (KDC CONIC)	VÀNH ĐAI TRONG	ĐƯỜNG SỐ 7	13.500
365	ĐƯỜNG SỐ 2 (KDC CONIC)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 11	12.800
366	ĐƯỜNG SỐ 3B (KDC CONIC)	ĐƯỜNG SỐ 12	ĐƯỜNG SỐ 18	13.500
367	ĐƯỜNG SỐ 4 (KDC CONIC)	ĐƯỜNG SỐ 9	ĐƯỜNG SỐ 11	12.800
368	ĐƯỜNG SỐ 5 (KDC CONIC)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 3A	12.800
369	ĐƯỜNG SỐ 7F (KDC CONIC)	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 12	15.300
370	ĐƯỜNG SỐ 8 (KDC CONIC)	VÀNH ĐAI TRONG	ĐƯỜNG SỐ 11	12.800
371	ĐƯỜNG SỐ 8A (KDC CONIC)	ĐƯỜNG SỐ 9	ĐƯỜNG SỐ 11	12.800
372	ĐƯỜNG SỐ 9 (KDC CONIC)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 10	12.800
373	DƯƠNG THỊ SANG (ĐƯỜNG XƯƠNG CÁ 2)	QUỐC LỘ 50	THỪA 81, TỜ 84	10.100
374	TRẦN VĂN DỤNG (ĐƯỜNG ÔNG NIÊM)	QUỐC LỘ 50	CẦU ÔNG NIÊM	6.100
375	ĐƯỜNG SỐ 10 (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 1	VÀNH ĐAI TRONG	13.500
376	ĐƯỜNG SỐ 12 (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 1	VÀNH ĐAI TRONG	13.500
377	ĐƯỜNG SỐ 14 (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 1	VÀNH ĐAI TRONG	13.500
378	ĐƯỜNG SỐ 16 (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 1	VÀNH ĐAI TRONG	13.500
379	ĐƯỜNG SỐ 18 (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 1	VÀNH ĐAI TRONG	13.500
380	ĐƯỜNG SỐ 1B (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 10	13.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
381	ĐƯỜNG SỐ 1C (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 14	ĐẾN CUỐI ĐƯỜNG	13.500
382	ĐƯỜNG SỐ 1D (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 15	ĐƯỜNG SỐ 16	13.500
383	ĐƯỜNG SỐ 1E (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 18	ĐẾN CUỐI ĐƯỜNG	13.500
384	ĐƯỜNG SỐ 2 (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG 3A	13.500
385	ĐƯỜNG SỐ 3 (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	13.500
386	ĐƯỜNG SỐ 3A (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 2, 4	ĐƯỜNG SỐ 10	13.500
387	ĐƯỜNG SỐ 3B (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 14	ĐƯỜNG SỐ 16	13.500
388	ĐƯỜNG SỐ 3C (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 18	13.500
389	ĐƯỜNG SỐ 4 (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG 3A	13.500
390	ĐƯỜNG SỐ 6 (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 1	VÀNH ĐAI TRONG	13.500
391	ĐƯỜNG SỐ 6A (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 3	13.500
392	ĐƯỜNG SỐ 8 (KDC TÂN BÌNH)	ĐƯỜNG SỐ 1	VÀNH ĐAI TRONG	13.500
393	ĐƯỜNG SỐ 1 (KDC TÂN BÌNH)	NGUYỄN VĂN LINH	VÀNH ĐAI TRONG	14.100
394	ĐƯỜNG SỐ 1A (KDC TÂN BÌNH)	NGUYỄN VĂN LINH	ĐƯỜNG SỐ 1	13.500
395	ĐƯỜNG SỐ 2 (KDC GIA HÒA)	ĐƯỜNG SỐ 1A	ĐƯỜNG SỐ 5	15.300
396	ĐƯỜNG SỐ 1 (KDC GIA HÒA)	QUỐC LỘ 50	ĐƯỜNG SỐ 5	13.800
397	ĐƯỜNG SỐ 1A (KDC GIA HÒA)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐẾN CUỐI ĐƯỜNG	13.800
398	ĐƯỜNG SỐ 12 (KDC GIA HÒA)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 5	12.200
399	ĐƯỜNG SỐ 6 (KDC GIA HÒA)	ĐƯỜNG SỐ 1A	ĐƯỜNG SỐ 5	10.700
400	ĐƯỜNG SỐ 10 (KDC GIA HÒA)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 1A	9.500
401	ĐƯỜNG SỐ 5 (KDC GIA HÒA)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐẾN CUỐI ĐƯỜNG	9.500
402	ĐƯỜNG SỐ 8 (KDC GIA HÒA)	ĐƯỜNG SỐ 1A	ĐƯỜNG SỐ 6	9.500
403	ĐƯỜNG SỐ 4 (KDC GIA HÒA)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 5	8.600
404	ĐƯỜNG SỐ 3 (KDC GIA HÒA)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 12	8.600
405	ĐƯỜNG SỐ 3A (KDC GIA HÒA)	ĐƯỜNG SỐ 12	ĐƯỜNG SỐ 8	6.700
406	ĐƯỜNG SỐ 7 (KDC CONIC)	NGUYỄN VĂN LINH	ĐƯỜNG SỐ 3A	15.300
407	HÈM HUY PHONG	QUỐC LỘ 50	CUỐI ĐƯỜNG	10.400
408	HÈM THÀNH NHÂN	QUỐC LỘ 50	CUỐI ĐƯỜNG	10.400
409	HÈM VĂN PHÒNG ÁP 5	QUỐC LỘ 50	CUỐI ĐƯỜNG	10.400
410	NGUYỄN THỊ TƯƠI (ĐƯỜNG XƯƠNG CÁ 1)	QUỐC LỘ 50	THỪA 48, TỜ 77	10.400
411	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI TRONG (KDC TÂN BÌNH)	NGUYỄN VĂN LINH	ĐƯỜNG SỐ 1 (KDC TÂN BÌNH)	13.800
412	ĐƯỜNG D10 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N13	ĐƯỜNG N18	12.600
413	ĐƯỜNG N11 (KDC PHONG PHÚ 4)	RANH DỰ ÁN	TRỊNH QUANG NGHỊ	12.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
414	ĐƯỜNG N12 (KDC PHONG PHÚ 4)	RANH DỰ ÁN	TRỊNH QUANG NGHỊ	12.600
415	ĐƯỜNG N13 (KDC PHONG PHÚ 4)	RANH DỰ ÁN	TRỊNH QUANG NGHỊ	12.600
416	ĐƯỜNG N18 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D7	RANH DỰ ÁN	14.100
417	ĐƯỜNG N21 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D7	RANH DỰ ÁN	14.100
418	ĐƯỜNG N7 (KDC PHONG PHÚ 4)	RANH DỰ ÁN	ĐƯỜNG D3	14.100
419	ĐƯỜNG D3 (KDC PHONG PHÚ 4)	TRỊNH QUANG NGHỊ	TÂN LIÊM	15.300
420	ĐƯỜNG D7 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N13	TÂN LIÊM	15.300
421	ĐƯỜNG 2A (KDC TÂN BÌNH)	1A	TRỌN ĐƯỜNG	13.500
422	ĐƯỜNG SỐ 22 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG RẠCH BÀ LỚN	ĐƯỜNG SỐ 21	14.100
423	ĐƯỜNG SỐ 10 (KDC PHONG PHÚ 5)	RANH DỰ ÁN	ĐƯỜNG 17	14.100
424	ĐƯỜNG SỐ 5 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG RẠCH BÀ LỚN	12.600
425	ĐƯỜNG D11 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N13	ĐƯỜNG N18	11.000
426	ĐƯỜNG D12 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N24	ĐƯỜNG TÂN LIÊM	11.000
427	ĐƯỜNG D14 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N21	ĐƯỜNG N24	11.000
428	ĐƯỜNG D15 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N22	ĐƯỜNG N24	11.000
429	ĐƯỜNG D16 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N21	ĐƯỜNG N24	11.000
430	ĐƯỜNG D17 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N21	ĐƯỜNG N24	11.000
431	ĐƯỜNG D18 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N18	ĐƯỜNG N24	11.000
432	ĐƯỜNG D19 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N18	ĐƯỜNG N24	11.000
433	ĐƯỜNG D2 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N1	ĐƯỜNG N7	11.000
434	ĐƯỜNG D20 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N21	ĐƯỜNG N24	11.000
435	ĐƯỜNG D4 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N1	ĐƯỜNG N11	11.000
436	ĐƯỜNG D5 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N8	ĐƯỜNG N10	11.000
437	ĐƯỜNG D6 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N7	ĐƯỜNG N11	11.000
438	ĐƯỜNG D8 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N14	ĐƯỜNG N18	11.000
439	ĐƯỜNG D9 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N13	ĐƯỜNG N18	11.000
440	ĐƯỜNG N1 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D1	ĐƯỜNG N12	11.000
441	ĐƯỜNG N10 (KDC PHONG PHÚ 4)	RANH DỰ ÁN	ĐƯỜNG N9	11.000
442	ĐƯỜNG N14 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D7	ĐƯỜNG N9	11.000
443	ĐƯỜNG N15 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D3	ĐƯỜNG D11	11.000
444	ĐƯỜNG N16 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D8	ĐƯỜNG N9	11.000
445	ĐƯỜNG N17 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D3	ĐƯỜNG D11	11.000
446	ĐƯỜNG N18 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D7	RANH DỰ ÁN	11.000
447	ĐƯỜNG N2 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D1	ĐƯỜNG D2	11.000
448	ĐƯỜNG N20 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D3	ĐƯỜNG D18	11.000
449	ĐƯỜNG N21 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D7	RANH DỰ ÁN	11.000
450	ĐƯỜNG N22 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D14	ĐƯỜNG D16	11.000
451	ĐƯỜNG N23 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D17	ĐƯỜNG D18	11.000
452	ĐƯỜNG N24 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D12	RANH DỰ ÁN	11.000
453	ĐƯỜNG N25 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D19	ĐƯỜNG N26	11.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
454	ĐƯỜNG N26 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG SONG HẠNH QUỐC LỘ 50	ĐƯỜNG N25	11.000
455	ĐƯỜNG N3 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D4	ĐƯỜNG N11	11.000
456	ĐƯỜNG N4 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D1	ĐƯỜNG D2	11.000
457	ĐƯỜNG N5 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D4	ĐƯỜNG N11	11.000
458	ĐƯỜNG N6 (KDC PHONG PHÚ 4)	RANH DỰ ÁN	ĐƯỜNG D3	11.000
459	ĐƯỜNG N8 (KDC PHONG PHÚ 4)	RANH DỰ ÁN	ĐƯỜNG D6	11.000
460	ĐƯỜNG N9 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG D5	ĐƯỜNG N11	11.000
461	ĐƯỜNG SỐ 1 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG SỐ 18	ĐƯỜNG SỐ 11	11.000
462	ĐƯỜNG SỐ 10A (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG SỐ 9	ĐƯỜNG SỐ 9	11.000
463	ĐƯỜNG SỐ 10B (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG RẠCH BÀ LỚN	ĐƯỜNG SỐ 10A	11.000
464	ĐƯỜNG SỐ 11 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG SỐ 22	ĐƯỜNG RẠCH BÀ LỚN	11.000
465	ĐƯỜNG SỐ 12 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG SỐ 5-ĐƯỜNG SỐ 9	ĐƯỜNG SỐ 9	11.000
466	ĐƯỜNG SỐ 14 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG SỐ 3A	ĐƯỜNG SỐ 3	11.000
467	ĐƯỜNG SỐ 15 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG RẠCH BÀ LỚN	11.000
468	ĐƯỜNG SỐ 16 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG RẠCH BÀ LỚN	ĐƯỜNG SỐ 7	11.000
469	ĐƯỜNG SỐ 17 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG 22	11.000
470	ĐƯỜNG SỐ 18 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG RẠCH BÀ LỚN	ĐƯỜNG SỐ 3	11.000
471	ĐƯỜNG SỐ 19 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG SỐ 22A	ĐƯỜNG 23	11.000
472	ĐƯỜNG SỐ 20 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG 7	ĐƯỜNG SỐ 13	11.000
473	ĐƯỜNG SỐ 22A (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG 15	ĐƯỜNG SỐ 22	11.000
474	ĐƯỜNG SỐ 23 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG 15	ĐƯỜNG RẠCH BÀ LỚN	11.000
475	ĐƯỜNG SỐ 24 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG 5	ĐƯỜNG SỐ 11	11.000
476	ĐƯỜNG SỐ 26 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG 5	ĐƯỜNG SỐ 11	11.000
477	ĐƯỜNG SỐ 28 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG 1	ĐƯỜNG SỐ 3	11.000
478	ĐƯỜNG SỐ 3 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG RẠCH BÀ LỚN	ĐƯỜNG SỐ 1	11.000
479	ĐƯỜNG SỐ 30 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG 1	ĐƯỜNG SỐ 11	11.000
480	ĐƯỜNG SỐ 3A (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 16	11.000
481	ĐƯỜNG SỐ 5A (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG SỐ 30	ĐƯỜNG SỐ 1	11.000
482	ĐƯỜNG SỐ 7 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG SỐ 12	ĐƯỜNG SỐ 22	11.000
483	ĐƯỜNG RẠCH BÀ LỚN (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG SỐ 9	ĐƯỜNG SỐ 21	11.000
484	ĐƯỜNG SỐ 9 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG SỐ 10A	ĐƯỜNG SỐ 20	11.000
485	ĐƯỜNG SỐ 21 (KDC PHONG PHÚ 5)	ĐƯỜNG RẠCH BÀ LỚN	ĐƯỜNG RẠCH BÀ LỚN	13.200
486	ĐƯỜNG D1 (KDC PHONG PHÚ 4)	ĐƯỜNG N1	ĐƯỜNG N6	11.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
487	ĐƯỜNG SỐ 13 (KDC PHONG PHÚ 5)	RANH DỰ ÁN Q8	RANH DỰ ÁN RẠCH SÚ	15.300
488	ĐƯỜNG ĐÌNH PHÚ LẠC	QUỐC LỘ 50	TRỌN ĐƯỜNG	5.500
489	ĐƯỜNG TRẠM ĐIỆN	ĐƯỜNG QL50 ÁP 14	ĐƯỜNG ĐỀ BAO HỢP TÁC XÃ	5.500
490	LÊ THỊ CẢI (BỜ BAO HỢP TÁC XÃ)	ĐƯỜNG QL50 ÁP 14	ĐƯỜNG QL50 ÁP 15	5.500
491	SỐ 3 (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 4	RẠCH ÔNG CHÔM	15.300
492	SỐ 4 (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 9	14.100
493	SỐ 5 (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 4	TRỌN ĐƯỜNG	14.100
494	SỐ 6 (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 7	14.100
495	SỐ 7 (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH	ĐƯỜNG SỐ 6	14.100
496	SỐ 4C (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 9	12.200
497	SỐ 3B (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 6A	ĐƯỜNG SỐ 8	11.000
498	SỐ 3D (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 6A	ĐƯỜNG SỐ 8	11.000
499	SỐ 4A (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 3A	ĐƯỜNG SỐ 5C	11.000
500	SỐ 4D (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 5	11.000
501	SỐ 4E (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 3A	ĐƯỜNG SỐ 5	11.000
502	SỐ 5A (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 8C	TRỌN ĐƯỜNG	11.000
503	SỐ 5B (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 8B	11.000
504	SỐ 5C (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 4A	ĐƯỜNG SỐ 4C	11.000
505	SỐ 6A (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 3B	ĐƯỜNG SỐ 5	11.000
506	SỐ 8 (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 3	TRỌN ĐƯỜNG	11.000
507	SỐ 8A (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 5B	11.000
508	SỐ 8B (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 5	TRỌN ĐƯỜNG	11.000
509	SỐ 8C (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 5	TRỌN ĐƯỜNG	11.000
510	SỐ 9 (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 7A	TRỌN ĐƯỜNG	11.000
511	SỐ 3A (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 4A	ĐƯỜNG SỐ 4E	10.700
512	SỐ 3C (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 4A	ĐƯỜNG SỐ 4E	10.700
513	SỐ 4B (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 7A	ĐƯỜNG SỐ 9	10.700
514	SỐ 7A (KDC INTRESCO 13E)	ĐƯỜNG SỐ 4	ĐƯỜNG SỐ 4B	10.700
515	ĐƯỜNG VÀO KHU DÂN CƯ GIA HÒA	QUỐC LỘ 50	ĐƯỜNG SỐ 5	13.800
516	BÙI THỊ CHÍNH (ĐƯỜNG 4C)	ĐƯỜNG QL 50	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 4-5	3.100
517	ĐƯỜNG 4B	ĐƯỜNG QL 50	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 4-5	2.800
518	ĐƯỜNG ĐÀ PHƯỚC	ĐƯỜNG QL 50	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 4-5	6.700
519	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 1-2	ĐƯỜNG QL 50	ĐƯỜNG ĐỀ BAO KHU A	4.600
520	DƯƠNG THỊ THIẾT (ĐƯỜNG LINH HÒA)	ĐƯỜNG QL 50	ĐƯỜNG 4B	6.700
521	LÊ THỊ TÂM (ĐƯỜNG TẬP ĐOÀN 16)	ĐƯỜNG QL 50	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 4-5	3.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
522	NGUYỄN VĂN TRẦN (ĐƯỜNG LIÊN ÁP 4-5)	ĐƯỜNG ĐA PHƯỚC	ĐƯỜNG QL 50	5.500
523	PHẠM THỊ SONG (ĐƯỜNG CHÚ LƯƠNG)	ĐƯỜNG QL 50	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 2-3	4.000
524	QUỐC LỘ 50	RANH XÃ PHONG PHÚ	CẦU ÔNG THÌN	20.200
525	VÕ THỊ TƯ (ĐƯỜNG BÀ CẢ)	ĐƯỜNG QL 50	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 4-5	2.400
526	ĐƯỜNG ĐÊ BAO KHU A	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 1-2	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 2-3	1.600
527	ĐƯỜNG ĐÊ BAO KHU C	ĐƯỜNG CAO TỐC BẾN LỨC-LONG THÀNH	ĐƯỜNG CAO TỐC BẾN LỨC-LONG THÀNH	1.600
528	ĐƯỜNG TAM BỬU TỰ	ĐƯỜNG QL 50	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 2-3	1.600
529	ĐƯỜNG VÕ THỊ ĐIỀU	ĐƯỜNG 4C	ĐƯỜNG TÓ 4- ÁP 4(CỦ)	1.600
530	NGUYỄN THỊ GHI (ĐƯỜNG TẬP ĐOÀN LIÊN DOANH)	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 2-3	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 2-3	2.200
531	PHƯỚC CƠ (ĐƯỜNG LIÊN ÁP 2-3)	ĐƯỜNG QL 50	ĐƯỜNG ĐÊ BAO KHU C	4.600
532	HÓC HƯU	ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	QUY ĐỨC	3.200
533	LIÊN XÃ TÂN KIM - QUI ĐỨC (QUI ĐỨC)	ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	RANH XÃ TÂN KIM - CẦN GIUỘC	3.200
534	NGUYỄN VĂN LONG	ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	HUNG LONG-QUI ĐỨC	3.600
535	NGUYỄN VĂN THÊ (QUI ĐỨC)	ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	RẠCH TRỊ YÊN	4.100
536	NGUYỄN VĂN THỜI (TÊN CŨ QUY ĐỨC (BÀ BẦU)	ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	HÓC HƯU	3.600
537	PHẠM TÂN MƯỜI	QUỐC LỘ 50	ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	3.600
538	ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	RANH XÃ HUNG LONG	RANH TỈNH LONG AN	8.100
539	HUNG LONG - QUI ĐỨC (PHẠM THỊ TÁNH)	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
540	QUỐC LỘ 50	CẦU ÔNG THÌN	RANH TỈNH LONG AN	15.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐÁT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
541	CÁ CƯỜNG	BÙI VĂN SỰ	CẦU CÁ CƯỜNG	3.200
542	ĐƯỜNG BÙI THỊ NON (ĐƯỜNG CẦU ÔNG CHIÊM- QUI ĐỨC)	QUI ĐỨC (NGUYỄN VĂN THÊ)	LIÊN XÃ TÂN KIM - QUI ĐỨC	1.800
543	TRẦN THỊ NỪNG (ĐỀ BAO KÊNH HÓC HƯU- QUI ĐỨC)	QUI ĐỨC (NGUYỄN VĂN THÊ)	HÓC HƯU	1.800
544	QUỐC LỘ 1	RANH QUẬN BÌNH TÂN	CẦU BÌNH ĐIỀN	17.800
545	TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUỐC LỘ 1	VỖ TRẦN CHÍ	19.900
546	DƯƠNG ĐÌNH CÚC	QUỐC LỘ 1	CÔNG TÂN KIÊN	10.700
547	ĐƯỜNG A (KDC DEPOT)	ĐƯỜNG HUNG NHƠN	ĐẾN CUỐI TUYẾN	12.800
548	ĐƯỜNG B (KDC DEPOT)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐẾN CUỐI TUYẾN	8.600
549	ĐƯỜNG SỐ 1 (KDC DEPOT)	ĐƯỜNG A	ĐẾN CUỐI TUYẾN	8.600
550	ĐƯỜNG SỐ 2 (KDC DEPOT)	ĐƯỜNG B	ĐƯỜNG SỐ 1	10.700
551	BÀU GÓC	DƯƠNG ĐÌNH CÚC	HUNG NHƠN	8.300
552	DƯƠNG ĐÌNH CÚC	CÔNG TÂN KIÊN	NGUYỄN CỬU PHÚ	9.800
553	NHÁNH RỄ DƯƠNG ĐÌNH CÚC (TÂN KIÊN)	DƯƠNG ĐÌNH KHÚC	CÔNG TÂN KIÊN	6.100
554	XÓM HỒ	DƯƠNG ĐÌNH CÚC	NGUYỄN CỬU PHÚ	6.100
555	BÀ THAO	NGUYỄN CỬU PHÚ	XÃ TÂN NHỰT	7.700
556	BÔNG VĂN DĨA	NGUYỄN CỬU PHÚ	SÀI GÒN- TRUNG LƯƠNG	8.600
		SÀI GÒN - TRUNG LƯƠNG	RANH TÂN NHỰT	6.700
557	CÁI TRUNG	HUNG NHƠN	TRẦN ĐẠI NGHĨA	5.200
558	CÂY BÀNG	HUNG NHƠN	TRẦN ĐẠI NGHĨA	8.000
559	ĐƯỜNG BỜ XE LAM	QUỐC LỘ 1	ĐẾN CUỐI TUYẾN	9.800
560	ĐƯỜNG SỐ 1 (KDC HỒ BẮC)	HUNG NHƠN	KÊNH TƯ KẾ	14.700
561	ĐƯỜNG SỐ 11 (KDC TÂN TẠO)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 4	8.600
562	ĐƯỜNG SỐ 11A (KDC TÂN TẠO)	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 12	8.600
563	ĐƯỜNG SỐ 12 (KDC TÂN TẠO)	ĐƯỜNG SỐ 15	ĐƯỜNG SỐ 5	8.600

24

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
564	ĐƯỜNG SỐ 13 (KDC TÂN TẠO)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 12	8.600
565	ĐƯỜNG SỐ 15 (KDC TÂN TẠO)	ĐƯỜNG SỐ 12	ĐƯỜNG SỐ 2	8.600
566	ĐƯỜNG SỐ 2 (KDC HỒ BẮC)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 5	10.100
567	ĐƯỜNG SỐ 3 (KDC HỒ BẮC)	ĐƯỜNG SỐ 2	KÊNH TƯ KẾ	10.100
568	ĐƯỜNG SỐ 4 (KDC TÂN TẠO)	TRẦN ĐẠI NGHĨA	ĐƯỜNG SỐ 15	12.000
569	ĐƯỜNG SỐ 5 (KDC HỒ BẮC)	HÙNG NHƠN	KÊNH TƯ KẾ	10.100
570	ĐƯỜNG SỐ 7 (KDC TÂN TẠO)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 12	10.700
571	ĐƯỜNG SỐ 8 (KDC TÂN TẠO)	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 15	8.600
572	ĐƯỜNG SỐ 9 (KDC TÂN TẠO)	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 8	8.600
573	HÙNG NHƠN	QUỐC LỘ 1	CẦU HÙNG NHƠN	11.600
		CẦU HÙNG NHƠN	NGUYỄN CỬU PHÚ	9.200
	HUỖNH BÁ CHÁNH	QUỐC LỘ 1	SÔNG CHỢ ĐỆM	9.500
	KHUẤT VĂN BÚT	ĐƯỜNG HÙNG NHƠN	TRẦN ĐẠI NGHĨA	6.700
	KINH 10	NGUYỄN CỬU PHÚ	VÕ TRẦN CHÍ	3.700
	KINH 7	VÕ TRẦN CHÍ	RANH XÃ TÂN NHỰT	3.700
574	KINH 8	VÕ TRẦN CHÍ	RANH XÃ TÂN NHỰT	3.700
575	KINH 9	VÕ TRẦN CHÍ	RANH XÃ TÂN NHỰT	3.700
576	KINH SỐ 7	NGUYỄN CỬU PHÚ	RACH TÂN NHỰT	4.000
577	LÊ BÁ TRINH (KINH 9)	SÀI GÒN - TRUNG LƯƠNG	RANH XÃ TÂN NHỰT	4.000
578	LIÊN ẤP 17-19 (TÂN KIÊN)	TRẦN ĐẠI NGHĨA	KHUẤT VĂN BÚC	9.500
579	NGUYỄN CỬU PHÚ	NGUYỄN HỮU TRÍ	RANH QUẬN BÌNH TÂN	14.700
580	THẾ LŨ	VÕ TRẦN CHÍ	ĐẾN CUỐI ĐƯỜNG	5.800
581	VÕ TRẦN CHÍ	RANH XÃ TÂN KIÊN -TÂN NHỰT	TRẦN ĐẠI NGHĨA	6.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
583	LĂNG LE - BÀU CÒ	RANH LÊ MINH XUÂN	THẾ LỮ	6.100
584	THẾ LỮ	NGUYỄN CỬU PHÚ	VỖ TRẦN CHÍ	6.100
585	BÀ ĐIỂM	THẾ LỮ	KÊNH C	3.100
586	BÀ MIÊU	LƯƠNG NGANG	ĐƯỜNG SÁU OÁNH	2.800
587	BÀ TỶ (LƯƠNG KHÁNH THIỆN)	TRƯƠNG VĂN ĐA	TÂN LONG	4.400
588	ĐÊ RANH LONG AN	ĐƯỜNG SÁU OÁNH	TÂN LONG	3.100
589	ĐÊ SỐ 1	TRƯƠNG VĂN ĐA	TÂN LONG	4.000
590	ĐÊ SỐ 3	ĐÊ SỐ 2	BÀ TỶ (LƯƠNG KHÁNH THIỆN)	3.400
591	ĐÊ SỐ 4	ĐÊ SỐ 2	BÀ TỶ (LƯƠNG KHÁNH THIỆN)	3.400
592	HỒ MINH ĐỨC	TÂN LONG	RANH XÃ BÌNH LỢI	3.700
593	KÊNH 10	LĂNG LE - BÀU CÒ	RANH TÂN KIÊN	3.700
594	KÊNH 11	LĂNG LE - BÀU CÒ	KÊNH C	4.000
595	KÊNH 3 THUỐC	TRƯƠNG VĂN ĐA	BÀ TỶ (LƯƠNG KHÁNH THIỆN)	2.800
596	KÊNH 4 THUỐC	TRƯƠNG VĂN ĐA	BÀ TỶ (LƯƠNG KHÁNH THIỆN)	2.800
597	KÊNH 7	LĂNG LE - BÀU CÒ	RANH TÂN KIÊN	3.700
598	KÊNH 8	LĂNG LE - BÀU CÒ	RANH TÂN KIÊN	3.700
599	KÊNH SÁU OÁNH	LƯƠNG NGANG	RANH LONG AN	3.100
600	KÊNH TẮC	CẦU XÃ	TRƯƠNG VĂN ĐA	2.800
601	LĂNG CHÀ	NGUYỄN ĐÌNH KIÊN	RANH XÃ TÂN KIÊN	6.400
602	NGUYỄN ĐÌNH KIÊN	THẾ LỮ	RANH QUẬN BÌNH TÂN	5.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
603	NGUYỄN THỊ TƯ	LÁNG LÊ - BÀU CỎ	KÊNH C	3.700
604	NGUYỄN VĂN NHIỀU	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	TÂN LONG	4.000
605	Ô CU KIẾN VÀNG	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	BÀ TỶ (LƯƠNG KHÁNH THIỆN)	2.800
606	ÔNG ĐỨC	ĐỀ SỐ 2	ĐỀ SỐ 1	3.100
607	PHAN VĂN LỮ	THẾ LỮ	TRẦN ĐẠI NGHĨA	5.500
608	TÂN LONG	RANH LONG AN	CẦU CHỢ ĐỆM	4.300
609	TRẦN ĐẠI NGHĨA	VÔ TRẦN CHÍ	KÊNH C	13.800
610	TRƯỜNG VĂN ĐÀ	TÂN LONG	RANH XÃ BÌNH LỢI	4.300
611	VÔ THỊ DẬU	NGUYỄN ĐÌNH KIÊN	VÔ TRẦN CHÍ	3.700
612	VÔ TRẦN CHÍ	NÚT GIAO CHỢ ĐỆM	RANH XÃ TÂN KIÊN	6.100
613	XÃ HAI	TÂN LONG	RẠCH Ô CU KIẾN VÀNG	3.100
614	XÓM GIỮA	TÂN LONG	THẾ LỮ	3.400
615	ĐƯỜNG ẤP 11 (TỔ 12, ẤP 4)	ÔNG ĐỨC	ĐỀ SỐ 1	2.800
616	ĐƯỜNG ẤP 14 (TỔ 12, ẤP 3)	LƯƠNG NGANG	LƯƠNG NGANG	2.800
617	ĐƯỜNG ẤP 16 (TỔ 10, ẤP 4)	ĐỀ SỐ 2	ĐỀ SỐ 4	2.800
618	LÁNG CÁT	ĐỀ SỐ 2	ĐỀ SỐ 1	3.100
619	BÙI THANH KHIẾT	QL1	NGUYỄN HỮU TRÍ	9.200
620	NGUYỄN HỮU TRÍ	BÙI THANH KHIẾT	RANH LONG AN	4.600
621	TẬP ĐOÀN 7-11	BÙI THANH KHIẾU	ĐẾN CUỐI ĐƯỜNG	5.200
622	BÙI THỊ RÔ (MẸ VNAH)	ĐƯỜNG BÙI THANH KHIẾT	ĐƯỜNG THÁI THỊ CÒN	5.200
623	ĐƯỜNG THIÊNG GIANG	BÙI THANH KHIẾT	NGUYỄN HỮU TRÍ	5.200
624	XÓM DẦU	BÙI THANH KHIẾT	RẠCH ÔNG ĐỒ	3.700
625	CAO TỐC HỒ CHÍ MINH - TRUNG LƯƠNG	RANH LONG AN	NÚT GIAO CHỢ ĐỆM	8.000
		NÚT GIAO CHỢ ĐỆM	NÚT GIAO BÌNH THUẬN	7.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
626	HUỶNH THỊ LỚN (MẸ VNAH)	ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU TRÍ	ĐƯỜNG HOÀNG VĂN THÁI ẤP 1 XÃ BÌNH CHÁNH	3.700
627	RẠCH ÔNG CÔM	NGUYỄN HỮU TRÍ	RANH XÃ BÌNH CHÁNH	3.700
628	TRẦN THỊ ĐỎ (MẸ VNAH)	ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU TRÍ	ĐƯỜNG PHAN THỊ THÁU XÃ BÌNH CHÁNH	3.700
629	NGUYỄN HỮU TRÍ	QUỐC LỘ 1	BÙI THANH KIẾT	10.700
630	ĐƯỜNG SỐ 3 (KHU TĐC TÂN TÚC)	NGUYỄN HỮU TRÍ	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU TĐC	9.200
631	ĐƯỜNG SỐ 4 (KHU TĐC TÂN TÚC)	ĐƯỜNG SỐ 5 KHU TĐC	CUỐI ĐƯỜNG	8.600
632	ĐƯỜNG SỐ 5 (KHU TĐC TÂN TÚC)	ĐƯỜNG SỐ 4 KHU TĐC	CUỐI ĐƯỜNG	8.600
633	ĐƯỜNG SỐ 6 (KHU TĐC TÂN TÚC)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 1	8.600
634	QUỐC LỘ 1	NGÃ BA QUÁN CHUỐI	NHÀ THỜ BÌNH CHÁNH	13.200
635	TÂN TÚC	QUỐC LỘ 1	NGUYỄN HỮU TRÍ	10.700
636	QUỐC LỘ 1	CẦU BÌNH ĐIỀN	NGÃ BA QUÁN CHUỐI	15.300
637	ĐƯỜNG SỐ 1 (KHU TĐC TÂN TÚC)	NGUYỄN HỮU TRÍ	ĐƯỜNG SỐ 6 KHU TĐC	10.700
638	ĐƯỜNG SỐ 10 (KHU TĐC TÂN TÚC)	ĐƯỜNG SỐ 3 KHU TĐC	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU TĐC	10.700
639	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU TĐC TÂN TÚC)	ĐƯỜNG SỐ 5 KHU TĐC	CUỐI ĐƯỜNG	10.700
640	ĐƯỜNG SỐ 8 (KHU TĐC TÂN TÚC)	ĐƯỜNG SỐ 3 KHU TĐC	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU TĐC	10.700
641	ĐƯỜNG RẠCH ÔNG ĐỎ	NGUYỄN HỮU TRÍ	RANH XÃ BÌNH CHÁNH	3.700
642	ĐƯỜNG BỜ ĐÌNH	ĐƯỜNG BÙI THANH KHIẾT	RANH XÃ BÌNH CHÁNH	3.700
643	ĐƯỜNG TỔ 9 KHU PHỐ 6	BÙI THANH KHIẾT	ĐẾN CUỐI ĐƯỜNG	3.700
644	CAO THỊ NHỊ (ĐƯỜNG GIAO THÔNG HẢO ẤP 3, TÂN QUÝ TÂY)	ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	BÀ HUỆ	6.700
645	ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	QUỐC LỘ 1	CẦU TÂN QUÝ	7.400
646	ĐƯỜNG 13,14,16 ẤP 1 (TÂN QUÝ TÂY)	TỔ 13 ẤP 1	TỔ 16 ẤP 1	2.200
647	ĐƯỜNG BỜ HUỆ	ĐƯỜNG QUỐC LỘ 1	ĐƯỜNG NÔNG THÔN ẤP 2	5.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
648	ĐƯỜNG ĐÌNH ĐỨC THIỆN	RANH XÃ BÌNH CHÁNH- XÃ TÂN QUÝ TÂY	RANH TỈNH LONG AN	9.200
649	ĐƯỜNG HƯƠNG LỘ 11	NGÃ BA ĐÌNH ĐỨC THIỆN - TÂN QUÝ TÂY	NGÃ BA HƯƠNG LỘ 11- ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	7.700
650	ĐƯỜNG MƯƠNG 5 SUỐT ÁP 1 (TÂN QUÝ TÂY)	TỔ 17 ÁP 1	TỔ 15 ÁP 1	2.200
651	ĐƯỜNG SÁU ĐÀO - AN PHÚ TÂY (TÂN QUÝ TÂY)	TỔ 13 ÁP 3	AN PHÚ TÂY	2.200
652	VÕ VĂN QUÂN (ĐƯỜNG KINH T14)	ĐÌNH ĐỨC THIỆN	CẦU TÂN QUÝ	2.400
653	CAO VĂN TÂY (BỜ CHÙA)	ĐƯỜNG T12	ĐƯỜNG T14	4.000
654	CAO VĂN XUYỀN (LIÊN ÁP 2-3-4)	ĐƯỜNG HƯƠNG LỘ 11	ĐƯỜNG BỜ HUỆ	2.400
655	ĐƯỜNG ÁP TỔ 3- TỔ 5 ÁP 1 (TÂN QUÝ TÂY)	TỔ 3 ÁP 1	TỔ 5 ÁP 1	3.100
656	ĐƯỜNG TỔ 15-16 ÁP 1 (TÂN QUÝ TÂY)	TỔ 15 ÁP 1	TỔ 16 ÁP 1	3.100
657	ĐƯỜNG TỔ 16 ÁP 4	ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	ĐƯỜNG T14	2.000
658	ĐƯỜNG TỔ 7 - TỔ 2 ÁP 1	TỔ 7 ÁP 1	TỔ 02 ÁP 1	3.100
659	LÊ VĂN VĂN (ĐƯỜNG 5 LŨY)	HƯƠNG LỘ 11	ĐƯỜNG T12	2.200
660	NGUYỄN THỊ THẾ (ĐƯỜNG KINH T11)	QUỐC LỘ 1	RẠCH CẦU GIÀ	2.400
661	NGUYỄN VĂN CỎ (ĐƯỜNG 7 NỮ - ĐÌNH)	ĐƯỜNG LIÊN TỔ 6-7	ĐƯỜNG ĐÊ ÁP 1	2.400
662	NGUYỄN VĂN ĐIỀU (ĐƯỜNG KINH T12)	ĐƯỜNG ĐÌNH ĐỨC THIỆN	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 1-3	5.400
663	NGUYỄN VĂN KHƯƠNG (ĐƯỜNG ĐÊ ÁP 1)	ĐƯỜNG ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	ĐƯỜNG T11	2.400
664	TRẦN THỊ NGHÈ (ĐƯỜNG LIÊN TỔ 6-7)	ĐƯỜNG ĐOÀN NGUYỄN TUẤN	ĐƯỜNG T11	3.100
665	TRẦN THỊ SÁU (ĐƯỜNG LIÊN ÁP 1-3)	ĐƯỜNG GIAO THÔNG HẢO ÁP 3	ĐƯỜNG T12	2.200
666	KINH LIÊN VÙNG	ĐƯỜNG THANH NIÊN	RANH VĨNH LỘC B	6.600

41

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
666	KINH LIÊN VÙNG	ĐƯỜNG THANH NIÊN	RANH VĨNH LỘC B	6.600
667	ĐƯỜNG TRẦN HẢI PHỤNG	ĐƯỜNG VĨNH LỘC	ĐƯỜNG THANH NIÊN	6.600
668	THANH NIÊN	CẦU XÁNG	RANH HUYỆN HÓC MÔN	9.200
669	TRẦN VĂN GIÀU	BÌNH TÂN	RANH TỈNH LONG AN	13.800
670	NGUYỄN VĂN BỬA	CẦU LỚN	RANH TỈNH LONG AN	9.200
671	ĐƯỜNG VĨNH LỘC	TRẦN VĂN GIÀU	KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC	14.600
672	HÈM 271 (PHẠM VĂN HAI)	ĐƯỜNG VĨNH LỘC	CUỐI ĐƯỜNG (CÔNG VIÊN)	6.400
673	HÈM SỐ 17 (PHẠM VĂN HAI)	ĐƯỜNG VĨNH LỘC	HÈM 29 (TRỤ SỞ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ)	6.400
674	HÈM 30 (PHẠM VĂN HAI)	HÈM 29	CUỐI HÈM	6.400
675	HÈM SỐ 31 (PHẠM VĂN HAI)	HÈM 30	HÈM 306	6.400
676	HÈM 34 (PHẠM VĂN HAI)	HÈM 306	HÈM 307	6.400
677	HÈM SỐ 45 (PHẠM VĂN HAI)	HÈM 307	HÈM 51	6.400
678	HÈM SỐ 58 (PHẠM VĂN HAI)	LÔ B ÁP 9	TRƯỜNG THCS PHẠM VĂN HAI	6.400
679	HÈM SỐ 101 (PHẠM VĂN HAI)	HÈM 96	HÈM 100	5.200
680	HÈM SỐ 29 (PHẠM VĂN HAI)	ĐƯỜNG TRẦN VĂN GIÀU	HÈM 42	5.200
681	HÈM SỐ 51 (PHẠM VĂN HAI)	ĐƯỜNG TRẦN VĂN GIÀU	HÈM 42	5.200
682	HÈM SỐ 59 (PHẠM VĂN HAI)	ĐƯỜNG TRẦN VĂN GIÀU	HÈM 94	5.200
683	HÈM 110 (PHẠM VĂN HAI)	ĐƯỜNG TRẦN VĂN GIÀU	CUỐI HÈM	5.200
684	HÈM SỐ 92 (PHẠM VĂN HAI)	HÈM 91	HÈM 93	5.200
685	HÈM SỐ 97 (PHẠM VĂN HAI)	HÈM 93	HÈM 96	5.200
686	HÈM SỐ 100 (PHẠM VĂN HAI)	HÈM 94	HÈM 96	5.200
687	HÈM SỐ 98 (PHẠM VĂN HAI)	HÈM 94	HÈM 96	5.200
688	HÈM SỐ 99 (PHẠM VĂN HAI)	HÈM 94	HÈM 96	5.200
689	HÈM SỐ 91 (PHẠM VĂN HAI)	TRẦN VĂN GIÀU	HÈM 94	5.200

40

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
690	HÈM 76 (PHẠM VĂN HAI)	TRƯỜNG THCS PHẠM VĂN HAI	GIÁO XỨ NINH PHÁT	5.200
691	HÈM SỐ 93 (PHẠM VĂN HAI)	THANH NIÊN	HÈM 91	4.600
692	HÈM SỐ 94 (PHẠM VĂN HAI)	THANH NIÊN	KINH A	4.600
693	HÈM SỐ 95 (PHẠM VĂN HAI)	THANH NIÊN	CUỐI HÈM	4.600
694	HÈM SỐ 96 (PHẠM VĂN HAI)	THANH NIÊN	HÈM 100	4.600
695	HÈM SỐ 8 (PHẠM VĂN HAI)	ĐƯỜNG VĨNH LỘC	ĐẾN RANH VĨNH LỘC B (HÈM CỤT)	6.400
696	ĐƯỜNG KÊNH RANH	ĐƯỜNG TRẦN VĂN GIÀU (CẦU ĐÔI)	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN BỬA	9.200
697	AN HẠ	TRẦN VĂN GIÀU	NGUYỄN VĂN BỬA	9.200
698	VÔ VĂN VÂN	TRẦN VĂN GIÀU	RANH VĨNH LỘC B	13.800
699	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 15-16 (ĐƯỜNG ABC ÁP 5 CỤ)	ĐƯỜNG TRẦN VĂN GIÀU	CUỐI ĐƯỜNG	7.400
700	ĐƯỜNG LÔ B ÁP 9	ĐƯỜNG TRẦN VĂN GIÀU	HÈM 58	7.400
701	ĐƯỜNG LÔ BC ÁP 3 (PHÂN LÔ BC ÁP 1 CỤ)	ĐƯỜNG VĨNH LỘC	CUỐI ĐƯỜNG	7.400
702	ĐƯỜNG SỐ 1 (KCN AN HẠ)	AN HẠ	KHU CÔNG NGHIỆP AN HẠ	8.600
703	ĐƯỜNG SỐ 2 (KCN AN HẠ)	AN HẠ	KHU CÔNG NGHIỆP AN HẠ	8.600
704	ĐƯỜNG SỐ 3 (KCN AN HẠ)	AN HẠ	KHU CÔNG NGHIỆP AN HẠ	8.600
705	ĐƯỜNG SỐ 4 (KCN AN HẠ)	AN HẠ	KHU CÔNG NGHIỆP AN HẠ	11.200
706	ĐƯỜNG SỐ 5 (KCN AN HẠ)	AN HẠ	KHU CÔNG NGHIỆP AN HẠ	8.600
707	ĐƯỜNG SỐ 5A (KDC CN AN HẠ)	ĐƯỜNG SỐ 4	ĐƯỜNG SỐ 6	4.200
708	ĐƯỜNG SỐ 7A (KDC CN AN HẠ)	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 8	5.500
709	ĐƯỜNG SỐ 4 (KDC CN AN HẠ)	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 5A	4.200
710	ĐƯỜNG SỐ 8 (KDC CN AN HẠ)	ĐƯỜNG KÊNH 2	KHU CÔNG NGHIỆP AN HẠ	4.800
711	ĐƯỜNG SỐ 6 (KDC CN AN HẠ)	ĐƯỜNG KÊNH 2	ĐƯỜNG KÊNH 4	5.700
712	ĐƯỜNG SỐ 2 (KDC 12HA)	ĐƯỜNG VÔ VĂN VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	10.700
713	QUỐC LỘ 1	BỜ NHÀ THỜ BÌNH CHÁNH	RANH TỈNH LONG AN	12.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
716	ĐƯỜNG 18B	QUỐC LỘ 1	TRỊNH NHƯ KHUÊ	9.200
717	HUỖNH VĂN TRÍ	QUỐC LỘ 1	ĐÌNH ĐỨC THIỆN	3.700
718	NGUYỄN THỊ BIẾT (ĐƯỜNG BỜ NHÀ THỜ)	QUỐC LỘ 1	NGUYỄN THỊ TƯ	6.400
719	NGUYỄN THỊ SÁNH (ĐƯỜNG MIẾU ÔNG ĐÁ + ĐỀ BAO ÔNG CỐM (ẤP 2 CŨ))	QUỐC LỘ 1	THỊ TRẦN TÂN TÚC	4.000
720	NGUYỄN THỊ SƯNG (ĐƯỜNG BÌNH TRƯỜNG)	QUỐC LỘ 1	THÁI THỊ CÒN	5.500
721	THÁI THỊ CÒN (RẠCH ÔNG ĐỒ CŨ)	QUỐC LỘ 1	RANH TÂN TÚC	2.800
722	TRỊNH NHƯ KHUÊ	QUỐC LỘ 1	QUỐC LỘ 1	9.200
723	ĐƯỜNG HOÀNG PHAN THÁI	ĐƯỜNG BÌNH TRƯỜNG	RANH TỈNH LONG AN	9.200
724	ĐẶNG PHÚ HIẾU (ĐƯỜNG KÊNH MƯỜI GIẢNG- ĐƯỜNG TẬP ĐOÀN 4)	ĐƯỜNG BÌNH TRƯỜNG	DÂN SINH CAO TỐC BẾN LỨC - LONG THÀNH	4.600
725	NGUYỄN THỊ TƯ (GIAO THÔNG HẢO ẤP 3)	ĐƯỜNG ĐÌNH ĐỨC THIỆN	ĐƯỜNG DÂN SINH CAO TỐC BẾN LỨC - LONG THÀNH	5.200
726	LÊ THỊ LẠC (ĐƯỜNG KÊNH T12 ẤP 4 CŨ)	HUỖNH VĂN TRÍ	RANH XÃ TÂN QUÍ	3.100
727	NGUYỄN THỊ AI (ĐƯỜNG TẬP ĐOÀN 7 - ẤP 3 CŨ)	NGUYỄN THỊ TƯ	RANH XÃ PHƯỚC LÝ	3.100
728	ĐƯỜNG 18B	TRỊNH NHƯ KHUÊ	ĐÌNH ĐỨC THIỆN	9.200
729	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ DỪNG	QUỐC LỘ 1	ĐƯỜNG BÌNH TRƯỜNG	4.000
730	HUỖNH THỊ LỚN (ĐƯỜNG KÊNH A)	ĐƯỜNG HOÀNG PHAN THÁI	RANH THỊ TRẦN TÂN TÚC	3.100
731	ĐƯỜNG PHAN THỊ THẬU	ĐƯỜNG THÁI THỊ CÒN (RẠCH ÔNG ĐỒ CŨ)	ĐƯỜNG KÊNH A	3.100
732	QUÁCH ĐIỀU	VĨNH LỘC	RANH HUYỆN HỐC MÔN	9.800
733	NGUYỄN THỊ TRỌN (ĐƯỜNG LIÊN ẤP 1-2)	KINH TRUNG ƯƠNG	ĐƯỜNG LIÊN ẤP 6-2	7.000
734	DÂN CÔNG HÒA TUYÊN (NỮ DÂN CÔNG)	KINH TRUNG ƯƠNG	RANH HUYỆN HỐC MÔN	9.200
735	THỜI HÒA	QUÁCH ĐIỀU	VĨNH LỘC	9.200

30

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
736	NGUYỄN THỊ TUÔI (ĐƯỜNG LIÊN ÁP 5-6)	VĨNH LỘC	THỜI HÒA	6.100
737	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 68-16	QUÁCH ĐIỀU	KINH TRUNG ƯƠNG	6.100
738	LÊ THỊ NGAY (ĐƯỜNG ÁP 1)	VĨNH LỘC	KINH TRUNG ƯƠNG	6.700
739	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 9-20-36	LÊ THỊ NGAY	RANH HUYỆN HÓC MÔN	6.100
740	NGUYỄN THỊ LÊ (ĐƯỜNG SƯ 9)	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 6-2	DÂN CÔNG HÒA TUYẾN	6.100
741	KINH TRUNG ƯƠNG	VĨNH LỘC	RANH HUYỆN HÓC MÔN	5.500
742	KINH LIÊN VÙNG (KINH TRUNG ƯƠNG)	VĨNH LỘC	RANH QUẬN BÌNH TÂN	5.500
743	PHẠM THỊ NGHĨ (ĐƯỜNG LIÊN ÁP 5-6)	QUÁCH ĐIỀU	VĨNH LỘC	6.100
744	BỘ ĐỘI AN ĐIỀN	NGUYỄN THỊ LÊ (ĐƯỜNG SƯ 9)	KINH LIÊN VÙNG	6.100
745	NGUYỄN THỊ NGUYỄN (HÈM 4 (NHÁNH CỦA ĐƯỜNG BỘ ĐỘI AN ĐIỀN))	BỘ ĐỘI AN ĐIỀN	HÈM 9 (NHÁNH ĐƯỜNG SƯ 9)	3.700
746	HÀ THỊ HẰNG (HÈM 5 NHÁNH CỦA BỘ ĐỘI AN ĐIỀN)	BỘ ĐỘI AN ĐIỀN	CUỐI HÈM	3.700
747	RẠCH CẦU SUỐI	DÂN CÔNG HÒA TUYẾN	VĨNH LỘC	6.100
748	NGUYỄN THỊ SỮA (ĐƯỜNG LIÊN TỐ 3-4-5-6 NGUYỄN THỊ SỮA)	DÂN CÔNG HÒA TUYẾN	LIÊN ÁP 1-2-3-4	3.700
749	TRẦN THỊ NHUNG (PHÍA SAU CHỢ NỮ DÂN CÔNG)	DÂN CÔNG HÒA TUYẾN	QUÁCH ĐIỀU	3.700
750	PHAN THỊ CỘT (HÈM DÂN CÔNG HÒA TUYẾN 13)	DÂN CÔNG HÒA TUYẾN	NGUYỄN THỊ SỮA	3.700
751	NGUYỄN THỊ SẴNG (HÈM DÂN CÔNG HÒA TUYẾN 1 (DCHT))	DÂN CÔNG HÒA TUYẾN	CUỐI HÈM	3.700
752	TRẦN THỊ CHÂN (HÈM DÂN CÔNG HÒA TUYẾN 4)	DÂN CÔNG HÒA TUYẾN	CUỐI HÈM	3.700
753	NGUYỄN THỊ BUÔI (HÈM DÂN CÔNG HÒA TUYẾN 12)	DÂN CÔNG HÒA TUYẾN	CUỐI HÈM	3.700
754	PHAN THỊ GẮT (ĐƯỜNG TRỰC ÁP 5A (E12/7 ĐẾN NHÀ MỘ TỘC TRẦN))	THỜI HÒA	DÂN CÔNG HÒA TUYẾN NÓI DÀI	4.600
755	LÊ THỊ SIA (HÈM QUÁCH ĐIỀU 27)	ĐƯỜNG QUÁCH ĐIỀU	CUỐI HÈM	4.300
756	TRẦN THỊ ỚI (HÈM 1 (NHÁNH CỦA ĐƯỜNG SỐ 1))	ĐƯỜNG SỐ 1	CUỐI HÈM	4.600
757	NGUYỄN THỊ GIEO (HÈM 4A (NHÁNH CỦA LIÊN ÁP 1-2-3))	HÈM 4 (NHÁNH CỦA LIÊN ÁP 1-2-3)	HÈM 9 (NHÁNH CỦA LIÊN ÁP 1-2-3)	3.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
756	TRẦN THỊ ỚI (HÈM 1 (NHÁNH CỦA ĐƯỜNG SỐ 1))	ĐƯỜNG SỐ 1	CUỐI HÈM	4.600
757	NGUYỄN THỊ GIEO (HÈM 4A (NHÁNH CỦA LIÊN ÁP 1-2-3))	HÈM 4 (NHÁNH CỦA LIÊN ÁP 1-2-3)	HÈM 9 (NHÁNH CỦA LIÊN ÁP 1-2-3)	3.700
758	HUỖNH THỊ KIẾN (HÈM DÂN CÔNG HÒA TUYÊN 12B)	HÈM DÂN CÔNG HÒA TUYÊN 12	HÈM DÂN CÔNG HÒA TUYÊN 9B	3.700
759	PHAN THỊ NGẠN (HÈM THỐI HÒA 24)	HÈM THỐI HÒA 24	CUỐI HÈM	4.300
760	PHẠM THỊ CHÍNH (HÈM THỐI HÒA 4A6)	HÈM THỐI HÒA 4A	CUỐI HÈM	4.300
761	PHẠM THỊ KHỎE (ĐƯỜNG VÀO TRƯỜNG THCS VĨNH LỘC A)	HƯỚNG LỘ 80 (VĨNH LỘC)	QUÁCH ĐIỀU	4.600
762	NGUYỄN THỊ MƯA (HÈM 17 (NHÁNH CỦA KINH TRUNG ƯƠNG))	KINH TRUNG ƯƠNG	PHÍA TÂY	3.700
763	PHẠM THỊ RỰC (ĐƯỜNG LIÊN ÁP 1-2-3-4)	LÊ THỊ NGAY (LIÊN ÁP 1-2-3)	GIÁP RANH XÃ XUÂN THỜI THƯỢNG	6.100
764	TRƯƠNG THỊ MUỐI (RANH ÁP 2A-1B-1)	LÊ THỊ NGAY (LIÊN ÁP 1-2-3)	LIÊN ÁP 68-16 (LIÊN ÁP 6-2 CŨ)	5.200
765	PHAN THỊ KIỀU (HÈM 10 (NHÁNH CỦA ĐƯỜNG LIÊN ÁP 123))	LIÊN ÁP 1-2-3	HÈM 10B (NHÁNH CỦA LIÊN ÁP 1-2-3)	4.600
766	LÝ THỊ TUYÊN (LIÊN TỐ 5-6-7)	LIÊN ÁP 1-2-3-4	KINH TRUNG ƯƠNG	3.700
767	TÔ THỊ BÀI (LIÊN TỐ 13-14-15-16-20 ÁP 6C)	LIÊN ÁP 6, 6C	LIÊN ÁP 68-16 (LIÊN ÁP 6-2 CŨ)	3.700
768	NGUYỄN THỊ LƯỚI (ĐƯỜNG LIÊN ÁP 2-3A KẾT NỐI VÀO NHÀ LLVT ĐÔNG ĐEN)	LIÊN ÁP 68-16 (LIÊN ÁP 6-2 CŨ)	KINH TRUNG ƯƠNG	4.600
769	NGUYỄN THỊ DỜI (NHÁNH ĐƯỜNG LIÊN ÁP 2-6)	LIÊN ÁP 68-16 (LIÊN ÁP 6-2 CŨ)	LIÊN TỐ 6-14	6.100
770	PHAN THỊ TRỌN (HÈM 8 (NHÁNH CỦA ĐƯỜNG SƯ 9))	NGUYỄN THỊ LÊ (ĐƯỜNG SƯ 9)	HÈM 9A (NHÁNH ĐƯỜNG SƯ 9)	4.600
771	HUỖNH THỊ DƯA (NHÀ CHỦ SÁU ĐÚNG ĐẾN A8/10)	NGUYỄN THỊ TRỌN (LIÊN ÁP 1-2)	A8/10A ÁP 1B	4.600
772	NGUYỄN THỊ XEM (NHÀ CHỦ TƯ ƯNG ĐẾN A8/8A)	NGUYỄN THỊ TRỌN (LIÊN ÁP 1-2)	A8/8A ÁP 1B	3.700
773	HỒ THỊ DIỆN (HÈM 25B (NHÁNH CỦA LIÊN ÁP 6-2))	PHÍA ĐÔNG	HÈM 27	3.700
774	PHAN THỊ GÓP (ĐƯỜNG PHÍA TÂY)	PHÍA NAM	PHÍA BẮC	3.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
775	LÊ THỊ DUNG	QUÁCH ĐIỀU	DÂN CÔNG HÒA TUYÊN	3.700
776	TRẦN THỊ BỜ (LIÊN TÔ 1-2-4-6-7 (ĐƯỜNG NTM))	QUÁCH ĐIỀU	LÊ THỊ DUNG	3.700
777	PHAN THỊ TƯ (ĐƯỜNG VÀO NHÀ MẸ VNAH PHAN THỊ TƯ)	QUÁCH ĐIỀU	NHÀ MẸ TƯ	3.700
778	ĐÀO THỊ XINH (HÈM THỜI HÒA 6)	THỜI HÒA	CUỐI HÈM	3.700
779	NGUYỄN THỊ SÉT (HÈM THỜI HÒA 12)	THỜI HÒA	CUỐI HÈM	3.700
780	LÊ THỊ LỖ (HÈM THỜI HÒA 14)	THỜI HÒA	HÈM THỜI HÒA 14E	3.700
781	ĐƯỜNG SỐ 1 (VÀO KHU ĐÔNG DANH)	VĨNH LỘC	VĂN PHÒNG ẤP 6C	3.700
782	HUỖNH THỊ BA (ĐƯỜNG NHÀ SIBÊN)	VĨNH LỘC	NGUYỄN THỊ TRON (LIÊN ẤP 1-2)	4.600
783	LÊ THỊ MỚI (LIÊN ẤP 6-6C)	VĨNH LỘC	LIÊN ẤP 68-16 (LIÊN ẤP 6-2 CŨ)	3.700
784	PHAN THỊ TỘ (TÔ) (HÈM VĨNH LỘC 18)	VĨNH LỘC	LIÊN ẤP 1-2-3	3.700
785	BẾN LỘI (LIÊN ẤP 1 2 3)	VÕ VĂN VÂN	RANH QUẬN BÌNH TÂN	10.700
786	CÁC ĐƯỜNG ĐÁ ĐỎ, ĐÁ XANH, XIMĂNG CÒN LẠI TRONG HUYỆN	BÊ RỘNG MẶT ĐƯỜNG DƯỚI 2M		2.700
787	CÁC ĐƯỜNG ĐÁ ĐỎ, ĐÁ XANH, XIMĂNG CÒN LẠI TRONG HUYỆN	BÊ RỘNG MẶT ĐƯỜNG TỪ 2M TRỞ LÊN		2.700
788	CÁC ĐƯỜNG ĐẤT NÔNG THÔN CÒN LẠI TRONG HUYỆN	BÊ RỘNG MẶT ĐƯỜNG DƯỚI 2M		2.700
789	CÁC ĐƯỜNG ĐẤT NÔNG THÔN CÒN LẠI TRONG HUYỆN	BÊ RỘNG MẶT ĐƯỜNG TỪ 2M TRỞ LÊN		2.700
790	NGUYỄN THỊ DỢT (CÂY CẨM)	LIÊN ẤP 1, 2, 3	RANH BÌNH TÂN	7.500
791	LẠI VĂN DŨNG (CÂY CẨM 2)	LIÊN ẤP 1-2-3	RANH QUẬN BÌNH TÂN	7.500
792	VÕ THỊ HỐI (ĐƯỜNG 1A)	VÕ VĂN VÂN	BẾN LỘI	10.600
793	NGUYỄN THỊ AI (ĐƯỜNG 1B)	VÕ VĂN VÂN	RẠCH CẦU SUỐI	6.700
794	LẠI THỊ BỒN (ĐƯỜNG 1C)	VÕ VĂN VÂN	ĐƯỜNG 1A	7.400
795	TRẦN THỊ ỚN (ĐƯỜNG 4A)	VÕ VĂN VÂN	RẠCH CẦU SUỐI	6.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
796	HUỶNH THỊ CẢ (ĐƯỜNG 5A)	VĨNH LỘC	KINH TRUNG ƯƠNG	6.400
797	PHAN THỊ MỌ (ĐƯỜNG 6A)	VĨNH LỘC	VÕ VĂN VÂN	6.100
798	NGUYỄN THỊ DIỆU (ĐƯỜNG 6B)	ĐƯỜNG VĨNH LỘC	ĐƯỜNG 6A	5.200
799	HỒ THỊ ĐỤC (ĐƯỜNG 6D)	LẠI HÙNG CƯỜNG	KÊNH LIÊN VÙNG	5.200
800	ĐƯỜNG ĐỀ BẢO ÁP 2-3 (VĨNH LỘC B)	VÕ VĂN VÂN	VÕ VĂN VÂN	7.700
801	HUỶNH THỊ MEO (MẸO) (ĐƯỜNG ĐỀ BẢO ÁP 5)	VĨNH LỘC	ĐƯỜNG 20 ÁP 5	6.100
802	TRẦN THỊ MƯỜI (ĐƯỜNG LIÊN ÁP 1-2)	LIÊN ÁP 1- 2-3 (BÊN LỘI)	RẠCH CẦU SUỐI	5.800
803	KINH TRUNG ƯƠNG	VĨNH LỘC	RANH XÃ VĨNH LỘC A	5.500
804	LẠI HÙNG CƯỜNG	VĨNH LỘC	VÕ VĂN VÂN	9.800
805	NGUYỄN THỊ TÚ	VĨNH LỘC	RANH QUẬN BÌNH TÂN	22.900
806	TRẦN HẢI PHỤNG	VĨNH LỘC	VÕ VĂN VÂN	6.600
807	VĨNH LỘC	KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC	TRẦN VĂN GIÀU	14.600
808	VÕ VĂN VÂN	RANH VĨNH LỘC B	...	13.800
809	ĐƯỜNG SỐ 3 (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG TRẦN HẢI PHỤNG	ĐƯỜNG SỐ 4	8.400
810	ĐƯỜNG SỐ 3A (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 8	9.200
811	ĐƯỜNG SỐ 3C (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG TRẦN HẢI PHỤNG	ĐƯỜNG SỐ 6B	9.400
812	ĐƯỜNG SỐ 4 (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG SỐ 3	TRỌN ĐƯỜNG	8.400
813	ĐƯỜNG SỐ 4A (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 5	7.800
814	ĐƯỜNG SỐ 5 (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG TRẦN HẢI PHỤNG	ĐƯỜNG SỐ 4	12.700
815	ĐƯỜNG SỐ 5A (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG SỐ 6D	TRỌN ĐƯỜNG	7.200
816	ĐƯỜNG SỐ 5B (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 8B	7.200
817	ĐƯỜNG SỐ 6 (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG SỐ 3	TRỌN ĐƯỜNG	9.200
818	ĐƯỜNG SỐ 6A (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 5A	10.900
819	ĐƯỜNG SỐ 6B (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG SỐ 3A	TRỌN ĐƯỜNG	9.400
820	ĐƯỜNG SỐ 6C (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG SỐ 3A	ĐƯỜNG SỐ 3C	7.800
821	ĐƯỜNG SỐ 6D (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG SỐ 5	TRỌN ĐƯỜNG	6.900
822	ĐƯỜNG SỐ 6E (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG SỐ 5	TRỌN ĐƯỜNG	7.800
823	ĐƯỜNG SỐ 6F (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG SỐ 5	TRỌN ĐƯỜNG	7.200
824	ĐƯỜNG SỐ 8 (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG SỐ 3	TRỌN ĐƯỜNG	8.400
825	ĐƯỜNG SỐ 8A (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG SỐ 3	TRỌN ĐƯỜNG	10.200
826	ĐƯỜNG SỐ 8B (KTĐC 30HA VLB)	ĐƯỜNG SỐ 5	TRỌN ĐƯỜNG	7.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
827	HUỲNH THỊ CỬA (ĐƯỜNG RẠCH CẦU SUỐI (BỜ TRÁI))	ĐƯỜNG VĨNH LỘC	KÊNH LIÊN VÙNG	5.500
828	LẠI THỊ DIỄN (TRỤC TÔ 7 ÁP 2)	ĐƯỜNG VÕ VĂN VÂN	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 1-2-3	5.800
829	LẠI THỊ ĐÔI (ĐƯỜNG LIÊN TÔ 10 - 11, ÁP 3)	ĐƯỜNG VÕ VĂN VÂN	ĐƯỜNG LẠI HÙNG CƯỜNG	5.200
830	LẠI THỊ NGHÊ (ĐƯỜNG LIÊN ÁP 3B)	ĐỀ BAO 2 - 3	BÌNH HƯNG HÒA B	6.100
831	LẠI THỊ THƯƠNG (ĐƯỜNG LIÊN TÔ 1-3-4 ÁP 2A)	ĐƯỜNG LIÊN TÔ 6-7-8-9	ĐƯỜNG TÔ 5 ÁP 2A	5.500
832	NGUYỄN THỊ ĐÔI (ĐƯỜNG LIÊN ÁP 4-4B)	ĐƯỜNG VÕ VĂN VÂN	ĐƯỜNG ĐỀ BAO ÁP 4	6.100
833	NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRỤC TÔ 1-2 ÁP 1A)	ĐƯỜNG VÕ VĂN VÂN	RANH BÌNH TÂN	5.500
834	NGUYỄN THỊ LÙNG (ĐƯỜNG TRỤC TÔ 17 ÁP 5)	ĐƯỜNG ĐỀ BAO ÁP 5	ĐƯỜNG KÊNH TRUNG ƯƠNG	5.200
835	NGUYỄN THỊ NGHÊ (ĐƯỜNG LIÊN TÔ 8 - 9 - 6 - 7, ÁP 2A)	ĐƯỜNG VÕ VĂN VÂN	ĐƯỜNG RẠCH CẦU SUỐI	5.200
836	NGUYỄN THỊ NUÔI (ĐƯỜNG NỘI DÀI ĐƯỜNG 6B, TÔ 11, 13, 14 ÁP 6A)	NHÀ ÔNG THIÊN VĂN SE	NHÀ BÀ BẢY HỒNG	5.500
837	NGUYỄN THỊ TÂM (ĐƯỜNG RẠCH CẦU SUỐI (BỜ PHẢI))	VĨNH LỘC	KÊNH LIÊN VÙNG	5.500
838	NGUYỄN THỊ TÂM (ĐƯỜNG TRỤC TÔ 8-9, ÁP 6A)	ĐƯỜNG 6A	KÊNH LIÊN VÙNG	5.200
839	NGUYỄN THỊ CHUYỀN (ĐƯỜNG 3B)	RẠCH CẦU SUỐI	RANH BÌNH TÂN	6.100
840	PHẠM THỊ XÉN (ĐƯỜNG 3A)	RẠCH CẦU SUỐI	RANH BÌNH TÂN	6.100
841	PHAN THỊ ÀI (ĐƯỜNG SỐ 1)	ĐỀ BAO 2 - 3	ĐỀ BAO 2 - 3	7.000
842	THÁI THỊ XIÊU (ĐƯỜNG LIÊN TÔ 8 - 9, ÁP 3)	ĐƯỜNG VÕ VĂN VÂN	ĐƯỜNG RẠCH CẦU SUỐI	5.200
843	TRỊNH THỊ CẬY (ĐƯỜNG LIÊN ÁP 3-4)	RẠCH CẦU SUỐI	RANH BÌNH TÂN	6.100
844	VÕ THỊ AI (ĐƯỜNG TRỤC TÔ 3, ÁP 1)	ĐƯỜNG 1A	KÊNH LIÊN VÙNG	3.700
845	VÕ THỊ THIÊU (ĐƯỜNG LIÊN TÔ 3-4 ÁP 6A)	ĐƯỜNG VĨNH LỘC	KÊNH T17	5.500
846	KINH LIÊN VÙNG	VĨNH LỘC	RANH QUẬN BÌNH TÂN	5.500

BẢNG 10
BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THUỜNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 1

*(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	ALEXANDRE DE RHODES	TRỌN ĐƯỜNG		258.200
2	BÀ LÊ CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		88.800
3	BÙI THỊ XUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		167.200
4	BÙI VIỆN	TRỌN ĐƯỜNG		147.500
5	CALMETTE	TRỌN ĐƯỜNG		161.600
6	CAO BÁ NHẠ	TRỌN ĐƯỜNG		92.300
7	CAO BÁ QUÁT	TRỌN ĐƯỜNG		129.100
8	CHU MẠNH TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		147.500
9	CÁCH MẠNG THÁNG 8	TRỌN ĐƯỜNG		184.400
10	CÔNG QUỲNH	TRỌN ĐƯỜNG		162.400
11	CÔ BÁC	TRỌN ĐƯỜNG		96.700
12	CÔ GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		97.000
13	CÔNG TRƯỜNG LAM SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		295.000
14	CÔNG TRƯỜNG MÊ LINH	TRỌN ĐƯỜNG		270.500
15	CÔNG XÃ PARIS	TRỌN ĐƯỜNG		270.500
16	CÂY ĐIẾP	TRỌN ĐƯỜNG		58.300
17	ĐÌNH CÔNG TRẮNG	TRỌN ĐƯỜNG		88.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
18	ĐÌNH TIỀN HOÀNG	LÊ DUÂN	ĐIỆN BIÊN PHỦ	99.100
		ĐIỆN BIÊN PHỦ	VÕ THỊ SÁU	126.300
		VÕ THỊ SÁU	CẦU BÔNG	95.300
19	ĐIỆN BIÊN PHỦ	CẦU ĐIỆN BIÊN PHỦ	ĐÌNH TIỀN HOÀNG	108.400
		ĐÌNH TIỀN HOÀNG	HAI BÀ TRUNG	135.500
20	ĐẶNG DUNG	TRỌN ĐƯỜNG		87.200
21	ĐẶNG THỊ NHƯ	TRỌN ĐƯỜNG		158.500
22	ĐẶNG TRẦN CÔN	TRỌN ĐƯỜNG		101.800
23	ĐẶNG TẮT	TRỌN ĐƯỜNG		87.200
24	ĐỀ THẨM	VÕ VĂN KIẾT	TRẦN HUNG ĐẠO	82.500
		TRẦN HUNG ĐẠO	PHẠM NGŨ LÃO	99.400
25	ĐÔNG KHÔI	TRỌN ĐƯỜNG		412.300
26	ĐỖ QUANG ĐẦU	TRỌN ĐƯỜNG		107.800
27	ĐÔNG DU	TRỌN ĐƯỜNG		245.900
28	HAI BÀ TRUNG	BẾN BẠCH ĐĂNG	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	270.500
		NGUYỄN THỊ MINH KHAI	VÕ THỊ SÁU	159.900
		VÕ THỊ SÁU	NGÃ 3 TRẦN QUANG KHẢI	183.100
		NGÃ 3 TRẦN QUANG KHẢI	CẦU KIỂU	146.100
29	HÒA MỸ	TRỌN ĐƯỜNG		60.200
30	HUYỀN QUANG	TRỌN ĐƯỜNG		67.000
31	HUYỀN TRẦN CÔNG CHỨA	TRỌN ĐƯỜNG		122.900
32	HUỖNH THỨC KHÁNG	NGUYỄN HUỆ	NAM KỶ KHÔI NGHĨA	258.200
		NAM KỶ KHÔI NGHĨA	QUÁCH THỊ TRANG	219.500
33	HUỖNH KHƯƠNG NINH	TRỌN ĐƯỜNG		71.600
34	HÀM NGHI	TRỌN ĐƯỜNG		257.600
35	HÀN THUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		258.200
36	HẢI TRIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		240.400
37	HOÀNG SA	TRỌN ĐƯỜNG		83.100
38	HỒ HUẤN NGHIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		258.200
39	HỒ HẢO HỒN	TRỌN ĐƯỜNG		82.300
40	HỒ TÙNG MẬU	VÕ VĂN KIẾT	HÀM NGHI	115.400
		HÀM NGHI	TÔN THẮT THIỆP	192.500
41	KỶ CON	TRỌN ĐƯỜNG		162.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
42	LÝ TỰ TRỌNG	NGÃ SÁU PHÙ ĐÔNG	HAI BÀ TRƯNG	257.600
		HAI BÀ TRƯNG	TÔN ĐỨC THẮNG	219.400
43	LÝ VĂN PHÚC	TRỌN ĐƯỜNG		76.600
44	LƯƠNG HỮU KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		105.700
45	LÊ ANH XUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		184.400
46	LÊ CÔNG KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		130.300
47	LÊ DUẤN	TRỌN ĐƯỜNG		280.000
48	LÊ LAI	CHỢ BẾN THÀNH	NGUYỄN THỊ NGHĨA	245.900
		NGUYỄN THỊ NGHĨA	NGUYỄN TRÃI	221.300
49	LÊ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		412.300
50	LÊ THÁNH TÔN	PHẠM HỒNG THÁI	HAI BÀ TRƯNG	295.000
		HAI BÀ TRƯNG	TÔN ĐỨC THẮNG	280.000
51	LÊ THỊ HỒNG GẮM	NGUYỄN THÁI HỌC	CALMETTE	135.300
		CALMETTE	PHỐ ĐỨC CHÍNH	166.000
52	LÊ THỊ RIÊNG	TRỌN ĐƯỜNG		184.400
53	LƯU VĂN LANG	TRỌN ĐƯỜNG		233.600
54	LÊ VĂN HƯU	TRỌN ĐƯỜNG		159.800
55	MAI THỊ LỰU	TRỌN ĐƯỜNG		113.500
56	MÃ LỘ	TRỌN ĐƯỜNG		69.200
57	MẠC THỊ BƯỚI	TRỌN ĐƯỜNG		245.900
58	MẠC ĐÌNH CHI	TRỌN ĐƯỜNG		166.000
59	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	CÁI THỊ NGHỆ	HAI BÀ TRƯNG	171.600
		HAI BÀ TRƯNG	CÓNG QUỲNH	183.500
		CÓNG QUỲNH	NGÃ SÁU NGUYỄN VĂN CỬ	184.400
60	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	VÕ VĂN KIẾT	HÀM NGHI	221.300
		HÀM NGHI	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	193.900
61	NGUYỄN AN NINH	TRỌN ĐƯỜNG		221.300
62	NGUYỄN CẢNH CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		125.200
63	NGUYỄN CÔNG TRÚ	NGUYỄN THÁI HỌC	PHỐ ĐỨC CHÍNH	159.800
		PHỐ ĐỨC CHÍNH	HỒ TÙNG MẬU	204.000
64	NGUYỄN CƯ TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		160.700
65	NGUYỄN DU	CÁCH MẠNG THÁNG 8	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	159.800
		NAM KỶ KHỞI NGHĨA	HAI BÀ TRƯNG	184.400
		HAI BÀ TRƯNG	TÔN ĐỨC THẮNG	159.800
66	NGUYỄN HUY TỰ	TRỌN ĐƯỜNG		95.600
67	NGUYỄN HUỆ	TRỌN ĐƯỜNG		412.300

4

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
68	NGUYỄN VĂN BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		159.800
69	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	TRỌN ĐƯỜNG		69.200
70	NGUYỄN HỮU CẦU	TRỌN ĐƯỜNG		92.900
71	NGUYỄN KHẮC NHU	TRỌN ĐƯỜNG		100.800
72	NGUYỄN PHI KHANH	TRỌN ĐƯỜNG		69.200
73	NAM QUỐC CANG	TRỌN ĐƯỜNG		122.900
74	NGUYỄN SIÊU	TRỌN ĐƯỜNG		129.100
75	NGUYỄN THIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		209.000
76	NGUYỄN THÁI BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		159.600
77	NGUYỄN THÁI HỌC	TRẦN HƯNG ĐẠO	PHẠM NGŨ LÃO	172.100
		ĐOẠN CÒN LẠI		135.300
78	NGUYỄN THÀNH Ý	TRỌN ĐƯỜNG		87.800
79	NGUYỄN THỊ NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		172.100
80	NGUYỄN TRUNG NGẠN	TRỌN ĐƯỜNG		100.800
81	NGUYỄN TRUNG TRỰC	LÊ LỢI	LÊ THÁNH TÔN	229.700
		LÊ THÁNH TÔN	NGUYỄN DU	215.200
82	NGUYỄN TRẢI	NGÃ 6 PHÙ ĐỔNG	CÓNG QUỲNH	245.900
		CÓNG QUỲNH	NGUYỄN VĂN CỪ	169.800
83	NGUYỄN VĂN CHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		184.400
84	NGUYỄN VĂN CỪ	VÕ VĂN KIẾT	TRẦN HƯNG ĐẠO	86.400
		TRẦN HƯNG ĐẠO	NGÃ 6 NGUYỄN VĂN CỪ	109.900
85	NGUYỄN VĂN GIAI	TRỌN ĐƯỜNG		122.900
86	NGUYỄN VĂN THỦ	HAI BÀ TRUNG	MẠC ĐÌNH CHI	135.300
		MẠC ĐÌNH CHI	HOÀNG SA	122.900
87	NGUYỄN VĂN TRẮNG	TRỌN ĐƯỜNG		122.900
88	NGUYỄN VĂN NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		88.000
89	NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU	HAI BÀ TRUNG	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	184.400
		NGUYỄN BÌNH KHIÊM	HOÀNG SA	166.000
90	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		136.400
91	NGÔ VĂN NĂM	TRỌN ĐƯỜNG		133.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
92	NGÕ ĐỨC KÊ	TRỌN ĐƯỜNG		245.900
93	PASTEUR	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	HÀM NGHI	211.000
		HÀM NGHI	VÕ VĂN KIẾT	194.500
94	PHAN BỘI CHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		245.900
95	PHAN CHÂU TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		245.900
96	PHAN KÊ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		101.600
97	PHAN LIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		92.100
98	PHAN NGŨ	TRỌN ĐƯỜNG		89.900
99	PHAN TÔN	TRỌN ĐƯỜNG		89.900
100	PHAN VĂN TRƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		95.900
101	PHAN VĂN ĐẠT	TRỌN ĐƯỜNG		159.800
102	PHẠM HỒNG THÁI	TRỌN ĐƯỜNG		233.600
103	PHẠM NGỌC THẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		171.400
104	PHẠM NGŨ LÃO	PHỐ ĐỨC CHÍNH	NGUYỄN THỊ NGHĨA	167.200
		NGUYỄN THỊ NGHĨA	NGUYỄN TRÃI	196.700
105	PHẠM VIỆT CHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		122.900
106	PHỐ ĐỨC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		176.600
107	PHÙNG KHẮC KHOAN	TRỌN ĐƯỜNG		104.600
108	SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		215.200
109	THI SÁCH	TRỌN ĐƯỜNG		159.800
110	THÁI VĂN LUNG	TRỌN ĐƯỜNG		222.800
111	THẠCH THỊ THANH	TRỌN ĐƯỜNG		95.900
112	THỦ KHOA HUÂN	NGUYỄN DU	LÝ TỰ TRỌNG	245.900
		LÝ TỰ TRỌNG	LÊ THÁNH TÔN	245.900
113	TRẦN CAO VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		178.900
114	TRẦN DOÃN KHANH	TRỌN ĐƯỜNG		89.900
115	TRẦN HƯNG ĐẠO	QUÁCH THỊ TRANG	NGUYỄN THÁI HỌC	192.500
		NGUYỄN THÁI HỌC	NGUYỄN KHẮC NHU	212.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		NGUYỄN KHẮC NHU	NGUYỄN VĂN CỬ	151.000
116	TRẦN KHÁNH DƯ	TRỌN ĐƯỜNG		87.200
117	TRẦN KHẮC CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		87.200
118	TRẦN NHẬT DUẬT	TRỌN ĐƯỜNG		87.200
119	TRẦN QUANG KHẢI	TRỌN ĐƯỜNG		105.400
120	TRẦN QUÝ KHOÁCH	TRỌN ĐƯỜNG		91.000
121	TRẦN ĐÌNH XU	TRỌN ĐƯỜNG		85.000
122	TRỊNH VĂN CÂN	TRỌN ĐƯỜNG		101.800
123	TRƯƠNG HÁN SIÊU	TRỌN ĐƯỜNG		53.200
124	TRƯƠNG ĐỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		221.600
125	TÔN THẮT THIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		190.600
126	TÔN THẮT TÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		176.600
127	TÔN THẮT ĐẠM	TÔN THẮT THIỆP	HÀM NGHI	221.300
		HÀM NGHI	VÕ VĂN KIẾT	176.600
128	TÔN ĐỨC THẮNG	LÊ DUẬN	CÔNG TRƯỜNG MÊ LINH	249.600
		CÔNG TRƯỜNG MÊ LINH	CÁU NGUYỄN TẮT THÀNH	268.700
129	VÕ VĂN KIẾT	TRỌN ĐƯỜNG		94.700
130	VÕ THỊ SÁU	TRỌN ĐƯỜNG		156.500
131	YERSIN	TRỌN ĐƯỜNG		178.300
132	NGUYỄN HỮU CẢNH	TÔN ĐỨC THẮNG	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	221.300
		NGUYỄN BÌNH KHIÊM	CÁU THỊ NGHÈ 2	221.300
133	TRẦN NGUYỄN ĐÁN	TRỌN ĐƯỜNG		105.400

BẢNG 10**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 3**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	BÀ HUYỆN THANH QUAN	TRỌN ĐƯỜNG		116.600
2	BÀN CỜ	TRỌN ĐƯỜNG		106.900
3	CÁC ĐƯỜNG TRONG CƯ XÁ ĐÔ THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		102.100
4	CÁCH MẠNG THÁNG 8	RANH QUẬN TÂN BÌNH	VÕ THỊ SÁU	110.300
		VÕ THỊ SÁU	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	122.800
5	CAO THẮNG	TRỌN ĐƯỜNG		157.300
6	CÔNG TRƯỜNG QUỐC TẾ	TRỌN ĐƯỜNG		204.100
7	ĐIỆN BIÊN PHỦ	NGÃ BẢY	CÁCH MẠNG THÁNG 8	114.400
		CÁCH MẠNG THÁNG 8	HAI BÀ TRUNG	135.500
8	ĐOÀN CÔNG BỮU	TRỌN ĐƯỜNG		92.300
9	HAI BÀ TRUNG	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	VÕ THỊ SÁU	159.900
		VÕ THỊ SÁU	LÝ CHÍNH THẮNG	183.100
		LÝ CHÍNH THẮNG	CẦU KIỂU	146.100
10	HOÀNG SA	TRỌN ĐƯỜNG		83.100
11	HỒ XUÂN HƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		136.100
12	HUYỀN TỊNH CỦA	TRỌN ĐƯỜNG		126.400
13	KỶ ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		140.900
14	LÊ NGỖ CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		121.500
15	LÊ QUỲ ĐÔN	TRỌN ĐƯỜNG		131.200
16	LÊ VĂN SỸ	CẦU LÊ VĂN SỸ	TRẦN QUANG DIỆU	148.300
		TRẦN QUANG DIỆU	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	126.400
17	LÝ CHÍNH THẮNG	RANH QUẬN 10	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	136.100
		NAM KỶ KHỞI NGHĨA	RANH QUẬN 1	136.100
18	LÝ THÁI TÔ	TRỌN ĐƯỜNG		111.800
19	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		193.900
20	NGỖ THỜI NHIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		136.100
21	NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	TRỌN ĐƯỜNG		160.400
22	NGUYỄN GIA THIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		106.900
23	NGUYỄN HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		102.100
24	NGUYỄN PHÚC NGUYỄN	TRỌN ĐƯỜNG		105.500
25	NGUYỄN SƠN HÀ	TRỌN ĐƯỜNG		106.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
26	NGUYỄN THỊ DIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		131.200
27	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	HAI BÀ TRUNG	CAO THẮNG	183.500
		CAO THẮNG	NGÃ 6 NGUYỄN VĂN CỬ	160.400
28	NGUYỄN THIỆN THUẬT	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	136.100
		NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	DIỆN BIÊN PHỦ	136.100
29	NGUYỄN THÔNG	HỒ XUÂN HƯƠNG	KỶ ĐỒNG	140.900
		KỶ ĐỒNG	TRẦN VĂN ĐANG	126.400
30	NGUYỄN THƯỢNG HIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		107.500
31	NGUYỄN VĂN MAI	TRỌN ĐƯỜNG		111.800
32	PASTEUR	TRẦN QUỐC TOÀN	VÔ THỊ SÁU	145.800
		VÔ THỊ SÁU	RANH QUẬN 1	163.700
33	PHẠM ĐÌNH TOÀI	TRỌN ĐƯỜNG		97.200
34	PHẠM NGỌC THẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		171.400
35	RẠCH BỪNG BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		106.900
36	SỨ THIỆN CHIỂU	TRỌN ĐƯỜNG		97.200
37	TRẦN CAO VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		178.900
38	TRẦN QUANG DIỆU	TRẦN VĂN ĐANG	LÊ VĂN SỸ	97.200
		LÊ VĂN SỸ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	116.600

39	TRẦN QUỐC THẢO	VÕ VĂN TÀN	LÝ CHÍNH THẮNG	126.400
		LÝ CHÍNH THẮNG	CẦU LỄ VĂN SỸ	126.400
40	TRẦN QUỐC TOÀN	TRẦN QUỐC THẢO	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	116.600
		NAM KỶ KHỞI NGHĨA	RANH QUẬN 1	126.400
41	TRẦN VĂN ĐĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		92.300
42	TRƯỜNG ĐỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		172.600
43	TRƯỜNG QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		92.300
44	TRƯỜNG SA	TRỌN ĐƯỜNG		98.900
45	TÚ XƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		145.800
46	VÕ THỊ SÁU	TRỌN ĐƯỜNG		136.100
47	VÕ VĂN TÀN	HỒ CON RÙA	CÁCH MẠNG THÁNG 8	179.800
		CÁCH MẠNG THÁNG 8	CAO THẮNG	160.400
48	VƯỜN CHUỐI	TRỌN ĐƯỜNG		102.100
49	ĐỖ THỊ LỜI	TRỌN ĐƯỜNG		104.500

Phụ lục 5

BẢNG 11**BẢNG GIÁ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ TRONG KHU CÔNG NGHỆ CAO**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT
(1)	(2)	(3)
1	ĐƯỜNG D1	26.208
2	ĐƯỜNG D2	26.208
3	ĐƯỜNG D2B	21.112
4	ĐƯỜNG D3	21.112
5	ĐƯỜNG D4	21.112
6	ĐƯỜNG D5	21.112
7	ĐƯỜNG D6	21.112
8	ĐƯỜNG D7	21.112
9	ĐƯỜNG D8	21.112
10	ĐƯỜNG D9	21.112
11	ĐƯỜNG D10	21.112
12	ĐƯỜNG D10B	21.112
13	ĐƯỜNG D11B	21.112
14	ĐƯỜNG D12	21.112
15	ĐƯỜNG D14A	21.112
16	ĐƯỜNG D14	21.112
17	ĐƯỜNG D15 - ĐOẠN 1	21.112
18	ĐƯỜNG D15 - ĐOẠN 2	21.112
19	ĐƯỜNG D16	21.112
20	ĐƯỜNG D17	21.112

21	ĐƯỜNG D18	21.112
22	ĐƯỜNG D19	21.112
23	ĐƯỜNG D20	21.112
24	ĐƯỜNG N1	21.112
25	ĐƯỜNG N2	21.112
26	ĐƯỜNG N3	21.112
27	ĐƯỜNG N3 NỐI DÀI	21.112
28	ĐƯỜNG N6	21.112
29	ĐƯỜNG N7	21.112
30	ĐƯỜNG N9	21.112
31	ĐƯỜNG N10	21.112
32	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI DỌC ĐƯỜNG VÀO	21.112
33	ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM, ĐÀO TẠO	21.112
34	ĐƯỜNG SONG HÀNH	21.112

BẢNG 12**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH KHÔNG PHẢI LÀ
ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ TRONG KHU CÔNG NGHỆ CAO***(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT (1)	TÊN ĐƯỜNG (2)	GIÁ ĐẤT (3)
1	ĐƯỜNG D1	15.120
2	ĐƯỜNG D2	15.120
3	ĐƯỜNG D2B	12.180
4	ĐƯỜNG D3	12.180
5	ĐƯỜNG D4	12.180
6	ĐƯỜNG D5	12.180
7	ĐƯỜNG D6	12.180
8	ĐƯỜNG D7	12.180
9	ĐƯỜNG D8	12.180
10	ĐƯỜNG D9	12.180
11	ĐƯỜNG D10	12.180
12	ĐƯỜNG D10B	12.180
13	ĐƯỜNG D11B	12.180
14	ĐƯỜNG D12	12.180
15	ĐƯỜNG D14A	12.180
16	ĐƯỜNG D14	12.180
17	ĐƯỜNG D15 - ĐOẠN 1	12.180
18	ĐƯỜNG D15 - ĐOẠN 2	12.180
19	ĐƯỜNG D16	12.180
20	ĐƯỜNG D17	12.180
21	ĐƯỜNG D18	12.180
22	ĐƯỜNG D19	12.180
23	ĐƯỜNG D20	12.180
24	ĐƯỜNG N1	12.180
25	ĐƯỜNG N2	12.180
26	ĐƯỜNG N3	12.180
27	ĐƯỜNG N3 NỐI DÀI	12.180
28	ĐƯỜNG N6	12.180
29	ĐƯỜNG N7	12.180
30	ĐƯỜNG N9	12.180
31	ĐƯỜNG N10	12.180
32	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI DỌC ĐƯỜNG VÀO	12.180
33	ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM, ĐÀO TẠO	12.180
34	ĐƯỜNG SONG HÀNH	12.180

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng